

[younited]

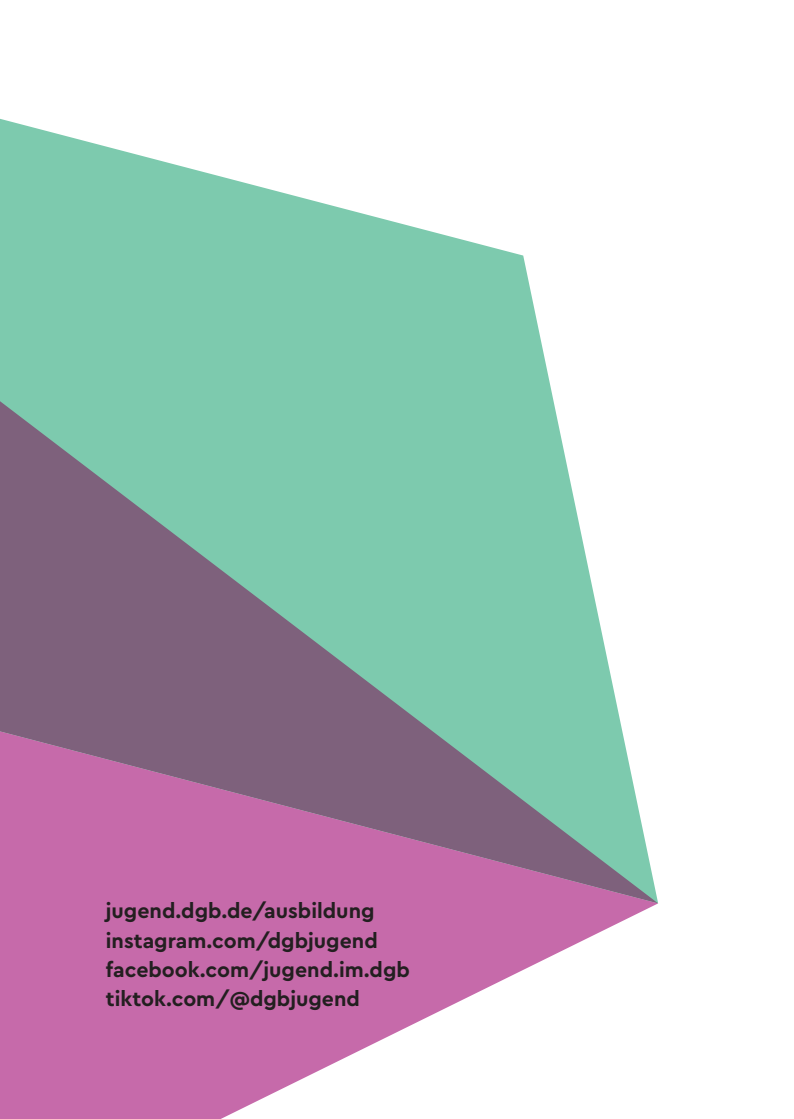
Dein Netzwerk
für die Ausbildung



2026/27 La bàn: Đào tạo

Quyền của bạn tại doanh nghiệp
và tại Berufsschule (trường nghề)

Vietnamesisch



jugend.dgb.de/ausbildung
instagram.com/dgbjugend
facebook.com/jugend.im.dgb
tiktok.com/@dgbjugend

03	Giới thiệu
16	01 Bắt đầu vào giai đoạn học nghề
38	02 Doanh nghiệp và Berufsschule (trường nghề)
84	03 Kết thúc đào tạo
96	Mitbestimmung (tham gia ý kiến) tại doanh nghiệp và Berufsschule (trường nghề)
105	Chúng tôi là Ban Thanh niên của Liên đoàn Công đoàn Đức (DGB-Jugend). Mạng lưới của bạn trong thời gian học nghề
114	Liên hệ
122	Mục lục tra cứu





Ngoài ra: „La bàn: Đào tạo“ được cập nhật mỗi năm. Bạn luôn có thể tìm thấy phiên bản mới nhất trên trang web của chúng tôi:

→ jugend.dgb.de/ausbildung



Lưu ý: Tài liệu này đề cập đến các quyền và nghĩa vụ của người học nghề thuộc phạm vi áp dụng của Berufsbildungsgesetz (BBiG – Luật Đào tạo Nghề).

Chúng tôi luôn ở đây vì bạn!

Tài liệu này nhằm hỗ trợ bạn trong suốt quá trình đào tạo – từ lúc bắt đầu cho đến khi hoàn thành thành công. Tại đây, bạn sẽ tìm thấy tất cả những thông tin quan trọng về quyền lợi, nghĩa vụ và các khả năng của mình. Tài liệu này sẽ giúp bạn khi có thắc mắc hoặc cảm thấy chưa chắc chắn. Ví dụ, khi bạn cần hỗ trợ tài chính hoặc khi bạn trở thành cha hoặc mẹ. Và một lưu ý quan trọng: nội dung trong tài liệu này có thể xuất hiện trong kỳ thi của bạn. Vì vậy, đây cũng là một nguồn hỗ trợ hữu ích để chuẩn bị cho kỳ thi.

Chúng tôi là DGB-Jugend (Thanh niên của Liên đoàn Công đoàn Đức – DGB) – mạng lưới hỗ trợ bạn trong quá trình đào tạo. Khi có điều chưa rõ hoặc gặp khó khăn, bạn có thể liên hệ với chúng tôi. betriebliche Interessenvertretung (Đại diện quyền lợi tại doanh nghiệp) của bạn cũng luôn sẵn sàng hỗ trợ. Cùng nhau, chúng ta có thể đạt được nhiều hơn. Ausbildungsqualität (Chất lượng đào tạo) tốt là rất quan trọng. Điều đó giúp bạn có được sự khởi đầu tốt nhất trong sự nghiệp.

Bạn có thể tìm thấy thông tin liên hệ của chúng tôi ở cuối tài liệu này. Chúng tôi mong được gặp bạn.

Chúc bạn mọi điều tốt đẹp và nhiều thành công!

DGB-Jugend (Thanh niên của Liên đoàn Công đoàn Đức của bạn)

Nina Krüger
DGB-Bundesjugendsekretärin
(Thư ký Thanh niên Liên bang DGB)



Các chữ viết tắt

Luật

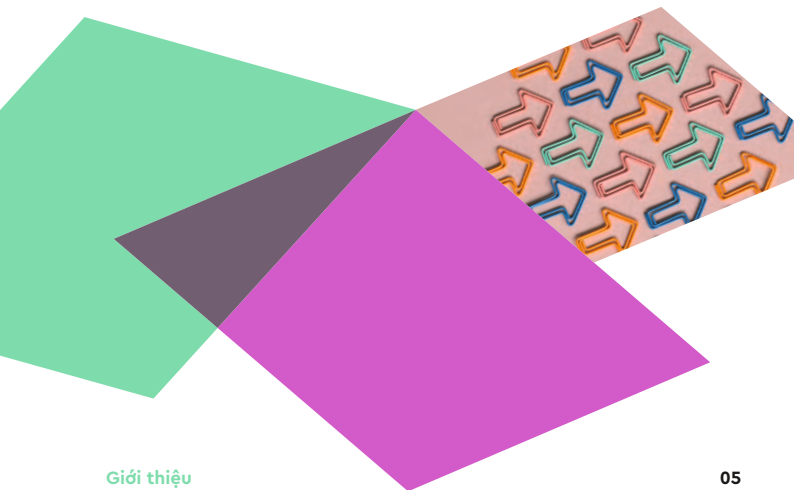
AGG	Allgemeines Gleichbehandlungsgesetz (Luật Bình đẳng chung)
ArbSchG	Arbeitsschutzgesetz (Luật An toàn và Bảo hộ Lao động)
ArbZG	Arbeitszeitgesetz (Luật Thời giờ Làm việc)
BAB	Arbeitszeitgesetz (Trợ cấp đào tạo nghề)
BAföG	Bundesausbildungsförderungsgesetz (Luật Liên bang Đức về Hỗ trợ Tài chính cho Đào tạo và Giáo dục)
BAG	Berufsausbildungsförderungsgesetz (Tòa án Lao động Liên bang)
BBiG	Berufsbildungsgesetz (Luật Đào tạo Nghề)
BetrVG	Betriebsverfassungsgesetz (Luật Tổ chức Doanh nghiệp)
BUrlG	Bundesurlaubsgesetz (Luật Nghỉ phép Liên bang)
JArbSchG	Jugendarbeitsschutzgesetz (Luật Bảo vệ Lao động Thanh thiếu niên)
KSchG	Kündigungsschutzgesetz (Luật Bảo vệ chống Sa thải)
MuSchG	Mutterschutzgesetz (Luật Bảo vệ Thai sản)
PersVG	Personalvertretungsgesetz (Luật Đại diện Nhân sự)

Đại diện quyền lợi trong doanh nghiệp

JAV	Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề)
SV	Schüler*innenvertretung (Đại diện học sinh)
IV	Außerbetriebliche Interessenvertretung (Đại diện quyền lợi ngoài doanh nghiệp)

Cách sử dụng tài liệu này một cách dễ dàng

Các chương được sắp xếp theo từng giai đoạn trong quá trình đào tạo của bạn. Mọi thông tin về việc bắt đầu đào tạo nằm ở phần đầu. Những nội dung quan trọng cho giai đoạn kết thúc đào tạo nằm ở phần cuối. Để bạn có thể nhanh chóng tìm được nội dung cần thiết, ở cuối tài liệu (trang 122) có một bảng tra cứu theo từ khóa. Bạn chỉ cần tìm từ khóa mà mình quan tâm. Bên cạnh đó sẽ có số trang tương ứng. Khi mở đến trang đó, bạn sẽ tìm thấy thông tin cần biết. Điều này cũng áp dụng cho phần nội dung chính: tất cả các từ khóa đều được đánh dấu. Nếu bạn muốn tìm hiểu thêm về một thuật ngữ đã được đánh dấu, hãy lật đến bảng tra cứu ở cuối tài liệu. Số trang được ghi ở đó sẽ dẫn bạn đến phần giải thích chi tiết trong tài liệu.



Hệ thống đào tạo kép

Ở Đức có nhiều hình thức đào tạo nghề khác nhau.

- Trong hệ **duales System** (Hệ thống đào tạo kép), người học nghề học tại 2 nơi: tại doanh nghiệp và tại Berufsschule (trường nghề). Đây là hệ thống đào tạo có số lượng người học nghề lớn nhất.
- **Außerbetriebliche Ausbildung** (Đào tạo ngoài doanh nghiệp) diễn ra tại một Bildungsträger (cơ sở đào tạo), tại Berufsschule (trường nghề) và đôi khi cả trong các đợt thực hành tại doanh nghiệp.
- Trong **vollzeitschulische Ausbildung** (Đào tạo toàn thời gian) tại trường Berufsschule (trường nghề), người học nghề chỉ học tại Berufsschule (trường nghề) hoặc tại một Bildungsträger (cơ sở đào tạo).

Dù người học nghề được đào tạo theo mô hình nào, tất cả đều phải học tại Berufsschule (trường nghề).

Quyền được đào tạo nghề

Bạn vẫn chưa chắc chắn nghề nào phù hợp với mình? Hoặc bạn vẫn chưa tìm được Ausbildungsplatz (chỗ học nghề)? Vậy chúng tôi có một tin tốt dành cho bạn. Từ năm 2024, đã có **Ausbildungsgarantie** (bảo đảm đào tạo nghề). Điều đó có nghĩa là bạn có quyền được tham gia một chương trình đào tạo nghề ngoài doanh nghiệp. DGB Jugend (Thanh niên Liên đoàn Công đoàn Đức – DGB) đã đấu tranh trong thời gian dài để đạt được điều này.

Những điều kiện để bạn có thể tham gia đào tạo außerbetriebliche Ausbildung (tạo nghề ngoài doanh nghiệp) là gì?

- Có thể chứng minh được rằng bạn đã nộp đơn xin học nghề nhưng bạn không nhận được Ausbildungsplatz (chỗ học nghề).
- Bạn đã tham gia Berufsberatung (tư vấn nghề nghiệp).
- Agentur für Arbeit (Cơ quan Lao động) không thể giới thiệu được chỗ học nghề phù hợp cho bạn.
- Bạn sống trong một khu vực không có đủ Ausbildungsplätze (chỗ học nghề).
- Không có giới hạn độ tuổi đối với Ausbildungsgarantie (bảo đảm đào tạo nghề).

Tốt nhất bạn nên đến Agentur für Arbeit (cơ quan Lao động) để được tư vấn và hỏi Gewerkschaftsjugend (tổ chức Thanh niên Công đoàn) của bạn xem quyền hợp pháp về đào tạo nghề có được áp dụng tại nơi bạn sinh sống hay không.

Thời gian außerbetriebliche Ausbildung (đào tạo nghề ngoài doanh nghiệp) – tùy theo Ausbildungsberuf (ngành nghề đào tạo) – kéo dài từ 24 đến 42 tháng. Bạn sẽ nhận được Ausbildungsvergütung (tiền lương đào tạo), tức là bạn có thu nhập trong thời gian học nghề. Ngoài ra, bạn cũng được tham gia Sozialversicherung (bảo hiểm xã hội). Phần thực hành của quá trình đào tạo diễn ra tại xưởng thực hành của Ausbildungsbetrieb (cơ sở đào tạo) hoặc tại một Bildungsträger (doanh nghiệp đào tạo). Phần lý thuyết được giảng dạy tại Berufsschule (trường nghề).

Trong quá trình außerbetriebliche Ausbildung (đào tạo nghề ngoài doanh nghiệp), bạn cố gắng tìm một doanh nghiệp để tiếp nhận bạn vào betriebliche Ausbildung (đào tạo nghề trong doanh nghiệp).

Nếu bạn phải chuyển chỗ ở vì quá trình đào tạo, bạn có thể nhận được (Mobilitätzuschuss) (trợ cấp di chuyển) trong năm đào tạo đầu tiên. Khoản trợ cấp này tương đương với chi phí cho 2 chuyến về nhà mỗi tháng.

Với việc hoàn thành chương trình đào tạo, bạn sẽ nhận được bằng tốt nghiệp nghề có giá trị đầy đủ.



Arbeitgeber*in (Người sử dụng lao động) là người thuê người khác làm việc và trả lương cho họ.

Mitarbeiter*innen (Người lao động) làm việc để kiếm sống. Về mặt pháp lý, họ thực hiện công việc phụ thuộc, chịu sự quản lý và chỉ đạo của người khác trong một doanh nghiệp mà họ không sở hữu. **Auszubildende** (Người học nghề) học một nghề nghiệp và đang tham gia vào một **Ausbildungsverhältnis** (quan hệ đào tạo nghề). Về mặt pháp lý, họ về cơ bản cũng là người lao động. Trong luật, họ được gọi là „**Beschäftigte** (người được tuyển dụng) để đào tạo nghề" (Điều 6 I AGG).

Ausbildende*r (Người đào tạo) là người ký **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo nghề) của bạn. Người này tuyển dụng bạn nhằm mục đích **Berufsausbildung** (đào tạo nghề). Việc tổ chức và thực hiện đào tạo thực tế có thể được giao cho các nhân viên khác. Những người này chính là **Ausbilder** (người hướng dẫn đào tạo). Do đó, **Ausbildende** và **Ausbilder** (người hướng dẫn đào tạo / người đào tạo trực tiếp) thường là những người khác nhau.

Ausbilder*in (Người hướng dẫn đào tạo) chịu trách nhiệm về việc đào tạo của bạn trong doanh nghiệp. Người này có nhiệm vụ dạy cho bạn tất cả những gì bạn cần biết và phải làm được.

Nhiệm vụ này cũng có thể được chuyển giao cho các nhân viên có kinh nghiệm khác. **Ausbilder*innen** (Người hướng dẫn đào tạo) phải đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất cá nhân và trình độ chuyên môn phù hợp với công tác đào tạo nghề.

Industrie- und Handelskammer (IHK) (Phòng Công nghiệp và Thương mại (IHK) và **Handwerkskammer (HWK)** (Phòng Thủ công nghiệp) (HWK) có nhiệm vụ giám sát việc đào tạo nghề. Họ kiểm tra tính phù hợp của **Ausbildungsverträge** (các doanh nghiệp đào tạo) và người hướng dẫn đào tạo. Họ kiểm tra hợp đồng đào tạo nghề và ghi nhận chúng vào sổ đăng ký. Họ tổ chức các kỳ thi giữa khóa và **Abschlussprüfungen** (kỳ thi tốt nghiệp).

Arbeitgeber*innen (Các nhà sử dụng lao động) được tập hợp trong các **Arbeitgeber*innenverbänden** (Hiệp hội nhà sử dụng lao động). Những hiệp hội này đại diện và bảo vệ lợi ích của **Arbeitgeber*innen** (nhà sử dụng lao động), đồng thời ký kết **Tarifverträge** các (Thỏa ước tập thể) với **Gewerkschaften** (Công đoàn). Ngoài ra, **Arbeitgeber*innenverbände** (các hiệp hội nhà sử dụng lao động) còn nỗ lực ảnh hưởng đến dư luận theo hướng có lợi cho phía **Arbeitgeber*innen** (nhà sử dụng lao động).

Gewerkschaften (Công đoàn) là tổ chức tập hợp của **Arbeitnehmer*innen** (người lao động) – những người phải làm việc để kiếm sống. Trong **Gewerkschaften** (công đoàn), họ cùng nhau đại diện và bảo vệ lợi ích của mình, vì một cá nhân đơn lẻ thường khó đạt được nhiều kết quả. **Gewerkschaften** (Công đoàn) độc lập với nhà nước và các đảng phái chính trị. Việc gia nhập công đoàn là tự nguyện và luôn mang lại lợi ích. Trong **Deutschen Gewerkschaftsbund (DGB)** (Liên đoàn Công đoàn Đức) có 8 công đoàn thành viên. **DGB** (Liên đoàn Công đoàn Đức) là tổ chức mái chính trị lớn nhất nước Đức.

Bạn sẽ trở thành thành viên của Gewerkschaften (công đoàn) phụ trách lĩnh vực hoặc ngành nghề mà bạn đang làm việc.

Mitbestimmung (Tham gia quyết định) nghĩa là được cùng tham gia vào việc ra những quyết định quan trọng trong doanh nghiệp. Quyền này thuộc về Betriebsrat người lao động (Ban đại diện) hoặc Personalrat (Hội đồng nhân sự) cũng như Jugend- und Auszubildendenvertretung – JAV (Ban đại diện thanh niên và người học nghề (JAV)). Ngoài ra, Arbeitnehmer*innen (người lao động) còn có nhiều hình thức khác để ảnh hưởng đến các quyết định trong doanh nghiệp.



Gesetzespyramide (Kim tự tháp pháp luật)

Là người học nghề, bạn có các quyền riêng. Nhiều quyền này đã được các **Gewerkschaften** (công đoàn) đấu tranh và giành được. Những quyền này bảo vệ bạn và tăng cường vị thế của bạn. Bạn có thể viện dẫn chúng, đòi hỏi thực hiện chúng và trong trường hợp khẩn cấp cũng có thể khởi kiện để bảo vệ quyền lợi. Tuy nhiên, để làm được những điều trên, trước tiên bạn cần phải biết rõ về các quyền của mình.

- **Nội dung trong **Ausbildungsvertrag** (Hợp đồng đào tạo nghề) của bạn không có hiệu lực nếu vi phạm pháp luật.** Lúc này áp dụng **Rangprinzip** (Nguyên tắc thứ bậc). Nguyên tắc này quy định rằng luật pháp có hiệu lực cao hơn **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo nghề), vì luật là nguồn pháp lý cấp cao hơn.
- Tuy nhiên, cũng có ngoại lệ đối với nguyên tắc này. Ví dụ: nếu hợp đồng của bạn chứa quy định có lợi hơn cho bạn **Günstigkeitsprinzip** (nguyên tắc có lợi), thì quy định có lợi hơn sẽ được áp dụng.
- **Rangprinzip** (Nguyên tắc thứ bậc) cũng áp dụng cho **Tarifverträge** (thỏa ước tập thể). Chẳng hạn, nếu **tarifliche Regelungen** (thỏa ước tập thể) áp dụng cho doanh nghiệp của bạn có quy định tốt hơn so với **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo nghề), bạn sẽ được hưởng các quy định thuận lợi hơn đó. Để được hưởng, bạn chỉ cần là thành viên của một công đoàn.

- Các phán quyết của **Arbeitsgerichte** (tòa án lao động) cũng rất quan trọng. Bởi vì nhiều nội dung trong luật lao động chưa được quy định chi tiết, ví dụ như **Streikrecht** (quyền đình công).

Khi gặp các vấn đề pháp lý, bạn nên luôn tham khảo ý kiến của các chuyên gia. Ví dụ: từ *betriebliche Interessenvertretung* (Ban đại diện người lao động trong doanh nghiệp) hoặc từ *Gewerkschaft* (công đoàn) của bạn.





Berufsbildungsgesetz – BBiG (Luật Đào tạo Nghề (BBiG)) quy định về đào tạo nghề tại doanh nghiệp. Trong luật này đã được quy định rõ nhiều quyền và nghĩa vụ của **Ausbildenden** (người đào tạo) và người học nghề – từ **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo nghề) cho đến **Abschlussprüfung** (kỳ thi kết thúc) khóa học.

Arbeitsschutzgesetz (ArbSchG) (Luật Bảo hộ Lao động) quy định các nghĩa vụ chung của **Arbeitgeber*innen** (nhà sử dụng lao động) và **Beschäftigte** (người lao động) trong lĩnh vực **Arbeitsschutz** (bảo hộ lao động).

Jugendarbeitsschutzgesetz (JARbschG) (Luật Bảo hộ Lao động cho Thanh thiếu niên (JARbschG)) quy định mức bảo hộ lao động đặc biệt dành cho người học nghề vị thành niên dưới 18 tuổi.

Betriebsverfassungsgesetz (BetrVG) (Luật Tổ chức Doanh nghiệp (BetrVG)) quy định về **Mitbestimmung** (quyền tham gia quyết định) của **Betriebsrat** (Ban đại diện người lao động) và **Jugend- und Auszubildendenvertretung – JAV** (Ban đại diện thanh niên và người học nghề (JAV)) trong doanh nghiệp. Luật này quy định về việc bầu Ban đại diện người lao động và Ban đại diện thanh niên và người học nghề (JAV), cũng như nhiệm vụ và quyền của họ.

Personalvertretungsgesetz (PersVG) (Luật Đại diện Nhân sự (PersVG)) là nền tảng pháp lý cho **Personalrat** (Hội đồng nhân sự) trong lĩnh vực công vụ và dịch vụ công.

Việc sửa đổi lớn nhất gần đây của Luật Đào tạo Nghề (BBiG) có hiệu lực từ năm 2020. Trong đợt sửa đổi này, **Gewerkschaftsjugend** (Thanh niên Công đoàn) chúng tôi đã đấu tranh và giành được nhiều cải tiến quan trọng dành cho người học nghề. Hiện nay quy định như sau:

-
- Một ngày học tại **Berufsschule** (trường nghề) mỗi tuần được tính là một ngày làm việc đầy đủ, nếu bạn tham gia ít nhất 5 tiết học.
 - Vào ngày trước **Abschlussprüfung** (kỳ thi viết tốt nghiệp), bạn được nghỉ một ngày tự do để chuẩn bị cho kỳ thi.
 - Lần đầu tiên **Mindestausbildungsvergütung – MiAV** có (mức lương đào tạo tối thiểu (MiAV)). Quy định này giúp tránh tình trạng lương đào tạo quá thấp.
 - Sách vở và tài liệu học tập phục vụ cho phần đào tạo tại doanh nghiệp phải được nhà sử dụng lao động cung cấp miễn phí.

Ngoài ra, **Berufsvalidierungs- und -digitalisierungsgesetz – BVaDiG** (Luật Thẩm định Nghề nghiệp và Chuyển đổi số (BVaDiG)) cũng đã mang lại nhiều cải tiến đáng kể cho người học nghề:

- **Wegezeiten** (Thời gian di chuyển) giữa trường nghề và doanh nghiệp nay được tính là **Arbeitszeit** (thời gian làm việc). Trước đây nhiều nhà sử dụng lao động không muốn công nhận điều này.
- **Mobile Ausbildung** (Việc đào tạo di động) đã được quy định rõ trong luật. Điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính cần thiết cho đào tạo di động phải được nhà sử dụng lao động cung cấp miễn phí. Đây là một bước tiến quan trọng nhằm giúp người học nghề tiếp cận với đào tạo di động – không phụ thuộc vào điều kiện kinh tế gia đình.



Bạn có thể xem tổng quan toàn bộ các thay đổi và tải brochure «Những gì mới trong Luật Đào tạo Nghề (BBiG)?» của chúng tôi tại đây: jugend.dgb.de/bbig24







01

Bắt đầu vào giai đoạn học nghề

Doanh nghiệp của tôi có áp dụng Tarifvertrag (thỏa ước tập thể) không? Ausbildungsvergütung (Mức lương đào tạo) của tôi có hợp lý không? Tôi nên liên hệ với ai khi gặp vấn đề? Tại đây bạn sẽ tìm thấy những thông tin quan trọng nhất để có một khởi đầu an toàn và vững chắc. Với mọi câu hỏi khác, Jugend- und Auszubildendenvertretung (JAV) (Ban đại diện thanh niên và người học nghề (JAV)), Betriebsrat (Ban đại diện người lao động) hoặc Personalrat (Hội đồng nhân sự) và Gewerkschaft (công đoàn) của bạn chính là những người hỗ trợ và tư vấn đáng tin cậy.

Praktikum zur Berufsorientierung (Thực tập định hướng nghề nghiệp)

Praktikum (Thực tập) có thể là một cơ hội tốt để bạn tìm hiểu xem một nghề nghiệp có phù hợp với mình hay không. Tuy nhiên cần lưu ý: Thực tập thường bị lạm dụng. Nhiều thực tập sinh phải làm việc đầy đủ như nhân viên chính thức nhưng lại nhận lương rất thấp hoặc thậm chí không được trả lương. Điều quan trọng là: Mục đích của thực tập là học tập. Mọi thực tập đều phải được thực hiện dựa trên hợp đồng thực tập bằng văn bản. Hợp đồng này quy định về Vergütung (mức lương), Arbeitszeit (thời gian làm việc) và thời hạn thực tập. Ngoài ra, hợp đồng còn nêu rõ những nội dung sẽ được học trong quá trình thực tập. Các thực tập phải được trả lương theo Mindestlohn mức (lương tối thiểu) theo luật là 13,90 Euro/giờ (năm 2026) hoặc 14,60 Euro/giờ (năm 2027). Tuy nhiên, có một số ngoại lệ. Praktikum zur Berufsorientierung (Thực tập định hướng nghề nghiệp) cũng thuộc trường hợp ngoại lệ nếu thời gian thực tập dưới 3 tháng. Trong những trường hợp sau đây, bạn không có quyền đòi lương tối thiểu:

- Thực tập là bắt buộc theo quy định của chương trình học hoặc quy chế đào tạo của trường.
- Thực tập kéo dài dưới 3 tháng và nhằm mục đích định hướng nghề nghiệp hoặc định hướng Studium (học tập).
- Thực tập kéo dài dưới 3 tháng và được thực hiện trong quá trình học đại học.
- Bạn là người vị thành niên (dưới 18 tuổi) và chưa có chứng chỉ hoàn thành Berufsausbildung (đào tạo nghề).

Bạn muốn biết những gì áp dụng cho kỳ Praktikum (thực tập) của mình? Hãy liên hệ với Gewerkschaft (công đoàn) – chúng tôi sẵn sàng thông tin và hỗ trợ bạn.

Ausbildungsvertrag (Hợp đồng đào tạo nghề)

Cơ sở pháp lý của việc đào tạo nghề là **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo nghề). Bạn phải nhận được hợp đồng này từ **Ausbildende** (người đào tạo) bằng văn bản trước khi bắt đầu chương trình đào tạo. Theo quy định mới, hợp đồng cũng có thể được cung cấp dưới dạng điện tử (Điều 11 khoản 2 BBiG), với điều kiện bạn có thể lưu trữ và in được hợp đồng đó. **Arbeitgeber*innen** (Nhà sử dụng lao động) phải chứng minh được rằng bạn đã nhận hợp đồng. Đồng thời, bạn cũng có nghĩa vụ xác nhận việc nhận hợp đồng đào tạo nghề (Điều 13 số 8 BBiG). Trong đào tạo kép, đối tác ký **Ausbildungsvertrag** (kết hợp đồng đào tạo) với bạn là doanh nghiệp. Trong **außerbetriebliche Ausbildung** (đào tạo ngoài doanh nghiệp), **Bildungsträger** (cơ sở đào tạo) là đối tác.

Ausbildungsvertrag (Hợp đồng đào tạo nghề) phải được bạn và **Ausbildende** (người đào tạo) ký kết. Nếu bạn chưa đủ 18 tuổi, hợp đồng cũng phải được người đại diện theo pháp luật của bạn ký. Bạn sẽ nhận được một bản sao của hợp đồng đã được ký đầy đủ.



Người đào tạo có trách nhiệm gửi *Ausbildungsvertrag* (hợp đồng đào tạo nghề) đến Phòng Công nghiệp và Thương mại (IHK) hoặc Phòng Thủ công nghiệp (HWK) có thẩm quyền để kiểm tra và đăng ký. Việc này nhằm kiểm tra xem các *Ausbildungsinhalte* (nội dung đào tạo) cần thiết có được *Ausbildende* (người đào tạo) đảm bảo truyền đạt hay không và hợp đồng có tuân thủ đúng quy định pháp luật không. *Ausbildungsvertrag* (Hợp đồng đào tạo nghề) của bạn phải chứa ít nhất các nội dung sau (Điều 11 *BiG*):



- **Họ và tên cũng như địa chỉ của *Ausbildende* (người đào tạo) và người học nghề; nếu người học nghề chưa đủ 18 tuổi, phải bổ sung họ và tên cùng địa chỉ của người đại diện theo pháp luật,**
- ***Ausbildungsplan* (Kế hoạch đào tạo) hoặc *Ausbildungsrahmenplan* (khung chương trình đào tạo): mô tả loại hình, mục tiêu của việc *Berufsausbildung* (đào tạo nghề), các giai đoạn đào tạo và cách phân bổ thời gian,**
- **Thời điểm bắt đầu và thời hạn của việc *Berufsausbildung* (đào tạo nghề),**
- ***Ausbildungsstätte* (Địa điểm đào tạo) và *Ausbildungsmaßnahmen* (các biện pháp đào tạo) ngoài địa điểm đào tạo,**
- **Thông tin về việc *Ausbildungsnachweis* (sổ theo dõi đào tạo) sẽ được ghi chép dưới dạng văn bản hay điện tử,**
- **Thời gian đào tạo thông thường mỗi ngày,**
- ***Probezeit* (Thời gian thử việc),**
- **Việc thanh toán và *Vergütung* đào tạo (mức lương),**
- **Việc thanh toán hoặc bù đắp cho giờ làm thêm (*Überstunden*),**
- **Thời gian *Urlaub* hàng năm (nghỉ phép),**
- **Các điều kiện để có thể chấm dứt hợp đồng đào tạo nghề,**
- **Tham chiếu đến các *Tarifverträge* (thỏa ước tập thể), thỏa thuận doanh nghiệp hoặc *Dienstvereinbarungen* (thỏa thuận dịch vụ công) áp dụng cho *Ausbildungsverhältnis* (quan hệ đào tạo nghề).**

Tất cả những điểm này phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Bên cạnh các nội dung bắt buộc phải có trong *Ausbildungsvertrag* (hợp đồng đào tạo nghề), cũng tồn tại một số quy định tuyệt đối không được phép đưa vào hợp đồng.

- **Ausbildungsvertrag (Hợp đồng đào tạo nghề) của bạn không được chứa bất kỳ quy định nào hạn chế hoạt động nghề nghiệp của bạn sau khi kết thúc thời gian đào tạo.**
- **Không được có bất kỳ nghĩa vụ ở lại nào buộc bạn phải tiếp tục làm việc cho *Ausbildungsbetrieb* (doanh nghiệp đào tạo) trong một khoảng thời gian nhất định sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.** Tuy nhiên, quy định này không áp dụng nếu trong vòng 6 tháng cuối của thời gian đào tạo, bạn tự nguyện cam kết sẽ ký kết hợp đồng lao động với *Ausbildungsbetrieb* (doanh nghiệp đào tạo) sau khi kết thúc đào tạo.
- **Bạn không được buộc phải thanh toán bất kỳ khoản chi phí nào liên quan đến việc đào tạo nghề của mình.**
- **Hợp đồng không được quy định bất kỳ *Vertragsstrafen* (khoản phạt vi phạm) hợp đồng nào.**
- **Cũng không được thỏa thuận các điều khoản loại trừ hoặc hạn chế *Schadensersatzansprüche* (quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại).**
- **Và không được quy định rằng bạn phải *Schadensersatz* (bồi thường thiệt hại) nếu bạn chấm dứt hợp đồng đào tạo trước thời hạn.**



Thời gian **Ausbildung** (đào tạo nghề) của bạn có thể được **verkürzt** (rút ngắn), nếu bạn đã có kinh nghiệm chuyên môn trong nghề mà bạn đang học (Điều 7 và 8 Luật Đào tạo Nghề – BBiG). Các quy định cụ thể về việc rút ngắn thời gian đào tạo khác nhau tùy theo từng Bundesland (bang). Thông thường, bạn có thể rút ngắn thời gian đào tạo vì các lý do sau:

- Nếu bạn đã tham gia đào tạo trong cùng một nghề, toàn bộ Ausbildungszeit (thời gian đào tạo) đó sẽ được tính nhận đầy đủ. Ausbildungszeit (Thời gian đào tạo) trong các nghề gần giống cũng có thể được công nhận một phần.
- Nếu trước khi bắt đầu học nghề đào tạo bạn đã học tại một Berufsfachschule (trường nghề), thì Ausbildungszeit (thời gian) này có thể được tính toàn bộ hoặc một phần vào thời gian đào tạo của bạn.
- Nếu khi bạn đã có allgemeinbildender Schulabschluss (bằng tốt nghiệp phổ thông), bạn vẫn có thể rút ngắn thời gian đào tạo nghề.

Dưới đây là các mức rút ngắn thời gian đào tạo có thể áp dụng:

- Học sinh tốt nghiệp Realschule (tương đương trình độ trung học cơ sở nâng cao hoặc lớp 10 ở Việt Nam) có thể rút ngắn thời gian đào tạo 6 tháng.
- Học sinh tốt nghiệp Abitur (bằng tú tài) có thể rút ngắn thời gian đào tạo tối đa 1 năm.
- Người có bằng Fachhochschulreife (bằng dự bị đại học chuyên nghiệp) trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp có thể rút ngắn thời gian đào tạo tối đa 1 năm.

Việc rút ngắn thời gian đào tạo nên được thực hiện càng sớm càng tốt, tốt nhất là khi bạn ký hợp đồng đào tạo. Bạn cần nộp đơn xin rút ngắn thời gian đủ sớm, để vẫn còn ít nhất một năm đào

tạo còn lại. Nếu trình độ học vấn hoặc đào tạo trước đây của bạn được công nhận (Điều 7 BBiG), thời gian đào tạo thường sẽ được rút ngắn ngay từ đầu. Nghĩa là ví dụ: bạn có thể bắt đầu chương trình đào tạo mới ngay từ năm thứ hai.

Khi Verkürzung (rút ngắn) thời gian đào tạo theo (Điều 8 BBiG), Ausbildungszeit (thời gian đào tạo) sẽ được giảm ở phần cuối. Nghĩa là bạn sẽ hoàn thành chương trình sớm hơn.

Một Berufsausbildung (chương trình đào tạo nghề) cũng có thể được thực hiện theo hình thức Teilzeitausbildung (đào tạo bán thời gian) theo quy định tại Điều 7a BBiG. Hình thức này đặc biệt phù hợp với Các bạn trẻ là cha mẹ trẻ, những người đang chăm sóc người thân hoặc những người trẻ có lý do khác khiến họ không thể tham gia đào tạo toàn thời gian. Để tham gia đào tạo bán thời gian, không cần phải đưa ra lý do đặc biệt. Trong **Ausbildungsvertrag (hợp đồng đào tạo)**, các bên sẽ thỏa thuận về việc giảm Ausbildungszeit (thời gian học đào tạo) mỗi ngày hoặc mỗi tuần. Việc giảm này có thể áp dụng cho toàn bộ thời gian đào tạo hoặc chỉ một phần. Mức giảm không được vượt quá một nửa so với đào tạo toàn thời gian. Khi học Teilzeitausbildung, (bán thời gian) tổng thời gian đào tạo sẽ kéo dài hơn. Thời gian đào tạo có thể dài tối đa 1,5 lần so với chương trình đào tạo toàn thời gian thông thường. Đồng thời, mức lương đào tạo cũng sẽ được giảm tương ứng.

Ngay cả khi học Teilzeitausbildung (bán thời gian), mức Entlohnung (lương) vẫn phải hợp lý và phải tăng hàng năm trong suốt Ausbildungsdauer (thời gian đào tạo thông thường). Từ năm 2024 trở đi, việc rút ngắn thời gian đào tạo khi Teilzeitausbildung (học bán thời gian) đã trở nên dễ dàng và đơn giản hơn (Điều 8 Đoạn 1 BbiG).

Ausbildungsvergütung (Tiền lương đào tạo)

Khi chọn một vị trí đào tạo nghề, mức lương bạn nhận được cũng là một yếu tố rất quan trọng. Với mọi chương trình **Berufsausbildung** (đào tạo nghề), bạn có quyền được nhận một **Vergütung** (mức lương) đào tạo hợp lý theo quy định tại Điều 17 Đoạn 1 BBiG. Nghĩa là khoản tiền bạn kiếm được phải đủ để giúp bạn chi trả cho chi phí sinh hoạt của mình. Đây là **Mindestentlohnung** (mức lương tối thiểu) cho những đóng góp và hiệu suất làm việc của bạn với tư cách là người đang học nghề.

Mức lương đào tạo khác nhau khá lớn tùy theo ngành nghề. Ở nhiều ngành, áp dụng **Tarifverträge** (hợp đồng tập thể). Những hợp đồng này quy định rõ mức lương trong thời gian đào tạo. Ngoài ra, chúng còn mang lại nhiều lợi ích khác cho người học nghề và **Beschäftigte** (người lao động).



Tarifautonomie (Quyền tự chủ thỏa ước tập thể) là quyền của các **Tarifvertragsparteien** (bên tham gia thỏa ước tập thể) được tự do đàm phán và ký kết thỏa ước tập thể với nhau. Trong đó, họ quy định các điều kiện lao động. Nhà nước và chính trị không được can thiệp vào nội dung này.

Tarifverträge (Thỏa ước tập thể) giúp cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Chúng được đàm phán giữa **Gewerkschaften** (công đoàn) và **Arbeitgeber*innen** (người sử dụng lao động) hoặc các **Tarifvertragsparteien** (hiệp hội) của họ. Đây được gọi là các bên tham gia **Tarifverträge** (thỏa ước tập thể).

Tarifverträge (Thỏa ước tập thể) quy định nhiều nội dung quan trọng, ví dụ như: Entgelt (mức lương) và Ausbildungsvergütung (tiền lương đào tạo), Zulagen und Zuschläge (phụ cấp, phụ cấp làm ca), làm thêm giờ, Arbeitszeit (thời gian làm việc), Urlaub (ngày nghỉ phép), Các khoản chi trả đặc biệt (tiền thưởng) Đào tạo nâng cao và Übernahme (tiếp nhận) vào làm việc chính thức. Thỏa ước tập thể được đàm phán lại định kỳ. Các vòng đàm phán này được gọi là vòng đàm phán thỏa ước. Trước khi bắt đầu một Tarifrunden (vòng đàm phán), Gewerkschaft (công đoàn) thường lấy ý kiến thành viên về những mong muốn của họ. Sau đó, các Tarifkommissionen (ủy ban đàm phán) sẽ xây dựng các yêu cầu cụ thể. Quá trình đàm phán có khi dễ dàng, có khi rất khó khăn.

Để tạo sức ép cho các yêu cầu của người lao động, các cuộc đàm phán thường được hỗ trợ bởi các Aktionen (hoạt động) như biểu tình, mít tinh. Nếu cần thiết, có thể tổ chức cảnh cáo Warnstreik (đình công). Hầu hết các trường hợp đều kết thúc bằng một thỏa hiệp. Nếu hai bên không thể thỏa thuận được với nhau, có thể dẫn đến Streik (đình công) chính thức. Nếu doanh nghiệp của bạn đã ký tham gia Tarifvertrag (thỏa ước tập thể), thì với tư cách là thành viên Gewerkschaft (công đoàn), bạn có quyền được hưởng đầy đủ các tarifliche Leistungen (quyền lợi theo thỏa ước). Quyền này có thể được đòi lại tại tòa án nếu bị vi phạm.

Mindestausbildungs- vergütung (Mức lương đào tạo tối thiểu)

Thật tiếc là không phải tất cả người học nghề đều được áp dụng tarifliche Ausbildungsvergütungen (mức lương theo thỏa ước tập thể). Vì vậy, trong nhiều năm qua, chúng tôi – Gewerkschaftsjugend (Thanh niên Công đoàn) – đã nỗ lực đấu tranh để có một mức lương đào tạo tối thiểu cho tất cả mọi người. Và chúng tôi đã thành công. Từ nay, Mindestausbildungsvergütung (Mức lương đào tạo tối thiểu) được áp dụng cho tất cả các Ausbildungsverträge (hợp đồng đào tạo) nghề được ký kết từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 trở đi. Bundesministerium für Bildung und Forschung (Bộ Giáo dục và Nghiên cứu Liên bang) sẽ công bố mức Mindestvergütung (lương đào tạo tối thiểu) cho năm tiếp theo vào muộn nhất là ngày 01 tháng 11 hàng năm.

Bắt đầu chương trình đào tạo	Năm đào tạo thứ 1	Năm đào tạo thứ 2	Năm đào tạo thứ 3	Năm đào tạo thứ 4
2024	649,00 €	766,00 €	876,00 €	909,00 €
2025	682,00 €	805,00 €	921,00 €	955,00 €
2026	724,00 €	854,00 €	977,00 €	1.014,00 €

Mindestausbildungsvergütung (Mức lương đào tạo tối thiểu) cũng áp dụng cho cả các chương trình außerbetriebliche Ausbildungen (đào tạo ngoài doanh nghiệp).

Những người khuyết tật tham gia đào tạo tại các Berufsbildungswerk (cơ sở đào tạo nghề) đặc biệt cũng được hưởng lợi từ quy định mới này. Đối với họ, Mindestausbildungsvergütung (mức lương đào tạo tối thiểu) sẽ là cơ sở để tính toán khoản Ausbildungsgeld (tiền hỗ trợ đào tạo).

Hiện nay, hầu hết các Tarifverträge (thỏa ước tập thể) quy định về Ausbildungsvergütungen (lương đào tạo) đều có mức lương cao hơn đáng kể so với mức lương đào tạo tối thiểu. Tuy nhiên, ngay cả khi hiện tại không có Tarifvertrag (thỏa ước tập thể) nào áp dụng cho bạn, bạn vẫn được hưởng lợi từ các tarifliche Regelungen (quy định của thỏa ước). Chúng tôi đã thành công trong việc đưa vào Luật Đào tạo Nghề (BBiG) quy định gọi là quy định 80%. Theo quy định này, bạn có quyền được nhận Vergütung (mức lương đào tạo) bằng 80% so với Ausbildungsvergütung (mức lương đào tạo) thông thường của ngành đó, nếu mức này cao hơn Mindestausbildungsvergütung (mức lương đào tạo tối thiểu).



Lý tưởng nhất là vào ngày đầu tiên đi làm, bạn nên cung cấp cho Ausbildungsbetrieb (doanh nghiệp đào tạo) số tài khoản ngân hàng để họ chuyển Ausbildungsvergütung (tiền lương đào tạo) cho bạn. Việc mở tài khoản ngân hàng đôi khi có thể mất một chút thời gian. Nếu bạn chưa đủ 18 tuổi (chưa thành niên), bạn cần có chữ ký của cha mẹ hoặc người giám hộ để mở tài khoản. Nhiều ngân hàng hiện nay có chương trình tài khoản miễn phí dành riêng cho người học nghề.

Steuerliche Identifikationsnummer (IdNr.) (Số nhận dạng thuế) (IdNr.) được cấp bởi Bundeszentralamt (Cục Thuế Trung ương Liên bang) cho tất cả những người phải nộp Steuern (thuế) tại Đức.

Đây là một dãy số gồm 11 chữ số, có giá trị suốt đời và không thay đổi khi bạn chuyển nhà hoặc kết hôn. Nếu bạn chưa nhận được số này hoặc bị mất, bạn có thể nộp đơn xin cấp lại rất dễ dàng và trực tuyến tại website của Bundeszentralamt für Steuern (Cục Thuế Trung ương): [bzst.de](https://www.bzst.de). Thời gian xử lý hồ sơ thường mất khoảng 6 tuần.

Ausbildungsbetrieb (Doanh nghiệp đào tạo) của bạn cần giấy xác nhận về Krankenversicherung (bảo hiểm y tế). Bạn sẽ nhận được giấy xác nhận này ngay sau khi đăng ký với một Krankenkasse (công ty bảo hiểm y tế). Nếu trước đây bạn được bảo hiểm theo gia đình, bạn nên liên hệ với Krankenkasse (công ty bảo hiểm y tế) hiện tại để trao đổi về cách xử lý tiếp theo. Bạn không bắt buộc phải đổi Krankenkasse (công ty bảo hiểm y tế) – chỉ cần thay đổi tình trạng bảo hiểm của bạn từ bảo hiểm theo gia đình sang bảo hiểm cá nhân. Sau đó, Krankenkasse (công ty bảo hiểm y tế) sẽ cấp cho bạn giấy xác nhận thành viên. Nếu trước đây bạn được private Krankenversicherung (bảo hiểm tư nhân), thì thông thường bạn phải chuyển sang gesetzliche Krankenversicherung (bảo hiểm y tế nhà nước). Bạn có quyền tự chọn công ty bảo hiểm y tế nhà nước mà mình muốn tham gia.

Mỗi Arbeitnehmer*in (người lao động) đều nhận được một Sozialversicherungsnummer (Số bảo hiểm xã hội) từ cơ quan Rentenversicherung (Bảo hiểm hưu trí). Số này sẽ được gửi cho bạn trong một thư thông báo chính thức. Bạn cần cung cấp số bảo hiểm xã hội này cho Ausbildungsbetrieb (doanh nghiệp đào tạo) khi được tuyển dụng, để doanh nghiệp có thể đăng ký bạn với các cơ quan bảo hiểm xã hội. Toàn bộ thủ tục còn lại sẽ do doanh nghiệp của bạn thực hiện.

Mỗi người nên có **Haftpflichtversicherung** (bảo hiểm trách nhiệm dân sự). Bảo hiểm này sẽ chi trả chi phí khi bạn vô tình gây thiệt hại cho tài sản của người khác. Trong thời gian đào tạo, nhiều bạn vẫn còn được bảo hiểm cùng với cha mẹ. Nếu bạn không còn được bảo hiểm theo cha mẹ, bạn nên tự mình ký hợp đồng Haftpflichtversicherung (bảo hiểm trách nhiệm dân sự). Điều này đặc biệt quan trọng vì với tư cách là người học nghề, bạn có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại do mình gây ra trong doanh nghiệp.



Brutto – netto (Tiền lương gộp – Tiền lương thực nhận)

Vergütung (Tiền lương) của bạn được tính theo hai khoản – Brutto (Tiền lương gộp) và Netto (Tiền lương thực nhận). Cả hai số tiền này đều được ghi rõ trên Lohn- und Gehaltsabrechnung (giấy tiền lương và tiền công) hàng tháng. tiền lương gộp là khoản tiền cao hơn. Khoản này bao gồm tất cả các khoản Steuern (thuế) và Sozialabgaben (đóng góp bảo hiểm xã hội). Những khoản này sẽ không được chuyển cho bạn mà được trừ trực tiếp và nộp cho nhà nước. Số tiền còn lại sau khi trừ hết chính là Netto (Tiền lương thực nhận) – đây là khoản tiền thực tế bạn nhận được vào tài khoản ngân hàng.

Sozialabgaben (Các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội)

Trong hệ thống Sozialversicherung (bảo hiểm xã hội), bao gồm Kranken-, Pflege-, Renten-, Arbeitslosen- (bảo hiểm y tế, chăm sóc dài hạn, hưu trí, thất nghiệp) và Unfallversicherung (bảo hiểm tai nạn lao động) áp dụng nguyên tắc đoàn kết: Mỗi người đóng góp tùy theo khả năng của mình và nhận được sự hỗ trợ tùy theo nhu cầu khi cần thiết. Là người học nghề, bạn cũng phải đóng vào quỹ Sozialversicherung (bảo hiểm xã hội) và có quyền được hưởng các quyền lợi khi cần sử dụng. Các khoản đóng góp Sozialversicherung (bảo hiểm xã hội) được tính theo một tỷ lệ phần trăm nhất định. Do đó, càng có thu nhập cao thì khoản đóng càng lớn.

Khoảng 40% tiền lương Brutto-Vergütung (tiền lương gộp) của bạn là các khoản đóng góp Sozialabgaben (khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội). Tuy nhiên, chỉ khoảng 20% được trừ trực tiếp từ Vergütung (lương) của bạn. Phần còn lại là khoản đóng của người sử dụng lao động – do doanh nghiệp đào tạo của bạn chi trả. Bạn có thể xem chính xác số tiền đóng góp Sozialabgaben (khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội) của mình mỗi tháng trong Lohn-Gehaltsabrechnung (bảng lương).

Steuern (Thuế)

Để nhà nước hoạt động, người dân phải nộp Steuern (thuế). Mức thuế tăng theo mức thu nhập. Mức thuế thấp nhất là 14%, mức thuế cao nhất là 45%. Mỗi tháng, doanh nghiệp đào tạo sẽ gửi cho bạn Lohn- bzw. Gehaltsabrechnung (bảng lương). Trên bảng lương bạn có thể thấy rõ số tiền thuế và các khoản đóng góp được chuyển cho Finanzamt (cơ quan thuế). Bạn chỉ phải nộp Steuern (thuế) khi thu nhập của bạn vượt quá mức Grundfreibetrag (miễn thuế cơ bản). Mức miễn thuế này năm 2026 là 12.348 Euro/năm dành cho người độc thân. Sang năm 2027, mức này dự kiến sẽ tăng lên 12.600 Euro/năm. Hàng năm, bạn sẽ nhận được giấy Lohnsteuerbescheinigung (xác nhận khấu trừ thuế) tại nguồn. Giấy này dùng để Lohnsteuerjahresausgleich (quyết toán thuế thu nhập) cá nhân. Nếu trong năm bạn bị khấu trừ thuế quá nhiều, bạn sẽ được hoàn thuế.

Ärztliche Untersuchung (Khám sức khỏe)

Nếu bạn dưới 18 tuổi, bạn bắt buộc phải khám sức khỏe theo quy định pháp luật. Mục đích của việc khám là để xác định bạn có khỏe mạnh và phát triển phù hợp với lứa tuổi hay không. Đồng thời cũng kiểm tra xem sức khỏe của bạn có thể bị ảnh hưởng hay gặp nguy hiểm khi thực hiện một số công việc cụ thể hay không. Theo luật, bạn phải thực hiện **Erstuntersuchung** (Khám lần đầu) trong năm đầu tiên của quá trình làm việc. Các lần khám bổ sung tiếp theo có thể được thực hiện sau mỗi năm tiếp theo (Điều 32 ff. JArbSchG). Doanh nghiệp đào tạo phải cho bạn nghỉ làm để đi **ärztliche Untersuchung** (khám sức khỏe). Doanh nghiệp không được trừ lương của bạn cho thời gian đi khám này (Điều 43 JArbSchG).

Probezeit (Thời gian thử việc)

Ausbildungsverhältnis (Chương trình đào tạo nghề) của bạn bắt đầu bằng **Probezeit** (thời gian thử việc). Thời gian thử việc giúp bạn và Ausbildungsbetrieb (doanh nghiệp đào tạo) hoặc đơn vị đào tạo có cơ hội tìm hiểu lẫn nhau. Bạn có thể kiểm tra xem nghề này có thực sự phù hợp với mình không và bạn có muốn hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo tại doanh nghiệp này hay không. Probezeit (Thời gian thử việc) phải kéo dài ít nhất 1 tháng và tối đa không quá 4 tháng. Bất kỳ thỏa thuận nào khác trong **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo) đều không có hiệu lực (Điều 20 BBiG).

Cả việc học khối tại Berufsschule (trường nghề) lẫn việc bị ốm đều không phải là lý do để kéo dài Probezeit (thời gian thử việc). Probezeit (Thời gian thử việc) chỉ có thể được kéo dài do bệnh tật nếu

- được thỏa thuận rõ ràng trong **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo),
- thời gian gián đoạn đặc biệt dài,
- thời gian thử việc thực tế vẫn được giữ nguyên,
- và việc gián đoạn đó không phải do lỗi của **Ausbilder*in** (người hướng dẫn đào tạo) gây ra, vi phạm các quy định trong **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo).

Trong chương trình đào tạo toàn thời gian tại trường thường thì 6 tháng đầu tiên được coi là thời gian thử việc. Trong thời gian thử việc, cả hai bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng đào tạo bất cứ lúc nào mà không cần nêu lý do. Việc **Kündigung** (chấm dứt) phải được thực hiện bằng văn bản. Trong trường hợp này, bạn nên liên hệ với **Betriebs- bzw. Personalrat** (Ban chấp hành công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc **Gewerkschaft** (công đoàn) của bạn để được hỗ trợ và tư vấn.

Diskriminierung und Belästigung (Phân biệt đối xử và quấy rối)

Từ những lời tán tỉnh thô thiển, những câu đùa khiếm nhã cho đến hành vi sờ soạng, đụng chạm – Sexuelle Belästigung (quấy rối tình dục) tại nơi làm việc rất tiếc là không hiếm gặp. Các bạn nữ trẻ đang trong thời gian học nghề đặc biệt dễ bị ảnh hưởng. Nhiều người im lặng vì xấu hổ hoặc sợ mất Ausbildungsplatz (chỗ học nghề). Quấy rối tình dục không bao giờ là chuyện nhỏ. Đây là hành vi bị cấm và thậm chí có thể bị coi là tội phạm. Để vượt qua nỗi sợ hãi và xấu hổ, sự chú ý và Solidarität (tinh thần đoàn kết) là rất quan trọng. Nếu bạn từng bị quấy rối tình dục, hãy tìm kiếm sự hỗ trợ. Nếu bạn chứng kiến ai đó bị quấy rối tình dục, hãy lên tiếng và hỗ trợ người bị hại.

Diskriminierung (Phân biệt đối xử) là việc đối xử bất công hoặc coi thường một cá nhân hoặc một nhóm người vì những đặc điểm thực tế hoặc bị cho là có của họ – ví dụ như nguồn gốc, màu da, giới tính hoặc xu hướng tình dục. Gần một phần tư số người học nghề có nền tảng di cư đã từng bị phân biệt đối xử và bị loại trừ trong quá trình đào tạo. Đây là một con số đáng báo động. Trên thực tế, con số này có thể còn cao hơn. Nhưng: Diskriminierung (Phân biệt đối xử) là bị pháp luật cấm. Vì vậy, việc im lặng không phải là giải pháp.

Mobbing (Bắt nạt, khủng bố tinh thần) là hành vi cố ý làm khó, bắt nạt và khủng bố tinh thần tại nơi làm việc hoặc Ausbildungsplatz (nơi học nghề). Thật tiếc là tình trạng này xảy ra khá phổ biến.

Theo các ước tính, tại Đức có khoảng 1,5 triệu người bị bắt nạt, hành hạ tại nơi làm việc. Đây là một vấn đề nghiêm trọng. Vì Mobbing (bắt nạt tinh thần) gây tổn thương rất lớn và có thể dẫn đến bệnh tật. Nhiều người bị ảnh hưởng thường gặp các vấn đề sức khỏe như đau dạ dày, ruột, đau tim, tăng huyết áp hoặc các bệnh mãn tính. Một hình thức đặc biệt của Mobbing (bắt nạt tinh thần) gọi là Bossing – đó là khi người bắt nạt chính là cấp trên. Trường hợp này thường rất khó đối phó vì người bị hại sợ bị trả đũa. Nếu bạn đang bị Mobbing (bắt nạt tinh thần), hãy tìm kiếm sự hỗ trợ ngay. Bạn có thể liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn. Những tổ chức này luôn sẵn sàng lắng nghe và hỗ trợ bạn.



Tại Đức có một luật bảo vệ bạn tại nơi làm việc: Allgemeines Gleichbehandlungsgesetz – (viết tắt là AGG Luật Đối xử Bình đẳng Tổng quát (AGG)). Luật này đảm bảo rằng mọi người đều được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc – bất kể bạn đến từ đâu, ngoại hình như thế nào hay yêu ai. Nếu bạn cảm thấy mình bị đối xử không công bằng hoặc bị loại trừ, bạn có quyền khiếu nại.

Để hỗ trợ việc này, trong doanh nghiệp có một bộ phận chuyên trách gọi là AGG Beschwerdestelle (Nơi tiếp nhận khiếu nại theo AGG).

Bộ phận AGG-Beschwerdestelle (khiếu nại theo AGG) làm gì?

- Đây là nơi dành cho bạn khi bạn bị Diskriminierung (phân biệt đối xử) hoặc chứng kiến hành vi phân biệt đối xử.

-
- Họ sẽ lắng nghe bạn, nghiêm túc tiếp nhận khiếu nại và giúp bạn tìm ra giải pháp.
 - Họ kiểm tra sự việc đã xảy ra và đảm bảo bạn được bảo vệ.

Ai là bộ phận khiếu nại trong doanh nghiệp?

- Ở một số công ty là Phòng Nhân sự, ở những nơi khác có thể là Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở) hoặc một người phụ trách được chỉ định.

Điều quan trọng: là bạn phải biết nên liên hệ với ai. Doanh nghiệp của bạn có trách nhiệm thông báo cho bạn về những người phụ trách này.

Bạn có quyền khiếu nại – mà không phải lo sợ! Nếu bạn lên tiếng, bạn không được chịu bất kỳ thiệt hại nào. Không ai được phép sa thải, bắt nạt hoặc gây khó dễ cho bạn chỉ vì bạn đã khiếu nại.



Quyền được bảo vệ khỏi Diskriminierung (phân biệt đối xử) tại nơi làm việc của bạn

Dù là quấy rối tình dục, Diskriminierung (phân biệt đối xử) hay Mobbing (bắt nạt tinh thần) – không hành vi nào trong số đó là chấp nhận được và tất cả đều bị pháp luật cấm. Tuy nhiên, việc tự mình chống lại những hành vi này thường không dễ dàng. Vì vậy: nếu bạn là nạn nhân, hãy tìm kiếm sự hỗ trợ – Nếu bạn chứng kiến những hành vi đó, hãy lên tiếng và hỗ trợ người bị hại. Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebsrat or Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, hội đồng nhân sự) và Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn luôn sẵn sàng tư vấn và đứng về phía bạn.







02

Doanh nghiệp và Berufsschule (trường nghề)

Những trang tiếp theo sẽ cung cấp cho bạn cái nhìn tổng quan về tất cả các quy định quan trọng có thể ảnh hưởng đến cuộc sống học nghề hàng ngày của bạn. Như mọi khi: Nếu bạn có câu hỏi hoặc gặp vấn đề, hãy liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebsrat oder Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc hội đồng nhân sự) và Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn. Họ luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn.

Ausbildungsqualität (Chất lượng đào tạo nghề)

Auszubildende (Người học nghề) không phải là Arbeitnehmer*innen (người lao động thông thường) và không được đối xử như người lao động bình thường. Theo luật, Auszubildende (người học nghề) được coi là „Berufsausbildung Beschäftigte“ (BetrVG) (người được tuyển dụng để đào tạo nghề). Điều này có nghĩa là: với tư cách là người học nghề, bạn có một vị trí pháp lý đặc biệt. Bạn có mặt tại doanh nghiệp để được đào tạo và học một nghề. Chính vì vậy, bạn ký **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo) nghề chứ không phải **Arbeitsvertrag** (hợp đồng lao động) thông thường. Đây là điểm khác biệt lớn giữa bạn và von anderen Arbeitnehmer*innen (các nhân viên khác). Mục đích chính của bạn không phải là tạo ra năng suất lao động, mà là học hỏi và rèn luyện kỹ năng. Bạn đến doanh nghiệp để học tập và nâng cao trình độ chuyên môn. Doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý phải truyền đạt cho bạn đầy đủ tất cả **Ausbildungsinhalte** (nội dung đào tạo), để sau khi kết thúc chương trình, bạn có đủ năng lực thực hiện nghề nghiệp một cách độc lập.



Ausbildungsqualität im Betrieb (Chất lượng đào tạo nghề tại doanh nghiệp)

Để chương trình đào tạo nghề tại doanh nghiệp thực sự mang lại lợi ích cho bạn, những điểm sau đây rất quan trọng:

- Phải có đủ nhân sự để chăm lo và hướng dẫn từng người học nghề. **Ausbilder*innen** Các (giáo viên đào tạo) phải được đào tạo nâng cao định kỳ. Mỗi bộ phận cần có người phụ trách đào tạo được đào tạo chuyên biệt, luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn.
- Nội dung đào tạo phải được kiểm tra và đánh giá định kỳ. Điều này giúp phát hiện những nội dung còn thiếu hoặc chưa được thực hiện đầy đủ. Điều kiện tiên quyết là ngay từ khi bắt đầu đào tạo, mỗi người học nghề phải nhận được kế hoạch đào tạo tại doanh nghiệp. Kế hoạch này phải nêu rõ những gì sẽ được học vào thời điểm nào. Đây là bắt buộc theo quy định. Dựa trên kế hoạch này, có thể theo dõi và kiểm soát quá trình đào tạo, xem những **Ausbildungsinhalte** (nội dung đào tạo) nào đã được truyền đạt và những nội dung nào còn thiếu.
- **Arbeitgeber*in** (Người sử dụng lao động) phải cung cấp đầy đủ các **Ausbildungsmittel** (phương tiện đào tạo) cần thiết (ví dụ: máy tính) với số lượng đủ dùng. Ngoài ra, tài liệu giảng dạy và học tập tại **Berufsschule** (trường nghề) cũng phải đáp ứng được yêu cầu của một chương trình đào tạo hiện đại trong thời đại số hóa.
- Doanh nghiệp nên hỗ trợ bạn trong việc ôn tập và chuẩn bị cho các kỳ thi giữa khóa và **Abschlussprüfungen** (kỳ thi tốt nghiệp).
- Việc người học nghề được **Mitbestimmung** (tham gia ý kiến) trong **Berufsausbildung** (quá trình đào tạo) cũng là một phần quan trọng của chất lượng đào tạo tốt.

Ausbildungsqualität in der Berufsschule (Chất lượng đào tạo tại trường nghề)

Berufsschule (Trường nghề) có nhiệm vụ làm sâu sắc và bổ sung những kiến thức, kỹ năng bạn đã học được tại doanh nghiệp hoặc Bildungsträger (trung tâm đào tạo). Tuy nhiên, điều này thường không thực sự đạt được như mong đợi. Để Berufsschule (trường nghề) có thể truyền đạt kiến thức một cách phù hợp và gắn kết với phần thực hành, ví dụ như Berufsschullehrer*innen (giáo viên trường nghề) cần được đào tạo nâng cao tốt hơn. Đôi khi tài liệu và phương tiện học tập tại Berufsschule (trường nghề) cũng chưa đạt chất lượng như mong muốn. Bạn có thể tự đánh giá nhanh chất lượng của Berufsschule (trường nghề) thông qua các câu hỏi sau:



- Sách giáo khoa có nội dung cập nhật và hiện đại không?
- Nội dung giảng dạy tại trường và nội dung đào tạo thực hành tại doanh nghiệp có được phối hợp tốt với nhau không?
- Có đủ phương tiện dạy học (Lehrmittel) cho các giờ học không?
- Tất cả nội dung theo chương trình khung (Rahmenlehrplan) có được giảng dạy đầy đủ không?
- Có nhiều giờ học bị nghỉ hoặc bị hủy không?

Nếu chất lượng đào tạo tại Berufsschule (trường nghề) chưa tốt, bạn nên cùng với các bạn học nghề khác, Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên) và Auszubildenden (Người học nghề), Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Schüler*innenvertretung (Ban đại diện học sinh) ngồi lại với nhau để tìm ra các giải pháp cải thiện.

Ngoài ra, bạn cũng nên thông báo cho **Ausbilder*in** (người hướng dẫn đào tạo) tại doanh nghiệp về những hạn chế, thiếu sót của trường nghề.

Ausbildungsinhalte (Nội dung đào tạo nghề)

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề là giúp bạn học được một nghề. Để đạt được mục tiêu này, có một khung chung được quy định cho từng nghề – nhằm đảm bảo rằng tất cả người học nghề cùng một nghề đều được học những nội dung cơ bản giống nhau. Khung này được gọi là **Ausbildungsordnung** (quy định đào tạo nghề).

Mỗi nghề đều có một **Ausbildungsordnung** (quy định đào tạo nghề) riêng. Việc xây dựng quy định này có sự tham gia của các Bộ Liên bang, đại diện của **Arbeitgeber*innen** (người sử dụng lao động) và chúng tôi – các **Gewerkschaften** (công đoàn). Theo **Ausbildungsordnung** (quy định đào tạo nghề), bạn sẽ được cung cấp trước tiên nền tảng nghề nghiệp rộng. Sau đó, bạn sẽ học cách thực hiện công việc cụ thể của nghề mình trong thực tế. Mục tiêu của **Berufsausbildung** (chương trình đào tạo nghề) là giúp bạn trở thành người có năng lực hành nghề, nghĩa là bạn có thể thực hiện nghề nghiệp một cách có trình độ và chuyên nghiệp. Vì vậy, bạn cần chú ý đảm bảo rằng trong suốt quá trình đào tạo, bạn được học đầy đủ tất cả những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thi đỗ **Prüfung** (kỳ thi) tốt nghiệp.

Nội dung của Ausbildungsberuf (nghề đào tạo) bạn học và yêu cầu thi cử được quy định cụ thể trong kế hoạch khung đào tạo. Ausbildungsrahmenplan (Kế hoạch khung đào tạo) này tồn tại cho từng Ausbildungsberuf (nghề đào tạo). Trong đó liệt kê rõ những hoạt động và kỹ năng cần được truyền đạt trong từng giai đoạn thời gian cụ thể của chương trình đào tạo. Bạn có quyền được học đầy đủ các nội dung này.

Nếu bạn không được đào tạo đúng nghĩa, mà bị Ausbildungsbetrieb (doanh nghiệp) sử dụng như một Arbeitnehmer*in (người lao động) không có trình độ, bạn có quyền đòi hỏi Vergütung (mức lương) thông thường tương ứng với công việc đó.



Bạn có thể tìm Ausbildungsrahmenplan (Kế hoạch khung đào tạo cho nghề) của mình tại Bundesinstitut für Berufsbildung (Viện Đào tạo Nghề Liên bang) dưới địa chỉ: bibb.de/berufe. Ngoài ra, các DGB-Gewerkschaften (công đoàn thuộc DGB) cũng có cung cấp các tài liệu giới thiệu và giải thích về Ausbildungsrahmenpläne (Kế hoạch khung đào tạo) dưới dạng brochure. Nếu bạn quan tâm, hãy liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (JAV) (Đại diện Thanh niên và Người học nghề (JAV)), Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn.

Để làm cho Ausbildungsrahmenplan (kế hoạch khung đào tạo) trở nên cụ thể và phù hợp hơn, mỗi doanh nghiệp đào tạo phải xây dựng một Ausbildungsplan (kế hoạch đào tạo) tại doanh nghiệp. Kế hoạch này là một phần của Ausbildungsvertrag (hợp đồng đào tạo) nghề của bạn (Điều 11 Đoạn 1 số 1 BBiG).

Trong **Ausbildungsplan** (kế hoạch đào tạo) tại doanh nghiệp, nội dung được liệt kê rõ ràng theo thời gian và theo chủ đề: bạn sẽ học gì, học ở đâu, vào thời điểm nào và trong bao lâu. Bạn phải được thực hành tất cả các hoạt động được quy định trong thời gian cần thiết. Việc đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng là trách nhiệm của doanh nghiệp đào tạo hoặc Bildungsträger (đơn vị đào tạo). Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm tổ chức để kế hoạch đào tạo tại doanh nghiệp được tuân thủ nghiêm túc. Nếu Ausbildungsbetrieb (doanh nghiệp) của bạn không đủ khả năng cung cấp đầy đủ tất cả các nội dung đào tạo bắt buộc, thì doanh nghiệp phải hợp tác với các doanh nghiệp khác hoặc tạo điều kiện cho bạn tham gia các khóa seminar phù hợp để bổ sung kiến thức và kỹ năng còn thiếu.

Betrieblicher Ausbildungsplan (Kế hoạch đào tạo tại doanh nghiệp) phải được giao cho bạn ngay từ đầu chương trình đào tạo, cùng với **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo nghề) – ít nhất dưới dạng phụ lục của hợp đồng. Nếu bạn chưa nhận được, hãy chủ động yêu cầu doanh nghiệp cung cấp một bản. Chỉ khi có kế hoạch này, bạn mới có thể kiểm tra xem mình có thực sự được học những nội dung mà bạn cần phải học hay không. Tất cả các nội dung trong kế hoạch đào tạo đều có thể xuất hiện trong **Prüfung** (kỳ thi).

Để kiểm tra xem Ausbildungsplan (kế hoạch đào tạo) có được thực hiện đúng không, có một công cụ bắt buộc phải sử dụng trong quá trình Berufsschule (đào tạo nghề): Berichtsheft (**Sổ báo cáo thực tập**). Sổ này có thể được ghi chép bằng tay hoặc dưới dạng điện tử. Hình thức nào áp dụng cho bạn sẽ được quy định trong Ausbildungsvertrag (hợp đồng đào tạo nghề).

Vào Berichtsheft (sổ báo cáo thực tập), bạn phải ghi lại tất cả các hoạt động mà bạn đã thực hiện trong suốt quá trình đào tạo tại doanh nghiệp, Bildungsträger (trung tâm đào tạo) hoặc tại Berufsschule (trường nghề). Việc ghi chép Berichtsheft (sổ báo cáo thực tập) là một phần của chương trình đào tạo nghề. Do đó, bạn được phép hoàn thiện Berichtsheft sổ báo cáo thực tập này tại nơi làm việc và trong Arbeitszeit (giờ làm việc) (Điều 13 Số. 7; 14 Đoạn 2 BBiG). Sổ báo cáo thực tập là một trong những điều kiện bắt buộc để được dự Abschlussprüfung (thi kỳ thi tốt nghiệp). Vì vậy, sổ phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và phải được Ausbilder*innen (người hướng dẫn đào tạo) cũng như giáo viên trường nghề kiểm tra và ký xác nhận. Điều quan trọng: Chỉ những nội dung nào thực sự là một phần của chương trình đào tạo mới có thể được đưa vào kỳ thi. Nếu một số nội dung bắt buộc theo kế hoạch đào tạo không được dạy cho bạn trong suốt quá trình học nghề, bạn có thể sử dụng Berichtsheft (sổ báo cáo thực tập) để chứng minh điều đó. Lúc đó, những nội dung chưa được học này phải được loại trừ khỏi kỳ thi của bạn.

Thường xuyên xảy ra tình trạng người học nghề bị giao những công việc không nằm trong Ausbildungsinhalt (nội dung đào tạo của nghề) hoặc không cần thiết cho việc học nghề. Những công việc này được „gọi“ là ausbildungsfremde Tätigkeiten (công việc không liên quan đến đào tạo).

Ví dụ: Một bạn nữ học nghề Nhân viên ngân hàng bị sai đi mua sắm ở siêu thị, sau đó phải lau cửa sổ, cắt cỏ và rửa xe cho sếp. Rõ ràng: đây là những công việc không cần thiết và không thuộc nghề Nhân viên ngân hàng. Công việc không thuộc nội dung đào tạo là bị cấm theo quy định tại (Điều 14 Đoạn 3 BBiG) – Bạn không được phép bị lợi dụng làm lao động rẻ tiền cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, cũng có những **ausbildungsfremde Tätigkeiten** (công việc không thuộc nội dung đào tạo) khó nhận biết hơn, ví dụ như công việc sắp xếp hồ sơ, lưu trữ tài liệu hoặc photocopy trong các nghề kinh tế – thương mại. Những công việc này chắc chắn cũng là một phần của chương trình đào tạo. Tuy nhiên, nếu chúng chiếm tỷ lệ quá lớn hoặc bạn chỉ toàn làm những việc này, thì chúng không còn phục vụ mục đích đào tạo nữa và được coi là **ausbildungsfremde Tätigkeiten** (công việc không thuộc nội dung đào tạo).

Nếu bạn thường xuyên phải thực hiện các **ausbildungsfremde Tätigkeiten** (công việc không thuộc nội dung đào tạo)=, hoặc liên tục bị giao những công việc giống nhau khiến các nội dung khác trong chương trình đào tạo của bạn bị bỏ qua hoặc thực hiện quá ít, bạn nên lên tiếng phản đối. Cách tốt nhất để đánh giá tình hình là so sánh **Berichtsheft** (sổ báo cáo thực tập) của bạn với **Ausbildungsplan** (kế hoạch đào tạo) tại doanh nghiệp hoặc **Ausbildungsrahmenplan** (kế hoạch khung đào tạo).

Chỉ những hoạt động bạn thực sự đã thực hiện mới được ghi vào **Berichtsheft** (sổ báo cáo thực tập). Nếu bạn chưa được học một số nội dung bắt buộc trong chương trình đào tạo, bạn có thể dùng sổ báo cáo thực tập để chứng minh điều đó. Nếu **Ausbilder*in** (người hướng dẫn đào tạo) từ chối ký vào **Berichtsheft** (sổ báo cáo thực tập) đã được bạn ghi chép trung thực, và ép bạn sửa chữa nội dung trước khi ký, trước tiên bạn, hãy photocopy lại toàn bộ sổ báo cáo thực tập bản gốc để giữ lại bằng chứng về những **Ausbildungsinhalte** (nội dung đào tạo thực tế) bạn đã làm, hoặc bạn có thể giữ một sổ báo cáo thực tập thứ hai ghi lại đúng những công việc thực tế của mình. Đồng thời, bạn nên ngay lập tức thông báo cho **Jugend- und Auszubildendenvertretung** (JAV) (Đại diện Thanh niên và Người học nghề (JAV)), **Betriebs- oder Personalrat** (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc **Gewerkschaft** (Công đoàn) của bạn.

Mobile Ausbildung (Đào tạo di động)

Ausbildungsinhalte (Nội dung đào tạo nghề) có thể được truyền đạt dưới hình thức mobile Ausbildung (đào tạo di động) với mức độ phù hợp (Điều 28 Đoạn 2 BBiG). Ví dụ: học qua hình thức làm việc tại nhà khi Ausbilder*in (người hướng dẫn đào tạo) và người học nghề không ở cùng một địa điểm. Để áp dụng hình thức đào tạo di động, 3 điều kiện sau phải được đáp ứng:

- **Việc truyền đạt Ausbildungsinhalte (nội dung đào tạo) phải sử dụng công nghệ thông tin.**
- **Ausbildungsinhalte (nội dung đào tạo) được học theo hình thức di động phải phù hợp với hình thức này. Ngoài ra, địa điểm mà bạn và Ausbilder*in (người hướng dẫn đào tạo) ở trong thời gian đào tạo di động cũng phải phù hợp.**
- **Chất lượng truyền đạt Ausbildungsinhalte (nội dung đào tạo) không được thấp hơn so với đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp. Điều này có nghĩa là: Ausbilder*in (Người hướng dẫn đào tạo) của bạn phải luôn có thể liên lạc được vào giờ làm việc bình thường của doanh nghiệp, phải hướng dẫn bạn trong quá trình học, và phải kiểm tra tiến độ học tập của bạn.**



Ausbildungsmittel (Phương tiện đào tạo)

Ausbildungsmittel (Phương tiện đào tạo) là những công cụ, dụng cụ và vật liệu cần thiết để thực hiện chương trình Berufsausbildung (đào tạo nghề) và để tham dự các kỳ thi giữa khóa cũng như Abschlussprüfungen (kỳ thi tốt nghiệp) tại doanh nghiệp. Bạn có phải tự trả tiền cho vật liệu và công cụ làm việc không? Câu trả lời là không. Điều này không được phép. Doanh nghiệp của bạn phải cung cấp miễn phí tất cả các phương tiện đào tạo cần thiết. Theo Điều 14 Đoạn 1 Số 3 BBiG quy định rõ: „Ausbildende“ („Người đào tạo“) có nghĩa vụ cung cấp miễn phí cho người học nghề các Ausbildungsmittel (phương tiện đào tạo), đặc biệt là công cụ, vật liệu và tài liệu chuyên môn cần thiết cho việc Berufsausbildung (đào tạo nghề) và để tham dự các kỳ thi giữa khóa và Abschlussprüfungen (kỳ thi tốt nghiệp) kể cả các kỳ thi diễn ra sau khi Berufsausbildungsverhältnis (hợp đồng đào tạo đã kết thúc). Điều này cũng bao gồm tài liệu chuyên môn mà bạn cần sử dụng trong betriebliche Ausbildung (quá trình đào tạo tại doanh nghiệp). Nếu một phần chương trình đào tạo của bạn được thực hiện theo hình thức di động hoặc „làm việc tại nhà“ Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) cũng phải cung cấp miễn phí phần cứng và phần mềm (ví dụ: laptop hoặc máy tính bảng) mà bạn cần cho mobile Ausbildung (việc học di động) (Điều 14 Đoạn 1 Nr. 3). Đây là một trong những yêu cầu mà chúng tôi – Gewerkschaftsjugend (Thanh niên Công đoàn) – đã kiên trì đấu tranh và đã đạt được thành công! Tóm lại: Toàn bộ Ausbildungsmittel (phương tiện đào tạo) bạn cần sử dụng tại doanh nghiệp do doanh nghiệp chi trả.

Ngay cả khi đã có đầy đủ Ausbildungsmittel (phương tiện đào tạo), điều quan trọng là bạn – với tư cách người học nghề – phải được sử dụng những thiết bị này như máy tính, bàn vẽ, máy móc ... trong thời gian quy định. Chúng phải sẵn sàng phục vụ cho mục đích đào tạo và không được chủ yếu dành cho các đồng nghiệp khác sử dụng.

Arbeitsschutz (An toàn lao động)

Những buổi hướng dẫn, chỉ dẫn và rất nhiều biển báo trong doanh nghiệp luôn nhắc nhở bạn rằng các Arbeitsschutzmaßnahmen (biện pháp an toàn lao động) rất quan trọng để ngăn ngừa tai nạn. Những biện pháp này có thể đôi khi khiến bạn cảm thấy quá mức, nhưng chúng phục vụ mục đích bảo vệ chính bạn. Bạn nên nghiêm túc tuân thủ để tránh những tổn hại không đáng có. Người học nghề bị tai nạn lao động gần gấp đôi so với các Beschäftigte (nhân viên) khác, chủ yếu vì còn thiếu kinh nghiệm thực tế.

Arbeitsschutzgesetz (ArbSchG) (Luật An toàn Lao động) (ArbSchG) quy định các nguyên tắc bảo vệ cơ bản mà mọi doanh nghiệp phải tuân thủ. Luật này buộc Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) và Auszubildende*n (người hướng dẫn đào tạo) của bạn phải đánh giá các nguy cơ tiềm ẩn trong doanh nghiệp và thực hiện các biện pháp bảo vệ phù hợp. Ví dụ, doanh nghiệp phải cung cấp miễn phí cho bạn và các đồng nghiệp Arbeitsschutzkleidung (trang phục bảo hộ lao động) như găng tay, mũ bảo hộ, kính bảo hộ.

Các quy định chi tiết hơn được nêu trong **Arbeitsstättenverordnung** (Quy định về nơi làm việc) và các quy định bổ sung. Những quy định này quy định rõ cách thức thiết kế và bố trí nơi làm việc phải như thế nào.

- **Bảo vệ khỏi các ảnh hưởng có hại như khí gas, hơi độc, bụi và tiếng ồn là bắt buộc.**
- **Nơi làm việc phải có diện tích đủ rộng.**
- **Phải có riêng các khu vực nghỉ ngơi thay đồ và vệ sinh.**

Đối với việc xử lý các chất nguy hiểm, ví dụ: chất độc hại, chất ăn mòn, chất gây kích ứng hoặc chất gây ung thư, có những quy định bảo vệ đặc biệt. Những chất này phải được nhà sản xuất dán nhãn rõ ràng để doanh nghiệp có thể áp dụng các biện pháp bảo vệ hiệu quả. Việc tuân thủ các quy định này được kiểm tra bởi **Gewerbeaufsichtsämter** (Cơ quan Giám sát Lao động).

Ngoài ra, đối với thanh thiếu niên dưới 18 tuổi **Jugendarbeitsschutzgesetz (JArbSchG)** (Luật Bảo vệ Thanh thiếu niên trong Lao động) (JArbSchG) còn có thêm nhiều quy định nghiêm ngặt hơn: Ví dụ, thanh thiếu niên không được phép thực hiện các công việc nguy hiểm, chẳng hạn như công việc liên quan đến tiếng ồn có hại, nhiệt độ cực cao hoặc cực thấp, hoặc môi trường ẩm ướt nghiêm trọng.





Akkordarbeit (Làm việc theo năng suất) là hình thức làm việc theo năng suất. Bạn phải hoàn thành một số lượng sản phẩm nhất định trong một khoảng thời gian quy định. Vì làm việc Akkordarbeit (theo năng suất) thường đi kèm với những rủi ro đặc biệt về sức khỏe, nên hình thức này bị cấm đối với một số nhóm người, ví dụ: Phụ nữ mang thai, Thanh thiếu niên dưới 18 tuổi (Điều 23 ArbSchG). Chỉ có một số **Berufsausbildungen (nghề đào tạo)** cụ thể được phép áp dụng làm việc Akkordarbeit (theo năng suất) như một ngoại lệ.

Akkordlohn (Tiền lương theo năng suất) là hình thức trả lương dựa trên năng suất lao động (khi làm việc theo khoán). Trong trường hợp này, **Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự)** có **Mitbestimmungsrecht (quyền tham gia quyết định)** về việc ai được trả lương theo năng suất và dưới những điều kiện nào.

Arbeitszeit (Thời gian làm việc)

Arbeitszeit (Thời gian làm việc) là một vấn đề thường xuyên được nhắc đến trong cuộc sống học nghề. Pháp luật quy định rõ ràng các giới hạn về thời gian làm việc. Tuy nhiên, nhiều **Arbeitgeber*innen (người sử dụng lao động)** vẫn thường vi phạm những quy định này.

Arbeitszeit für Jugendliche (Thời gian làm việc dành cho thanh thiếu niên) được giới hạn cơ bản là Tối đa 8 giờ mỗi ngày và Tối đa 40 giờ mỗi tuần.

- Nếu ở một số ngày làm việc trong tuần, Arbeitszeit (thời gian làm việc) được rút ngắn xuống dưới 8 giờ, thì có thể kéo dài thời gian làm việc ở những ngày còn lại trong cùng tuần đó lên tới 8,5 giờ.
- Nếu một ngày làm việc bị nghỉ do ngày lễ, thời gian làm việc bị mất đó có thể được phân bổ sang các ngày làm việc khác. Thời gian này được phân bổ trong vòng 5 tuần liên tiếp, bao gồm cả tuần có ngày lễ. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp này cũng không được vượt quá 8,5 giờ mỗi ngày, và Trung bình 40 giờ mỗi tuần trong 5 tuần đó.



Lưu ý: Werktage (Ngày làm việc) là từ Thứ Hai đến Thứ Bảy.

Theo quy định (Điều 14 JArbSchG) – thanh thiếu niên (dưới 18 tuổi) không được làm việc từ 20 giờ tối đến 6 giờ sáng. Tuy nhiên, có khá nhiều ngoại lệ, ví dụ: Ngành dịch vụ ăn uống, ngành khách sạn, Các doanh nghiệp làm việc theo ca liên tục (như bệnh viện) cũng như Lò bánh mì và tiệm bánh ngọt. Nếu bạn có thắc mắc về vấn đề này, bạn nên liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebsrat oder Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, hội đoàn nhân sự hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của mình.

Thanh thiếu niên chỉ được làm việc tối đa 5 ngày trong một tuần. Hai ngày nghỉ hàng tuần nên được sắp xếp liên tiếp nếu có thể (Điều 15 JArbSchG). Nguyên tắc chung là Thanh thiếu niên không được làm việc vào Thứ Bảy và Chủ Nhật.

Tuy nhiên, cũng có nhiều ngoại lệ cho quy định này (Điều 16 và Điều 17 JArbSchG). Nếu bạn phải làm việc vào Thứ Bảy hoặc Chủ Nhật, bạn phải được nghỉ bù vào một ngày khác trong tuần đó.

Đối với **Arbeitszeit für volljährige Auszubildende** (người học nghề đã thành niên) cũng có những quy định giới hạn về thời gian làm việc. Họ áp dụng **Arbeitszeitgesetz (ArbZG)** (Luật Thời gian làm việc) (ArbZG) như tất cả người lao động trưởng thành khác. Theo luật này, thời gian làm việc tối đa mỗi ngày là 8 giờ. Tuy nhiên, thời gian này có thể được kéo dài lên tới 10 giờ mỗi ngày, với điều kiện phải đảm bảo rằng trong vòng 24 tuần hoặc 6 tháng dương lịch, thời gian làm việc trung bình mỗi ngày trong các ngày làm việc chỉ là 8 giờ. Luật Thời gian làm việc (ArbZG) cho phép làm việc tối đa 60 giờ mỗi tuần (trong trường hợp làm 6 ngày/tuần) hoặc trung bình 48 giờ mỗi tuần. Đây là khung pháp luật về thời gian làm việc. Tuy nhiên, hầu hết các **Tarifverträge** (thỏa ước tập thể) chỉ quy định thời gian làm việc hàng tuần từ 35 đến 39 giờ. Ngoài ra, trong doanh nghiệp hoặc cơ quan có thể áp dụng các mô hình thời gian làm việc khác nhau hoặc linh hoạt hơn, ví dụ dựa trên **Dienstvereinbarungen** (thỏa thuận giữa doanh nghiệp và công đoàn cơ sở). Lưu ý quan trọng: Thời gian **Pausen** (nghỉ giải lao) không được tính vào thời gian làm việc nêu trên. Nghĩa là thời gian nghỉ sẽ được cộng thêm vào các khoảng thời gian đã nói.



Fahrzeiten (Thời gian bạn di chuyển) hàng ngày từ nhà đến **Berufsschule** (doanh nghiệp đào tạo) và từ doanh nghiệp về nhà không được tính là **Arbeitszeit** (thời gian làm việc). Tuy nhiên, một số **Tarifverträge** (thỏa ước tập thể) hoặc quy định nội bộ của doanh nghiệp có thể có thỏa thuận khác. Trường hợp khác khi thời gian di chuyển từ **Berufsschule** (trường nghề) đến doanh nghiệp đào tạo phải được tính vào thời gian làm việc của bạn.



Những thỏa thuận mà Betriebsrat or Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) đàm phán với doanh nghiệp hoặc cơ quan được gọi là Betriebsvereinbarungen (thỏa thuận doanh nghiệp) hoặc Dienstvereinbarungen (thỏa thuận cơ quan). Trong các thỏa thuận này có thể quy định về nhiều nội dung quan trọng, ví dụ như là các mô hình thời gian làm việc, việc Übernahme (tiếp nhận làm việc) chính thức sau khi kết thúc đào tạo, Weiterbildungsmöglichkeiten (Cơ hội đào tạo nâng cao), bảo vệ môi trường, bình đẳng cơ hội hoặc các biện pháp chống Diskriminierung (phân biệt đối xử). Bạn có thể hỏi Jugend- und Auszubildendenvertretung (JAV) (Đại diện Thanh niên và Người học nghề (JAV)) hoặc Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) để biết xem có những Betriebsvereinbarungen (thỏa thuận doanh nghiệp) hoặc Dienstvereinbarungen (thỏa thuận cơ quan) nào đang áp dụng cho bạn và nội dung của chúng là gì.

Trong Arbeitsvertrag (hợp đồng đào tạo nghề) của bạn đã quy định rõ thời gian làm việc hàng tuần. Bạn không nên chấp nhận làm Überstunden (thêm giờ) hoặc Mehrarbeit (tăng ca) trong quá trình đào tạo. Bạn có quyền được nghỉ ngơi và có thời gian rảnh. Hơn nữa, bạn đang tham gia đào tạo để học một nghề, chứ không phải để làm việc như một Arbeitnehmer*in (nhân viên) chính thức.

Luật quy định rõ về vấn đề này: „Việc làm vượt quá Ausbildungszeit (thời gian đào tạo) hàng ngày đã thỏa thuận phải được trả lương đặc biệt hoặc bù bằng thời gian nghỉ tương đương“ (Điều 17 Đoạn 7 BBiG). Do đó, việc yêu cầu bạn làm vượt quá Ausbildungszeit (thời gian đào tạo) đã ghi trong hợp đồng mà không trả lương hoặc không bù thời gian nghỉ là bị cấm.



Điều gì xảy ra nếu doanh nghiệp đào tạo đột ngột cho bạn về nhà vì „không còn việc làm” hoặc chỉ sắp xếp cho bạn làm ít giờ hơn so với **Arbeitszeit** (thời gian làm việc) hàng tuần đã thỏa thuận, nhằm „dự trữ” giờ cho sau này? Khi đó sẽ phát sinh cái gọi là **Minusstunden** (là giờ âm / giờ thiếu).

Việc doanh nghiệp cho bạn về nhà vì „**Nachhauseschicken**” („không có việc làm”) không phải là lý do để bạn phải làm bù những giờ đó hoặc bị trừ lương. Nếu **Ausbildende** (người hướng dẫn đào tạo) doanh nghiệp không thể sắp xếp việc làm cho bạn, đó là rủi ro của họ, không được chuyển sang cho bạn dưới hình thức bắt làm bù giờ hoặc cắt giảm lương (Điều 19 Đoạn 1 Số 2 lit. a **BBiG** và Điều 615 **BGB**). Quyền đòi lương của bạn trong trường hợp này chỉ được giới hạn trong 6 tuần.

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề là để bạn học được một nghề. Do đó, thời gian làm việc phải được sử dụng để dạy cho bạn tất cả những kiến thức và kỹ năng cần thiết. Ngoài ra, trong **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo) phải ghi rõ thời gian làm việc hàng ngày (Điều 11 **BBiG**). Nếu doanh nghiệp không đào tạo bạn với đúng thời lượng đã thỏa thuận, họ đang vi phạm nghĩa vụ của mình. Nếu bạn nhận được ít tiền hơn vì có giờ âm mà lỗi thuộc về **Arbeitgeber*in** (người sử dụng lao động), thì có thể bạn sẽ không còn đủ mức lương tối thiểu theo quy định của luật (Điều 17 **BBiG**).

Vấn đề giờ âm / giờ thiếu khá phức tạp. Vì vậy, bạn nên tìm kiếm sự hỗ trợ chuyên môn ngay khi gặp tình huống này. Hãy liên hệ với **Jugend- und Auszubildendenvertretung** (**JAV**) (Đại diện Thanh niên và Người học nghề (**JAV**)), **Betriebs-** bzw. **Personalrat** (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc **Gewerkschaft** (Công đoàn) của bạn. Họ sẽ tư vấn cụ thể cho bạn những gì bạn có thể và nên làm.

Ruhepausen (Thời gian nghỉ giải lao)

Bạn có quyền được Ruhepausen (nghỉ giải lao) theo quy định của pháp luật.

§ Đối với thanh thiếu niên dưới 18 tuổi được quy định nghỉ giải lao như sau (Điều 11 JArbSchG):

- Nếu Arbeitszeit (thời gian làm việc) hàng ngày từ hơn 4,5 giờ đến 6 giờ: bạn được Ruhepause (nghỉ giải lao) ít nhất 30 phút.
- Nếu thời gian làm việc hàng ngày hơn 6 giờ: bạn được nghỉ ít nhất 60 phút.

§ Đối với người học nghề từ 18 tuổi trở lên được quy định nghỉ giải lao như sau (Điều 4 ArbZG):

- Nếu Arbeitszeit (thời gian làm việc) hàng ngày hơn 6 giờ: bạn được Ruhepause (nghỉ giải lao) ít nhất 30 phút.
- Nếu Arbeitszeit (thời gian làm việc) hàng ngày hơn 9 giờ: bạn được Ruhepause (nghỉ giải lao) ít nhất 45 phút.

Quy định chung là Pause (thời gian nghỉ) có thể được chia thành nhiều lần, nhưng mỗi lần nghỉ phải kéo dài ít nhất 15 phút. Nhiều Tarifverträge (thỏa ước tập thể) hoặc Dienstvereinbarungen (thỏa thuận doanh nghiệp) thường quy định thời gian nghỉ tốt hơn so với luật tối thiểu – Để biết chính xác quy định áp dụng cho bạn, hãy liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn.



„Raucherpausen“: („Nghỉ hút thuốc“) Theo luật, bạn không có quyền được nghỉ riêng để hút thuốc. Những khoảng thời gian này không được tính là **Pausen** (giờ nghỉ) chính thức.

„Pause am Arbeitsplatz“ („Nghỉ ngơi tại chỗ làm việc“): Đối với thanh thiếu niên đang học nghề việc ở lại tại nơi làm việc hoặc trong các phòng làm việc trong giờ nghỉ chỉ được phép khi công việc trong khu vực đó đã hoàn toàn dừng lại và việc nghỉ ngơi không bị ảnh hưởng (Điều 11 Đoạn 3 JArbSchG). ối với tất cả người lao động nguyên tắc chung là bạn không nên nghỉ ngơi tại chính chỗ làm việc của mình. Giờ nghỉ nên được sử dụng để thực sự thư giãn và hồi phục sức lực.



Freistellung für die Berufsschule (Nghỉ học tại trường nghề)

Nguyên tắc chung: Bạn phải được miễn làm việc tại doanh nghiệp để tham gia học tại Berufsschule (trường nghề), các hoạt động của nhà trường và để Prüfungen (dự thi) (Điều 15 BBiG). Trong thời gian được nghỉ này, bạn vẫn được hưởng đầy đủ Vergütung (tiền lương) đào tạo (Điều 19 BBiG).

Quy định áp dụng cho tất cả người học nghề:

- **Bạn không được làm việc tại doanh nghiệp trước khi đi học Berufsschulunterricht (trường nghề nếu giờ học) bắt đầu trước 9 giờ sáng (Điều 15 Đoạn 1 BBiG). Một Berufsschultag (ngày học nghề) trong tuần có hơn 5 tiết học (mỗi tiết 45 phút) phải được tính là một ngày Ausbildungszeit (thời gian đào tạo) đầy đủ (Điều 15 Đoạn 2 Số 2 BBiG).**
- **Vào ngày học nghề có hơn 5 tiết học, bạn không phải làm việc tại doanh nghiệp nữa. Quy định này chỉ áp dụng cho một Berufsschultag (ngày học nghề) trong tuần (Điều 15 Đoạn 1 Số 2 BBiG).**
- **Trong những Berufsschulwochen (tuần học khối tại trường nghề) với ít nhất 25 giờ và kéo dài ít nhất 5 ngày, bạn không phải đến doanh nghiệp. Tuần học khối này sẽ được tính tương đương với thời gian đào tạo trung bình hàng tuần (Điều 15 Đoạn 1 Số 3 BBiG). Berufsschulwochen (Tuần học khối tại trường nghề) này sẽ được tính tương đương với Ausbildungszeit (thời gian đào tạo) trung bình hàng tuần (Điều 15 Đoạn 2 Số 3 BBiG).**

- Bạn phải được nghỉ hoàn toàn để tham dự các Prüfungen (kỳ thi) và cả ngày làm việc ngay trước ngày thi viết Abschlussprüfung (kỳ thi tốt nghiệp) (Điều 15 Đoạn 1 Số 5 BBiG).
- Thời gian nghỉ Pausen (giải lao) tại Berufsschule (trường nghề) và Wegezeit (thời gian di chuyển) từ trường nghề về doanh nghiệp phải được tính vào Arbeitszeit (thời gian làm việc) (Điều 15 Đoạn 2 Số 1 BBiG).

§ Quy định bổ sung đối với Auszubildende dưới 18 tuổi:

Ngoài ra còn áp dụng giới hạn Arbeitszeit (thời gian làm việc) dành cho thanh thiếu niên. Giới hạn (tối đa không được vượt quá 8,5 giờ/ngày, 40 giờ/tuần, tính trung bình trong 5 tuần).

§ Quy định bổ sung đối với Auszubildende từ 18 tuổi trở lên:

Giới hạn Arbeitszeit (thời gian làm việc) theo luật là tối đa 10 giờ/ngày và 48 giờ/tuần (không tính giờ nghỉ). Không được vượt quá giới hạn này trong bất kỳ trường hợp nào.

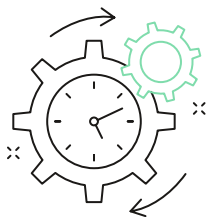
 Điều quan trọng: Bạn chỉ được yêu cầu tiếp tục đào tạo tại doanh nghiệp sau khi học xong ở Berufsschule (trường nghề) nếu điều đó hợp lý và có thể chấp nhận được. Nghĩa là thời gian di chuyển từ trường nghề đến doanh nghiệp không được quá dài so với Ausbildungszeit (thời gian đào tạo) còn lại trong ngày.

Trong thực tế, nhiều Tarifverträge (thỏa ước tập thể) hoặc Dienstvereinbarungen (thỏa thuận doanh nghiệp) quy định rằng bạn không phải quay lại doanh nghiệp sau khi học ở Berufsschule (trường nghề), hoặc toàn bộ Berufsschulzeiten (thời gian học tại trường nghề) sẽ được tính vào thời gian đào tạo. Để biết chính xác quy định áp dụng cho trường hợp của bạn, hãy liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn.

Fehlzeiten (Vắng mặt)

Nếu bạn Fehlzeiten (vắng mặt) quá nhiều trong quá trình đào tạo, bạn có thể không được phép dự Abschlussprüfung (kỳ thi tốt nghiệp). Nhiều người lầm tưởng rằng giới hạn là 10% số ngày vắng mặt. Tuy nhiên, điều quan trọng không phải tỷ lệ phần trăm vắng mặt, mà là việc trong thời gian vắng mặt đó có những nội dung quan trọng của chương trình Berufsbildung (đào tạo nghề) bị bỏ lỡ hay không. Việc đánh giá xem mức độ Fehlzeiten (vắng mặt) có quá nhiều hay không còn khá nhiều khoảng trống để diễn giải. Khuyến nghị rằng, nếu bạn lo lắng về vấn đề vắng mặt, hãy liên hệ ngay để được tư vấn từ Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebsrat oder Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn.

 Lưu ý quan trọng: Bạn nên báo nghỉ Fehlzeiten (vắng mặt) vì bệnh cho cả trường nghề và doanh nghiệp đào tạo.



Prüfungen in der Ausbildung (Các kỳ thi trong quá trình đào tạo nghề)

Abschlussprüfung (Kỳ thi tốt nghiệp) nhằm xác định xem bạn đã nắm được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho nghề của mình hay chưa. Một công cụ quan trọng để kiểm tra trình độ học tập là Zwischenprüfung (kỳ thi giữa khóa) theo quy định tại (Điều 48 BBiG). Việc được dự Abschlussprüfung (kỳ thi tốt nghiệp) phụ thuộc vào các điều kiện là bạn đã hoàn thành đủ Ausbildungsdauer (thời gian đào tạo) quy định, bạn đã tham gia Zwischenprüfung (kỳ thi giữa khóa), và bên cạnh đó (Berufsausbildungsverhältnis) Hợp đồng đào tạo nghề của bạn đã được Verzeichnis der Berufsausbildungsverhältnisse (đăng ký vào sổ đăng ký hợp đồng đào tạo nghề) tại Phòng Thương mại – Phòng Thủ công nghiệp (Điều 43 BBiG). Đồng thời bạn đã nộp Berichtsheft (sổ báo cáo thực tập) đã ghi chép đầy đủ và có chữ ký xác nhận.

Abschlussprüfung (Kỳ thi tốt nghiệp) có thể được tổ chức thành hai phần riêng biệt về mặt thời gian. Phần thi thứ nhất lúc đó sẽ được coi như Zwischenprüfung (kỳ thi giữa khóa). Quyền được nghỉ chuẩn bị Prüfungen (kỳ thi) dành cho tất cả người học nghề đều có quyền Freistellung (được nghỉ có lương) vào ngày làm việc cuối cùng trước ngày thi viết Abschlussprüfung (kỳ thi tốt nghiệp). Nếu Prüfung (kỳ thi) rơi vào ngày Thứ Hai, bạn không được nghỉ ngày Thứ Sáu trước đó.

 Lưu ý: Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn cũng tổ chức các seminar với nhiều mẹo hay giúp bạn chuẩn bị thi một cách thoải mái, giảm stress.



Bạn có thể tìm thêm thông tin chi tiết về Jugendbildungsprogramm (chương trình giáo dục thanh niên) miễn phí của chúng tôi tại:

→ dgb-jugendbildung.de

Virtuelle Prüfungsteilnahme von Prüfer*innen (Tham gia thi ảo của giám khảo)

Theo quy định mới Điều 42a BBiG, giám khảo có thể tham gia dự thi giữa khóa và Abschlussprüfungen (thi tốt nghiệp) qua hội nghị truyền hình. Để áp dụng hình thức này, phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- 1. Nội dung phần thi phải phù hợp để thực hiện qua hội nghị truyền hình.**
- 2. Bạn phải được thông báo trước về việc sử dụng hình thức này.**
- 3. Phải có ít nhất một Prüfer*in (giám khảo) có mặt trực tiếp tại địa điểm thi.**
- 4. Công nghệ hội nghị truyền hình phải được kiểm tra hoạt động trước khi Prüfung (kỳ thi) và phải có nhân viên kỹ thuật chuyên trách có mặt tại chỗ.**
- 5. Bạn phải được dành đủ thời gian để làm quen với công nghệ được sử dụng.**
- 6. Hội nghị truyền hình không được ghi hình. Nếu xảy ra sự cố kỹ thuật mà bạn không gây ra, bạn sẽ được gia hạn thời gian thi tương ứng.**

Urlaub (Nghỉ phép năm)

Số ngày nghỉ phép của bạn phải được ghi rõ trong **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo nghề). Mức nghỉ phép tối thiểu theo luật phụ thuộc vào độ tuổi của bạn. Theo **Jugendarbeitsschutzgesetz (JArbSchG)** (Luật Bảo vệ Thanh thiếu niên trong Lao động (JArbSchG)) **Urlaubsanspruch** (quyền nghỉ phép) hàng năm được quy định theo Điều 19 như sau tính theo tuổi vào đầu năm dương lịch:

- **Dưới 16 tuổi: 30 Werktage (ngày làm việc) Urlaub (nghỉ phép),**
- **Dưới 17 tuổi: 27 Werktage (ngày làm việc) Urlaub (nghỉ phép),**
- **Dưới 18 tuổi: 25 Werktage (ngày làm việc) Urlaub (nghỉ phép).**

 Lưu ý: Werktage = Thứ Hai đến Thứ Bảy (6 ngày). Arbeitstage (ngày làm việc) = thường là Thứ Hai đến Thứ Sáu (5 ngày).

Nếu bạn làm việc 5 ngày/tuần (như quy định tại Điều 15 JArbSchG), số Urlaubstage (ngày nghỉ phép) được tính lại như sau: dưới 16 tuổi là 25 Arbeitstage (ngày làm việc), dưới 17 tuổi là 23 ngày làm việc, dưới 18 tuổi là 21 ngày làm việc.

Đối với các bạn học nghề từ 18 tuổi trở lên áp dụng **Bundesurlaubsgesetz** (Luật Nghỉ phép Liên bang (BUrlG)). Bạn có quyền được nghỉ ít nhất 24 Werktage (tức là 4 tuần) nghỉ phép có lương mỗi năm. Nếu hợp đồng của bạn quy định theo Arbeits- bzw. Ausbildungstage (ngày làm việc), và bạn làm 5 ngày/tuần, thì bạn có quyền nghỉ 20 Arbeitstage (ngày làm việc) (Điều 3 BUrlG). Vẫn tương đương 4 tuần.

Trong hầu hết các **Tarifverträge** (thỏa ước tập thể), số ngày **Urlaubsanspruch** (quyền nghỉ phép) thường cao hơn luật tối thiểu – thường lên đến 30 ngày. Bạn có thể hỏi Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học

nghe), Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của mình để biết chính xác quyền lợi của bạn.



Lưu ý: Bạn nên sử dụng hết ngày nghỉ phép trong năm mà nó phát sinh. Nếu bạn có ngày Resturlaub (nghỉ phép còn dư) chuyển sang năm sau, những ngày này chỉ bị mất nếu Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) đã thông báo trước cho bạn và tạo điều kiện để bạn nghỉ phép.

Nghỉ phép đào tạo

Bildungsurlaub (Nghỉ phép đào tạo) là quyền Freistellung (được nghỉ có lương) để tham gia các khóa học, đào tạo bổ sung – hoàn toàn độc lập với số ngày nghỉ phép năm thông thường của bạn. Bạn vẫn được hưởng đầy đủ ngày nghỉ phép năm. Các khóa học có thể rất đa dạng: khóa học ngôn ngữ, khóa học tin học, seminar về chất lượng đào tạo nghề, v.v. Điều quan trọng là khóa học phải được cơ quan có thẩm quyền của Bundesland (bang) công nhận là Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo).

Vì giáo dục là trách nhiệm của từng Bundesland (bang), nên quy định về nghỉ phép đào tạo khác nhau giữa các bang. Bạn có thể tìm thông tin chi tiết và hướng dẫn cụ thể trên trang:

→ bildungsurlaub-machen.de

Tất cả thông tin về số ngày nghỉ đều tính theo tuần làm việc 5 ngày. Nếu bạn làm ít hơn 5 ngày/tuần, số ngày nghỉ phép đào tạo sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng.

Schleswig-Holstein

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có quyền nghỉ 5 Arbeitstage (ngày làm việc) Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) mỗi năm. Trong một số trường hợp đặc biệt, bạn có thể nghỉ 10 ngày làm việc để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) trong vòng 2 năm dương lịch.

Hamburg

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có quyền nghỉ 10 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) trong vòng 2 năm dương lịch.

Bremen

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có quyền nghỉ 10 ngày làm việc để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) trong vòng 2 năm dương lịch.

Niedersachsen

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có thể chọn một trong hai hình thức. Thứ nhất là 5 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) mỗi năm, hoặc 10 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) trong vòng 2 năm trong một số trường hợp đặc biệt. Tại bang này, Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) có thể áp dụng một số hạn chế.

Nordrhein-Westfalen

Người học nghề có quyền nghỉ 5 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) mỗi năm dành cho Weiterbildung (đào tạo nâng cao) chính trị. Quyền lợi của 2 năm có thể được cộng dồn lại. Arbeitgeber*in (Người sử dụng lao động) cũng có thể áp dụng một số hạn chế.

Mecklenburg-Vorpommern

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn được nghỉ một lần trong toàn bộ quá trình đào tạo 5 ngày Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) – Thời gian nghỉ này chỉ dành cho Weiterbildung (đào tạo nâng cao) chính trị hoặc Weiterbildung (đào tạo nâng cao) để đảm nhận công việc tình nguyện, công việc với chức vụ danh dự.

Berlin

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có quyền nghỉ 5 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) mỗi năm, ở Berlin gọi là „Bildungszeit“ („thời gian đào tạo“). Thời gian này có thể dùng cho việc đào tạo nghề nghiệp, Weiterbildung (đào tạo nâng cao) chính trị hoặc đào tạo cho công việc tình nguyện, công việc với chức vụ danh dự. Trong một số trường hợp đặc biệt, bạn có thể cộng dồn để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) của 2 năm lại.

Brandenburg

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có quyền nghỉ 10 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) trong vòng 2 năm dương lịch. Tại bang này cũng có một số hạn chế nhất định.

Sachsen-Anhalt

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có quyền nghỉ 5 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) mỗi năm. Bạn cũng có thể nghỉ 10 Arbeitstage (ngày làm việc) trong vòng 2 năm dương lịch. Tại bang này cũng có một số hạn chế dành cho doanh nghiệp nhỏ. Từ năm 2025, Bildungsfreistellungsgesetz (Luật Giải phóng cho Giáo dục) sẽ được sửa đổi. Trong Bildungszeitgesetz (Luật thời gian đào tạo mới), việc xin nghỉ để Bildungszeit (nghỉ phép đào tạo) sẽ dễ dàng hơn và sẽ công nhận thêm các khóa học về giáo dục chính trị cũng như các khóa học nhằm củng cố hoạt động tình nguyện, công việc với chức vụ danh dự.

Rheinland-Pfalz

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có quyền nghỉ 5 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) trong năm đào tạo để tham gia các khóa Weiterbildung (đào tạo nâng cao) về xã hội – chính trị, với điều kiện không ảnh hưởng đến mục tiêu đào tạo nghề.

Saarland

Nếu bạn đã làm việc ít nhất 6 tháng tại doanh nghiệp, bạn có quyền nghỉ để Weiterbildung (đào tạo nâng cao) cho các mục đích như là đào tạo nghề nghiệp, đào tạo chính trị, đào tạo để thực hiện công việc tình nguyện, hoạt động vì cộng đồng, tự nguyện và không nhận thù lao. Bạn được nghỉ 5 Arbeitstage (ngày làm việc). Với sự đồng ý của người sử dụng lao động, bạn có thể cộng dồn để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) của 2 năm lại với nhau.

Baden-Württemberg

Người học nghề có quyền nghỉ 5 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) trong suốt quá trình đào tạo. Tuy nhiên, chỉ được sử dụng cho mục đích Weiterbildung (đào tạo nâng cao) chính trị.

Hessen

Nếu bạn đã tham gia đào tạo ít nhất 6 tháng, bạn có quyền nghỉ 5 Arbeitstage (ngày làm việc) để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) mỗi năm hoặc, trong một số trường hợp đặc biệt, 10 Arbeitstage (ngày làm việc) trong vòng 2 năm. Tại bang này, Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) cũng có thể áp dụng một số hạn chế.

Thüringen

Đối với người học nghề, sau thời gian chờ 6 tháng, bạn chỉ có quyền nghỉ 3 Arbeitstage (ngày làm việc) để nghỉ phép đào tạo trong một năm dương lịch. Việc chuyển ngày nghỉ sang năm sau chỉ có thể thực hiện trong một số trường hợp nhất định. Tại Thüringen còn có nhiều hạn chế khác, có thể dẫn đến việc bạn mất quyền lợi hoặc Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) có quyền từ chối cho nghỉ để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo).

Sachsen

Năm 2026, Sachsen cuối cùng đã thông qua Bildungsurlaubsgesetz (luật để nghỉ phép đào tạo). Luật sẽ có hiệu lực từ năm 2027 và cho phép nghỉ 3 ngày „Qualifizierungszeit“ („Thời gian nâng cao trình độ“) – đây là tên gọi của để nghỉ phép đào tạo tại bang này. Cho đến khi luật chính thức có hiệu lực việc cho nghỉ để Bildungsurlaub (nghỉ phép đào tạo) tại Sachsen vẫn là tự nguyện của doanh nghiệp.

Bayern

Bayern là Bundesland (bang) duy nhất ở Đức không có Bildungsurlaubsgesetz (luật để nghỉ phép đào tạo). Nếu bạn vẫn muốn tham gia các seminar hoặc khóa học, cách tốt nhất là liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebsrat oder Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn. Họ có thể hỗ trợ và tư vấn cho bạn các khả năng thực tế.

Kündigung (Chấm dứt hợp đồng đào tạo)

Điều rõ ràng là: Không được sa thải người học nghề một cách vô cớ. Các điều kiện để Kündigung (chấm dứt hợp đồng) đào tạo được pháp luật quy định rõ ràng. Có hai hình thức chấm dứt: außerordentliche Kündigung (chấm dứt khẩn cấp), thường là không báo trước và ordentliche Kündigung (chấm dứt thông thường), chấm dứt Beschäftigungsverhältnis (Quan hệ lao động) sau khi hết thời hạn báo trước. Chỉ trong Probezeit (thời gian thử việc) (cả hai bên mới có quyền chấm dứt hợp đồng bất cứ lúc nào mà không cần nêu lý do. Sau Probezeit (thời gian thử việc), doanh nghiệp chỉ được sa thải bạn khi có lý do quan trọng nghiêm trọng, khiến việc tiếp tục đào tạo trở nên không thể chấp nhận được đối với doanh nghiệp (Điều 22 BBiG). Những lý do nghiêm trọng có thể bao gồm:

- Thường xuyên đi làm muộn, đã bị nhắc nhở bằng văn bản nhiều lần,
- Trộm cắp hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác trong Ausbildungszeit (thời gian đào tạo),
- Có hành vi hoặc phát ngôn phân biệt chủng tộc, phân biệt đối xử, „giả bệnh để nghỉ việc, trốn việc“.

Những lý do nghiêm trọng mà Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) đã biết từ hơn 2 tuần trước thì không được dùng làm căn cứ để außerordentliche/fristlose Kündigung (chấm dứt hợp đồng khẩn cấp). Thông thường, trước khi sa thải, người sử dụng lao động phải đã nhắc nhở bằng văn bản về hành vi vi phạm tương tự.

Bạn có quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức trong trường hợp nghiêm trọng, ví dụ: khi bị đánh đập tại nơi làm việc, khi bị bắt nạt, khủng bố tinh thần, khi bị quấy rối tình dục. Trong các trường hợp khác, bạn có thể chấm dứt **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo) với thời hạn báo trước 4 tuần. Mọi trường hợp Kündigung (chấm dứt hợp đồng) đều phải được thực hiện bằng văn bản. Sau thời gian thử việc, bạn phải nêu rõ lý do chấm dứt hợp đồng. Không được chấm dứt hợp đồng bằng hình thức điện tử như qua email, chữ ký điện tử, (ngay cả khi bạn ký **Ausbildungsvertrag** (hợp đồng đào tạo) bằng hình thức điện tử). Kündigung (Chấm dứt hợp đồng) bằng miệng, qua WhatsApp, SMS hoặc các hình thức tương tự đều không có hiệu lực pháp lý.

Ngay cả khi doanh nghiệp tái cấu trúc hoặc gặp khó khăn về kinh tế, đây vẫn chưa phải là lý do đủ để chấm dứt **Ausbildungsverhältnis** (quan hệ đào tạo nghề) vì lý do kinh tế – tổ chức một cách khẩn cấp. Chỉ trong trường hợp ngoại lệ, khi doanh nghiệp đóng cửa hoàn toàn hoặc thu hẹp quy mô đến mức không còn bất kỳ vị trí đào tạo nào cho nghề của bạn trong toàn bộ công ty, thì mới có thể chấm dứt hợp đồng đào tạo vì lý do kinh tế một cách khẩn cấp.

Nếu bạn gặp vấn đề liên quan đến sa thải hoặc Kündigung (chấm dứt hợp đồng), hãy liên hệ ngay với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), **Betriebs-** bzw. **Personalrat** (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn.

Rechtsschutz im Fall einer Kündigung (Bảo vệ quyền lợi pháp lý khi bị sa thải)

Nếu bạn muốn chống lại một Kündigung (quyết định sa thải), bạn phải hành động nhanh chóng. Nếu ngành nghề của bạn có Schlichtungsausschuss (Hội đồng Hòa giải) hoặc Schlichtungsstelle (Cơ quan Hòa giải) (thường thuộc IHK / Phòng Thương mại và Công nghiệp), bạn phải liên hệ trong vòng 3 tuần kể từ ngày nhận được thông báo Kündigung (sa thải). Cơ quan này sẽ lắng nghe ý kiến của bạn và Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động), sau đó cố gắng đưa ra một thỏa thuận. Nếu không đạt được thỏa thuận, họ sẽ đưa ra quyết định – tương tự như một phán quyết của Tòa án. Bạn hoặc Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) có 1 tuần để chấp nhận quyết định này. Nếu một trong hai bên không chấp nhận, bạn có thể Kündigungsschutzklage (khởi kiện tại Tòa Lao động) trong vòng 2 tuần tiếp theo.

Nếu ngành nghề của bạn không có Schlichtungsstelle (Cơ quan Hòa giải), bạn phải nộp đơn Kündigungsschutzklage (khởi kiện bảo vệ việc làm tại Tòa Lao động) muộn nhất là 3 tuần kể từ ngày nhận được thông báo Kündigung (sa thải).

Tốt nhất là bạn nên tìm kiếm sự tư vấn và hỗ trợ pháp lý chuyên nghiệp. Một trong những lợi ích quan trọng của việc tham gia Gewerkschaften (công đoàn) là được cung cấp Rechtsschutz (bảo vệ pháp lý) trong các Arbeits- und Sozialstreitigkeiten (tranh chấp lao động và xã hội).



Aufhebungsvertrag (Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận)

Ausbildungsverhältnis (Quan hệ đào tạo nghề) của bạn cũng có thể được chấm dứt thông qua một Aufhebungsvertrag (Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận). Đây là trường hợp cả hai bên – Ausbildungsverhältnis (người học nghề và doanh nghiệp) – thỏa thuận cùng nhau chấm dứt hợp đồng đào tạo. Aufhebungsvertrag (Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận) không phải là Kündigung (sa thải), mà là sự đồng ý chung của cả hai bên Ausbildungsverhältnis (Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận) để không tiếp tục hợp đồng đào tạo nữa. Thời điểm chấm dứt hợp đồng có thể được hai bên tự do thỏa thuận. Không có thời hạn báo trước bắt buộc phải tuân thủ. Tuy nhiên, bạn nên kiểm tra kỹ Aufhebungsvertrag (hợp đồng chấm dứt thỏa thuận) trước khi ký. Nếu không chắc chắn, hãy tìm sự tư vấn chuyên nghiệp.

Và cũng nên cẩn thận, nếu Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động) hoặc Ausbilder*in (người hướng dẫn đào tạo) đơn phương yêu cầu bạn ký Aufhebungsvertrag (Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận), bạn không có nghĩa vụ phải ký. Đặc biệt là khi bạn không muốn chấm dứt Ausbildungsverhältnis (Quan hệ đào tạo nghề). Một khi đã ký Aufhebungsvertrag (Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận), việc hủy bỏ sau này thường rất khó khăn và hiếm khi thành công. Hơn nữa, việc ký Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận có thể dẫn đến những bất lợi nghiêm trọng, ví dụ: bị tạm hoãn nhận trợ cấp thất nghiệp lên đến 12 tuần từ Bundesagentur für Arbeit (Cơ quan Việc làm Liên bang) hoặc Jobcenter, nếu sau đó bạn phải Arbeitslosengeld (nhận thất nghiệp) hoặc Bürgergeld/Grundsicherung (tiền hỗ trợ cơ bản).

Trước khi ký bất kỳ Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận nào, hãy liên hệ ngay với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn. Họ sẽ tư vấn miễn phí và giúp bạn bảo vệ quyền lợi.



Finanzielle Hilfen während der Ausbildung

(Các hỗ trợ tài chính trong thời gian học nghề)

Chắc hẳn bạn đã từng nghĩ đến việc tìm một căn hộ riêng hoặc ở ghép (WG) để tự lập và không còn phụ thuộc vào cha mẹ. Tuy nhiên, tiền lương đào tạo thường không đủ để chi trả chi phí sinh hoạt. Nguyên tắc chung là Cha mẹ bạn vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng trong thời gian bạn đang học nghề lần đầu. Mức **Unterhalt** (hỗ trợ) phụ thuộc vào khả năng tài chính của cha mẹ.

Nếu bạn đang tham gia đào tạo duale, außerbetriebliche hoặc überbetriebliche (Đào tạo ngoài công ty hoặc liên công ty), bạn có thể nộp đơn xin **Berufsausbildungsbeihilfe (BAB)** (hỗ trợ tài chính cho đào tạo nghề (BAB)) – tại **Agentur für Arbeit** (Cơ quan Việc làm địa phương). Tùy theo điều kiện, bạn có thể nhận thêm trợ cấp cho tiền nhà ở, tiền quần áo, tiền đi lại. Nếu bạn đang học nghề toàn thời gian tại trường, bạn không được nhận hỗ trợ tài chính cho đào tạo nghề (BAB), nhưng có thể nộp đơn xin **BAföG für Schüler*innen** (tiền khuyến khích giáo dục của CHLB Đức (BAföG) dành cho học sinh) tại **Amt für Ausbildungsförderung** (Cơ quan Hỗ trợ Đào tạo).

Việc tính toán hỗ trợ tài chính cho đào tạo nghề (BAB) và tiền khuyến khích giáo dục của CHLB Đức (BAföG) được thực hiện tương tự nhau: trước tiên, cơ quan sẽ „Bedarf für den Lebensunterhalt“ („xác định mức nhu cầu sinh hoạt“). Mức này phụ thuộc vào độ tuổi của bạn, tình trạng hôn nhân, nơi bạn đang sống, sống cùng cha mẹ hay ở riêng. **Ausbildungsvergütung** (Tiền lương đào tạo) của bạn cũng như thu nhập của cha mẹ sẽ được tính vào. Nếu

bạn đã kết hôn, thu nhập của vợ/chồng bạn cũng sẽ được xem xét. Khuyến nghị bạn nên nộp đơn xin hỗ trợ tài chính trong mọi trường hợp: tại BAB: Nộp đơn tại Agentur für Arbeit (Cơ quan Việc làm địa phương) phụ trách theo nơi cư trú của bạn, tiền khuyến khích giáo dục của CHLB Đức (BAföG) dành cho học sinh tại Amt für Ausbildungsförderung (Cơ quan Hỗ trợ Đào tạo).

Lưu ý: BAB and Schüler*innen-BAföG (Cả tiền hỗ trợ tài chính cho đào tạo nghề (BAB) lẫn tiền khuyến khích giáo dục của CHLB Đức (BAföG)) cho học sinh đều là Vollzuschüsse (tiền trợ cấp không hoàn lại). Nghĩa là bạn không phải trả lại số tiền này.

→ [bafög.de](https://www.bafög.de)

→ [bab-rechner.arbeitsagentur.de](https://www.bab-rechner.arbeitsagentur.de)

Ngay cả một khoản hỗ trợ nhỏ cũng giúp bạn tăng thêm sự tự lập. Trước khi nộp đơn, bạn nên tư vấn với Gewerkschaft (công đoàn) của mình. Họ có thể kiểm tra giúp bạn xem theo Tarifvertrag (thỏa ước tập thể), bạn có thể nhận được Ausbildungsvergütung (mức lương đào tạo) cao hơn không.

Nếu đơn xin tiền hỗ trợ tài chính cho đào tạo nghề (BAB) bị từ chối ví dụ: vì bạn đang Ausbildungsberuf (học nghề) thứ hai hoặc nghề của bạn không được nhà nước công nhận, bạn có thể nộp đơn xin Wohngeld (tiền trợ cấp nhà ở). Là người học nghề trên 18 tuổi và đang thuê nhà riêng tại nơi đào tạo, bạn có khá nhiều cơ hội nhận được Wohngeld (tiền trợ cấp nhà ở). Bạn nộp đơn tại Wohngeldstelle (cơ quan trợ cấp tiền nhà) của thành phố nơi bạn cư trú.



Cha mẹ bạn vẫn có thể tiếp tục nhận Kindergeld (tiền trợ cấp con cái) trong suốt thời gian bạn học nghề. Điều này cũng áp dụng trong thời gian tìm kiếm Ausbildungsplatz (chỗ học nghề) hoặc trong giai đoạn chuyển tiếp tối đa 4 tháng giữa hai giai đoạn đào tạo. Cha mẹ bạn nộp đơn Familienkasse (tại quỹ Gia đình) của Arbeitsagentur (Cơ quan Việc làm). Kindergeld (Tiền trợ cấp con cái) có thể được nhận đến khi bạn đủ 25 tuổi. Nếu bạn không còn sống cùng cha mẹ, họ có nghĩa vụ chuyển số tiền Kindergeld (tiền trợ cấp con cái) cho bạn. Từ năm 2026, mức Kindergeld (tiền trợ cấp con cái) thống nhất là 259 Euro/chịu mỗi tháng. Hiện chưa có kế hoạch tăng Kindergeld (tiền trợ cấp con cái) cho năm 2027.

Có rất nhiều quy định và trường hợp đặc biệt cần lưu ý khi xin các khoản hỗ trợ này. Vì vậy, trong trường hợp không chắc chắn, bạn nên tư vấn với Gewerkschaft (công đoàn) để được hỗ trợ cụ thể.

Nếu bạn muốn kiếm thêm tiền, bạn có thể làm Nebenjob (việc làm thêm). Tuy nhiên cần chú ý những điều sau: Bạn phải thông báo cho Arbeitgeber*in/Ausbildende*n (doanh nghiệp đào tạo / người hướng dẫn đào tạo) về Nebenjob (việc làm thêm) của mình và tổng thời gian Nebenjob (việc làm thêm) cộng thêm Ausbildungszeit (thời gian đào tạo) không được vượt quá giới hạn thời gian làm việc theo luật. Arbeitgeber*in (Người sử dụng lao động) chỉ được phép cấm bạn Nebenjob (việc làm thêm) khi có lý do chính đáng. Ví dụ: việc làm thêm ảnh hưởng đến việc học nghề hoặc bạn làm cho đối thủ cạnh tranh. Để tránh bị trừ tiền hỗ trợ tài chính cho đào tạo nghề (BAB), tiền khuyến khích giáo dục của CHLB Đức (BAföG) hoặc Kindergeld (tiền trợ cấp con cái) do làm thêm, bạn nên tính toán kỹ trước và tốt nhất là tư vấn với Gewerkschaft (công đoàn).

Schwangerschaft in der Ausbildung (Mang thai trong thời gian học nghề)

Phụ nữ mang thai đang học nghề và Beschäftigte (lao động) được pháp luật bảo vệ đặc biệt theo Mutterschutzgesetz (MuSchG) (Luật Bảo vệ Bà mẹ (MuSchG)) (bạn không được sa thải trong suốt Schwangerschaft (thời gian mang thai) và cho đến 4 tháng sau khi sinh – quy định này áp dụng cả trong Probezeit (thời gian thử việc).

Arbeitgeber*in (Người sử dụng lao động) của bạn có nghĩa vụ bảo vệ sức khỏe cho phụ nữ mang thai, sau sinh và trong thời gian cho con bú. Cụ thể: Công việc đứng dây chuyền, Akkordarbeit (làm theo năng suất) và các công việc nặng nhọc bị cấm trong thời gian mang thai. Nếu công việc đòi hỏi phải đi lại hoặc đứng nhiều, doanh nghiệp phải bố trí chỗ ngồi để bạn nghỉ ngơi. Trong 6 tuần cuối trước khi sinh và 8 tuần sau khi sinh, bạn (là mẹ) không được làm việc. Dù không làm việc, bạn vẫn nhận đầy đủ Ausbildungsvergütung (tiền lương đào tạo).

Trước khi trở lại làm việc tại doanh nghiệp, bạn nên sớm sắp xếp việc chăm sóc con cái. Một số doanh nghiệp có tổ chức chăm sóc trẻ em nội bộ hoặc thậm chí có nhà trẻ riêng. Nếu không có, bạn nên liên hệ với Jugendamt (Sở Thanh thiếu niên) để hỏi về quyền được chăm sóc trẻ bởi cha mẹ nuôi ban ngày (Tageseltern) hoặc các dịch vụ nhà nước khác như nhà trẻ (Kinderkrippe) và mẫu giáo (Kindergarten) tại địa phương.

Hỗ trợ tài chính: Bạn cơ bản có quyền nhận Kindergeld (tiền trợ cấp con cái) và Elterngeld (tiền trợ cấp thai sản / nuôi con). Nếu bạn đang nhận BAB (hỗ trợ tài chính cho đào tạo nghề), khoản hỗ trợ này sẽ tạm dừng trong Elternzeit (thời gian nghỉ nuôi con). Tuy nhiên, bạn có thể nhận thêm hỗ trợ từ Sozialamt (Sở Xã hội) trong một số trường hợp, ví dụ: Khoản Mehrbedarfzuschlag (trợ cấp nhu cầu tăng thêm) từ tuần thai thứ 12 hoặc trợ cấp một lần để mua quần áo bầu và đồ dùng sơ sinh cho bé.

Việc vừa hoàn thành chương trình đào tạo nghề vừa làm cha mẹ, đặc biệt là cha mẹ đơn thân, là một thách thức rất lớn – Trong trường hợp này, Teilzeitausbildung (đào tạo bán thời gian) có thể là một giải pháp phù hợp? Để được tư vấn về giải pháp này cũng như các khả năng khác, bạn hãy liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề), Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự) hoặc Gewerkschaft (Công đoàn) của bạn. Họ luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn



Elterngeld (Tiền trợ cấp nuôi con) là khoản tiền hỗ trợ được chi trả cho cha mẹ. Nếu một cha/mẹ giảm thời gian làm việc xuống (tối đa 32 giờ/tuần), bạn có thể nhận Elterngeld (Tiền trợ cấp nuôi con) trong 12 tháng. Thời gian nhận trợ cấp có thể kéo dài lên đến 14 tháng nếu cả hai cha mẹ cùng tham gia chăm sóc con và mỗi người đều nhận Elterngeld (tiền trợ cấp nuôi con ít nhất 2 tháng (gọi là Partnermonate – tháng của đối tác). Nếu bạn là cha/mẹ đơn thân, bạn cũng được hưởng 14 tháng tiền trợ cấp nuôi con (Elterngeld).

-
- Elterngeld (Tiền trợ cấp nuôi con) bằng 67% mức thu nhập ròng (Nettoeinkommen) trung bình hàng tháng của năm trước, nhưng tối đa 1.800 Euro và tối thiểu 300 Euro, nếu bạn không có thu nhập.
 - Cha mẹ có thu nhập ròng dưới 1.000 Euro có thể nhận Elterngeld (Tiền trợ cấp nuôi con) bằng đúng mức thu nhập của họ.
 - Với thu nhập ròng trên 1.200 Euro, tỷ lệ trợ cấp có thể giảm xuống còn 65%.
 - Elterngeld (Tiền trợ cấp nuôi con) sẽ được tăng thêm nếu bạn có con thứ (Geschwister) hoặc sinh đôi, sinh ba trở lên.

Elterngeld (Tiền trợ cấp nuôi con) được tính toàn bộ như thu nhập khi xét duyệt Grundsicherung (hỗ trợ cơ bản), trước đây là Bürgergeld (trợ cấp công dân), Sozialhilfe (trợ cấp xã hội) và Kinderzuschlag (trợ cấp thêm cho con cái). Chỉ có một số ít trường hợp ngoại lệ.

Để biết thêm thông tin chi tiết, bạn có thể truy cập website: bmfsfj.de hoặc liên hệ trực tiếp với công đoàn của bạn.

Elternzeit (Thời gian nghỉ nuôi con) là khoảng thời gian sau khi sinh con mà cha mẹ có quyền được Freistellung (nghỉ không lương) và được bảo vệ đặc biệt khỏi sa thải. Thời gian này có thể được cả hai cha mẹ hoặc một trong hai người sử dụng. Tổng thời gian nghỉ nuôi con (Elternzeit) tối đa là 3 năm. Trong Elternzeit (thời gian nghỉ nuôi con) cha mẹ vẫn có thể đi làm bán thời gian với tối đa 32 giờ/tuần. Bạn phải nộp đơn yêu cầu Elternzeit (nghỉ nuôi con) cho doanh nghiệp bằng văn bản chậm nhất là 7 tuần trước ngày bắt đầu nghỉ dự kiến. Trong đơn phải ghi rõ bạn muốn Elternzeit (nghỉ nuôi con) trong khoảng thời gian nào hoặc những khoảng Elternzeit (nghỉ nuôi con) nào.

Kurzarbeit bei Krisen

(Làm việc ngắn giờ trong khủng hoảng)

Berufsausbildung (Chương trình đào tạo nghề) là một quan hệ hợp đồng đặc biệt và được pháp luật bảo vệ. Mục đích chính là để học một nghề, chứ không phải để tạo ra năng suất lao động. Vì vậy, người học nghề chỉ có thể chuyển sang Kurzarbeit (làm việc ngắn giờ) trong trường hợp khẩn cấp nghiêm trọng nhất. Kurzarbeit (Làm việc ngắn giờ) nghĩa là người lao động hoặc người học nghề tạm thời làm việc ít giờ hơn do doanh nghiệp thiếu việc làm. Arbeitgeber*in (Người sử dụng lao động) không được đơn phương áp dụng Kurzarbeit (làm việc ngắn giờ), Chỉ được thực hiện khi có quy định trong Tarifvertrag (thỏa ước tập thể), Betriebsvereinbarung (thỏa thuận doanh nghiệp) hoặc được sự đồng ý của Arbeitnehmer*innen (người lao động) bị ảnh hưởng. Mục tiêu hàng đầu vẫn phải là tiếp tục đào tạo mà không bị gián đoạn dài. Ausbildungsbetrieb (Doanh nghiệp) có nghĩa vụ pháp lý phải đào tạo bạn (Điều 14 BBiG). Do đó, doanh nghiệp phải sử dụng mọi biện pháp có thể để đảm bảo việc đào tạo của bạn tiếp tục. Các biện pháp có thể bao gồm:

- **Điều chỉnh Ausbildungsplan (kế hoạch đào tạo) bằng cách đẩy lên các nội dung học khác trước,**
- **Chuyển bạn sang bộ phận khác,**
- **Chuyển về xưởng đào tạo,**
- **Giảng dạy lý thuyết (ví dụ: giao bài tập viết, đọc tài liệu, học qua phương tiện số).**
- **Trong một thời gian giới hạn, có thể áp dụng hình thức đào tạo thay thế (như Homeoffice ...).**

Chỉ khi đã sử dụng hết tất cả các biện pháp trên thì Kurzarbeit (làm việc ngắn giờ) mới có thể được xem xét cho người học nghề. Nếu việc đào tạo bị gián đoạn dù bạn vẫn sẵn sàng đến doanh nghiệp, doanh nghiệp phải trả đầy đủ *Ausbildungsvergütung* (tiền lương đào tạo) trong 6 tuần (Điều 19 BBiG).

Insolvenz deines Betriebs (Doanh nghiệp bị phá sản)

Nếu doanh nghiệp của bạn bị mở Insolvenzverfahren (thủ tục phá sản) hoặc tạm thời mất khả năng thanh toán, đây vẫn chưa phải là lý do để *Kündigung* (sa thải) bạn. Chỉ khi doanh nghiệp đóng cửa hoàn toàn hoặc thu hẹp quy mô đến mức không còn bất kỳ vị trí đào tạo nào cho nghề của bạn trong toàn bộ công ty, thì mới có thể chấm dứt hợp đồng đào tạo vì lý do kinh tế. Trong trường hợp này, người quản lý *Insolvenz* (phá sản) phải nêu rõ lý do chấm dứt là do *Betriebsstilllegung* (đóng cửa) hoặc *Betriebseinschränkung* (thu hẹp doanh nghiệp), ví dụ: ghi chú trong *Ausbildungszeugnis* (giấy chứng nhận đào tạo): „Ende wegen Stilllegung" („Kết thúc do đóng cửa doanh nghiệp"). *Ausbildungsverhältnis* (Hợp đồng quan hệ đào tạo) không chấm dứt ngay lập tức khi doanh nghiệp *Insolvenz* (phá sản), mà chỉ có thể chấm dứt với thời hạn báo trước tối thiểu 3 tháng, tính đến cuối tháng.

Để tiếp tục việc học nghề bạn có thể nhận sự hỗ trợ từ Arbeitsagentur (Cơ quan Việc làm), Gewerkschaft (Công đoàn) hoặc các Berufskammern (Phòng chuyên môn) (IHK, Handwerks-, Rechtsanwalts-, Ärzte- oder Steuerberaterkammer) (IHK, Phòng Thủ công nghiệp, Phòng Luật sư, Phòng Bác sĩ, Phòng Tư vấn thuế ...). Họ sẽ giúp bạn tìm doanh nghiệp mới để tiếp tục đào tạo. Nếu bạn sắp hoàn thành chương trình đào tạo, bạn có thể hỏi xem có thể **Abschlussprüfung** (thi tốt nghiệp) sớm không.

Điều quan trọng cần lưu ý trong trường hợp khó khăn kinh tế: hãy tiếp tục đến Ausbildungsplatz (chỗ học nghề) và Berufsschule (trường nghề) như bình thường. Tuyệt đối không ký bất kỳ thỏa thuận nào để từ bỏ Ausbildungsvergütung (tiền lương đào tạo) nhằm giữ Ausbildungsplatz (chỗ học nghề). Nếu ký trong trường hợp Insolvenz (phá sản), bạn sẽ mất quyền đòi lương với Insolvenzverwalter*in (người quản lý phá sản) và không được nhận Insolvenzgeld (tiền hỗ trợ phá sản thay lương) trong 3 tháng từ Agentur für Arbeit (Cơ quan Việc làm).







03

Am Ende der Ausbildung (Kết thúc chương trình đào tạo)

Bạn đang trong giai đoạn cuối của chương trình học nghề? Chúng tôi chúc bạn thành công tốt đẹp trong kỳ thi tốt nghiệp. Với tấm bằng nghề trong tay, bạn sẽ được mở ra rất nhiều con đường mới phía trước.

Ausbildungszeugnis (Giấy chứng nhận hoàn thành đào tạo nghề)

Sau khi kết thúc chương trình đào tạo, doanh nghiệp hoặc Bildungsträger (đơn vị đào tạo) của bạn phải cấp cho bạn một Ausbildungszeugnis (Giấy chứng nhận đào tạo nghề) bằng văn bản. Giấy chứng nhận này cũng có thể được cấp dưới dạng điện tử, nhưng bạn phải đồng ý trước (Điều 16 Đoạn 1 BBiG).

- „Einfaches Zeugnis“ („Giấy chứng nhận đơn giản“) chỉ ghi thông tin về Berufsausbildung (nghề đào tạo), thời gian đào tạo, mục tiêu đào tạo và những kỹ năng, kiến thức bạn đã đạt được.
- „Qualifiziertes Zeugnis“ („Giấy chứng nhận có đánh giá“) ngoài các thông tin trên, giấy này còn có đánh giá chi tiết về thái độ làm việc, thành tích học tập và các kỹ năng chuyên môn nổi bật của bạn.

Arbeitgeber*ⁱ (Người sử dụng lao động) có nghĩa vụ cấp cho bạn „Einfaches Zeugnis“ („Giấy chứng nhận đơn giản“). Bạn phải chủ động yêu cầu để được cấp „Qualifiziertes Ausbildungszeugnis“ („Giấy chứng nhận có đánh giá“) – và bạn nên yêu cầu. Vì giấy này chi tiết và có giá trị hơn, thường được dùng khi nộp Bewerbungen (đơn xin việc). Ngay cả khi bạn được Ausbildungsbetrieb (doanh nghiệp đào tạo) tiếp nhận làm việc chính thức, bạn cũng nên yêu cầu Ausbildungszeugnis (giấy chứng nhận) có đánh giá. Giấy này rất quan trọng cho các đơn xin việc sau này.

Trong một số trường hợp, bạn nên yêu cầu Zwischenzeugnis (giấy chứng nhận giữa khóa) có đánh giá ngay trước khi kết thúc đào tạo, ví dụ: Khi rõ ràng là bạn sẽ không được tiếp nhận sau khi học xong và bạn cần nộp đơn xin việc mới trước khi thi tốt nghiệp và khi có thay đổi trong doanh nghiệp, ví dụ: thay đổi **Ausbilder*in (người hướng dẫn đào tạo)**. Bên cạnh giấy chứng nhận của doanh nghiệp và giấy chứng nhận của Berufsschule (trường nghề), bạn còn nhận được Giấy xác nhận của Kammer (Phòng chuyên môn) – đây là giấy tờ chính thức xác nhận bạn đã hoàn thành chương trình đào tạo.

Tại một số Bundesländer (bang liên bang), Berufsschulnote (điểm số của bạn tại trường nghề) phải được ghi rõ trên giấy chứng nhận hoàn thành đào tạo bởi Phòng chuyên môn có thẩm quyền (Điều 37 Đoạn 3 BBiG).



Cấu trúc điển hình của Qualifiziertes Zeugnis (Giấy chứng nhận có đánh giá):

1. Tên và địa chỉ của doanh nghiệp cấp giấy
 2. Tiêu đề
 3. Thông tin cá nhân của người học nghề
 4. Thông tin về Ausbildungsbetrieb (doanh nghiệp đào tạo)
 5. Mô tả các công việc và nhiệm vụ đã thực hiện
 6. Đánh giá kết quả học tập và thành tích chuyên môn
 7. Đánh giá thái độ và hành vi
 8. Câu kết thúc
 9. Nơi cấp và ngày cấp giấy
 10. Chữ ký
-

Giấy chứng nhận nên được viết theo kiểu tích cực để hỗ trợ bạn trong sự nghiệp sau này. Do đó, ngôn ngữ trong giấy chứng nhận thường rất tích cực và khen ngợi. Tuy nhiên, không phải câu nào nghe hay cũng có nghĩa là đánh giá tốt. Trong giấy chứng nhận lao động Đức có một kiểu ngôn ngữ đặc biệt gọi là **Zeugnissprache** (ngôn ngữ giấy chứng nhận), mà đằng sau những câu khen ngợi lại ẩn chứa ý nghĩa khác với suy nghĩ thông thường. Dưới đây là một số ví dụ điển hình:



- **„Cô ấy luôn hoàn thành xuất sắc mọi công việc được giao.“**
→ Tương đương điểm „sehr gut“ (rất tốt)
- **„Ông XY luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.“**
→ Tương đương điểm „gut“ (tốt)
- **„Bà A đã hoàn thành các công việc được giao một cách đầy đủ và đáp ứng được kỳ vọng của chúng tôi“**
→ Tương đương điểm „befriedigend bis ausreichend“ (đạt yêu cầu" đến "chấp nhận được)
- **„Anh ấy đã hoàn thành các công việc được giao một cách tạm chấp nhận được“**
→ Tương đương điểm „mangelhaft“ (yếu)
- **„Ông B. luôn cố gắng đáp ứng các yêu cầu của chúng tôi“**
→ Tương đương điểm „ungenügend“ (kém)



Ví dụ về những đánh giá tiêu cực ngầm (ẩn):

- **„Anh ấy đã hoàn thành tất cả các công việc đúng theo quy định“**
→ Nghĩa ẩn: Anh ấy chỉ làm việc theo đúng quy trình, nhưng thiếu sáng kiến và chủ động
- **„Cô ấy đã làm việc với sự quan tâm“**
→ Nghĩa ẩn: Cô ấy không có lỗi gì lớn, nhưng cũng không có bất kỳ điểm nổi bật hay ưu điểm nào
- **„Anh ấy đã góp phần tạo nên không khí làm việc tốt trong công ty“**
→ Nghĩa ẩn: Anh ấy lười biếng, thích nói chuyện với đồng nghiệp hơn là làm việc

Việc bỏ qua những khía cạnh quan trọng cũng có thể là một hình thức đánh giá tiêu cực. Ví dụ: Nếu trong giấy chứng nhận không có đánh giá về thái độ làm việc của bạn đối với cấp trên, Kolleg*innen (đồng nghiệp) và (nếu có) khách hàng, thì điều đó thường ngầm hiểu là: Thái độ của bạn không tốt. Tuy nhiên, đôi khi việc thiếu sót này không phải do ý đồ xấu, mà chỉ là sơ suất. Trong trường hợp đó, bạn nên yêu cầu sửa chữa hoặc bổ sung phần bị thiếu. Bạn có quyền yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận mới nếu giấy chứng nhận chứa thông tin sai lệch hoặc đánh giá không chính xác. Hãy cho một người có kinh nghiệm về „Zeugnissprache“ (“ngôn ngữ giấy chứng nhận”) đọc giúp trước khi chấp nhận. Bạn có thể liên hệ với Gewerkschaft (công đoàn) của mình để được hỗ trợ và kiểm tra giấy chứng nhận.

Übernahme (Tiếp nhận làm việc chính thức sau khi học nghề)

Übernahme (Tiếp nhận) có nghĩa là sau khi kết thúc Ausbildungsverhältnis (chương trình đào tạo nghề), doanh nghiệp tiếp tục tiếp nhận bạn làm việc chính thức – lúc này với mức lương của một công nhân lành nghề (Facharbeiter*in-Gehalt). Thật tiếc là không có quyền lợi tự động được tiếp nhận làm việc sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Một số Tarifverträge (thỏa ước tập thể) có quy định về việc tiếp nhận, ví dụ: tiếp nhận trong 6 tháng hoặc 12 tháng, và đôi khi là hợp đồng không thời hạn. Bạn nên hỏi về khả năng được Übernahme (tiếp nhận) chậm nhất là 3 tháng trước khi kết thúc chương trình đào tạo. Tốt nhất bạn nên liên hệ với Jugend- und Auszubildendenvertretung (JAV) (Đại diện Thanh niên và Người học nghề (JAV)) (hoặc Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Hội đồng nhân sự). Nếu doanh nghiệp của bạn quá nhỏ, không có Đại diện Thanh niên và Người học nghề (JAV) hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, bạn có thể hỏi trực tiếp Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động).

Nếu sau khi kết thúc đào tạo, doanh nghiệp tiếp tục sử dụng bạn mà không có thỏa thuận nào khác, thì mặc định bạn sẽ được coi là ký hợp đồng lao động không thời hạn (Điều 24 BBiG). Điều kiện là Auszubildende (doanh nghiệp) biết bạn đã đỗ Abschlussprüfung (kỳ thi tốt nghiệp) và vẫn tiếp tục sử dụng bạn (theo phán quyết của Tòa Lao động Liên bang năm 2018) (BAG-Urteil vom 20. März 2018, 9 AZR 479/17). Lưu ý: Thành viên của JAV (Đại diện Thanh niên và Người học nghề) có quyền được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

Bewerbung (Nộp đơn xin việc)

Khi kết thúc chương trình đào tạo, bạn có thể phải gửi **Bewerbungen** (đơn xin việc). Nếu bạn không được tiếp nhận làm việc tại doanh nghiệp hiện tại hoặc muốn chuyển sang công ty khác, bạn có thể liên hệ với Gewerkschaft (công đoàn) để được hỗ trợ và tư vấn về cách viết thư xin việc cũng như chuẩn bị cho phỏng vấn xin việc.

Những câu hỏi bị cấm trong buổi phỏng vấn xin việc – Nếu nhà tuyển dụng hỏi những câu sau, bạn không bắt buộc phải trả lời trung thực:

- **Bạn có xu hướng tình dục nào?**
- **Bạn theo tôn giáo nào?**
- **Bạn có hay bị ốm không?**
- **Bạn đang mang thai phải không?**
- **Bạn có kế hoạch lập gia đình trong thời gian tới không?**
- **Bạn có phải là thành viên của một đảng chính trị nào không?**
- **Bạn có phải là thành viên của Gewerkschaft (công đoàn) không?**

Bạn cũng nên cho Gewerkschaft (công đoàn) xem trước hợp đồng lao động mới trước khi ký. Điều này giúp phát hiện những điều khoản bất lợi có thể được "giấu" trong phần chữ nhỏ.

Zweiter Bildungsweg zum Studium (Con đường học tập thứ hai để vào đại học)

Có hai con đường để đủ điều kiện theo Studium (học đại học) – qua trình độ học vấn phổ thông và qua trình độ đào tạo nghề nghiệp.

- **Trình độ học vấn phổ thông:** Bạn có bằng **Allgemeine Hochschulreife Abitur** (tốt nghiệp THPT) hoặc bằng **Fachhochschulreife** dự bị (đại học ứng dụng).
- **Trình độ đào tạo nghề nghiệp:** Ví dụ như đã thi đỗ **Meisterprüfung** (kỳ thi Thợ cả) hoặc hoàn thành các khóa **berufliche Aufstiegsfortbildung** (đào tạo nâng cao nghề nghiệp) được nhà nước công nhận.

Ngoài ra, việc hoàn thành thành công một **Berufsausbildung** (chương trình đào tạo nghề) 3 năm được công nhận, kết hợp với ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề, cũng có thể đủ điều kiện để vào đại học. Điều kiện cụ thể rất khác nhau giữa các Bundesland (bang). Vì vậy, bạn nên liên hệ với **Gewerkschaft** (công đoàn) tại địa phương để được tư vấn chi tiết và chính xác nhất về quy định áp dụng cho Bundesland (bang) bạn đang sống.



Bạn có thể lấy bằng allgemeine Hochschulreife (Abitur) (tốt nghiệp THPT (Abitur)) qua con Zweiter Bildungsweg (đường học tập thứ hai) tại Abendschule (trường buổi tối) hoặc Kolleg. Điều kiện là bạn phải có chứng chỉ hoàn thành Berufsausbildung (đào tạo nghề) hoặc đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc. Mỗi Bundesländer (bang) có quy định và chương trình riêng.

Tốt nhất bạn nên tìm hiểu thông tin tại Gewerkschaft (công đoàn) của mình hoặc Bildungsministerium (Bộ Giáo dục và Văn hóa) của Bundesland (bang).

Để vào Fachhochschule (Học viện Khoa học Ứng dụng) thông thường bạn cần có bằng Fachabitur (bằng dự bị đại học ứng dụng) tương đương. Hầu hết Fachoberschule (các trường Học viện Khoa học Ứng dụng) đều có chương trình học 1 năm và 2 năm.

- Chương trình 1 năm thường yêu cầu có bằng Realschulabschluss (trung học thực hành) (thường sau lớp 10 ở Đức) và chứng chỉ Berufsausbildung (đào tạo nghề) trong lĩnh vực phù hợp.
- Chương trình 2 năm: Ngoài kiến thức lý thuyết để thi bằng Fachabitur (dự bị đại học ứng dụng), bạn còn được đào tạo thực hành trong lĩnh vực chuyên môn. Thông thường bạn phải ký Praktikumsvertrag (hợp đồng thực tập) 1 năm.

Sau khi thi đỗ bằng Fachabitur (dự bị đại học ứng dụng), bạn có thể nộp đơn vào bất kỳ Fachhochschule (Học viện Khoa học Ứng dụng) nào trên toàn nước Đức. Bạn có thể tìm hiểu thông tin về các ngành học và trường tại từng Fachhochschule (Học viện Khoa học Ứng dụng) cụ thể.



Bạn có thể tìm tổng hợp thông tin và các đường link hữu ích về Học viện Khoa học Ứng dụng và Đại học trên trang bildungsserver.de.



Thông tin thêm về việc học đại học: jugend.dgb.de/studium

Berufliche Weiterbildung (Đào tạo nâng cao nghề nghiệp)

Các khóa đào tạo nghề nghiệp giúp bạn đạt được trình độ cao hơn được gọi là Aufstiegsfortbildungen (Đào tạo thăng tiến) – Ví dụ như: thi chứng chỉ Handwerksmeister/in (Thợ cả), Staatlich geprüfte*r Techniker*in (Kỹ thuật viên được nhà nước công nhận), Staatlich geprüfter Fachwirt/in (Chuyên viên kinh doanh được nhà nước công nhận), Staatlich geprüfter Betriebswirt/in (Chuyên viên quản trị kinh doanh), Personalfachkaufmann/-frau (Chuyên viên nhân sự), Bilanzbuchhalter*in (Kế toán) ... và nhiều nghề khác. Ở một số ngành, đặc biệt là ngành thủ công (Handwerk), chứng chỉ này là bắt buộc nếu bạn muốn tự mở doanh nghiệp riêng. Tùy thuộc vào việc học toàn thời gian hay học song song với công việc, các khóa Aufstiegsfortbildung (đào tạo nâng cao) có thể kéo dài đến 3 năm. Nỗ lực này thường rất đáng giá. Theo thống kê, trung bình 6 trên 10 người hoàn thành berufliche Weiterbildung (đào tạo nâng cao nghề nghiệp) đã cải thiện ngay lập tức về vị trí công việc và thu nhập. Sau vài năm, con số này lên đến 70%, với vị trí công việc tốt hơn, phạm vi trách nhiệm lớn hơn và mức lương cao hơn.



Arbeitslosengeld und neue Grundsicherung (Trợ cấp thất nghiệp và Hỗ trợ cơ bản mới)

Nếu bạn không được doanh nghiệp tiếp nhận làm việc sau khi học nghề, bạn phải đăng ký tìm việc và đăng ký thất nghiệp tại Agentur für Arbeit địa phương ít nhất 3 tháng trước khi kết thúc chương trình đào tạo. Việc này giúp bạn tránh bị thiệt thòi khi nhận Arbeitslosengeld (trợ cấp thất nghiệp). Với tư cách là người học nghề đã tham gia bảo hiểm xã hội, bạn có quyền hưởng Arbeitslosengeld (Trợ cấp thất nghiệp (ALG)). Điều kiện nhận Trợ cấp thất nghiệp (ALG) là bạn phải đã làm việc hoặc tham gia đào tạo nghề có đóng bảo hiểm xã hội ít nhất 12 tháng trong vòng 2 năm trước khi thất nghiệp. Mức trợ cấp Trợ cấp thất nghiệp (ALG) là khoảng 60% mức lương ròng (Netto) cuối cùng của bạn (khoảng 67% nếu bạn có con). Nếu mức Trợ cấp thất nghiệp (ALG) này không đủ để sống, bạn có thể nộp đơn xin hỗ trợ bổ sung từ Grundsicherung (Hỗ trợ cơ bản) mới.

Thời gian nhận Trợ cấp thất nghiệp (ALG) phụ thuộc vào độ tuổi và thời gian đã đóng bảo hiểm trước đó. Khi Trợ cấp thất nghiệp (ALG) hết hạn mà bạn vẫn chưa có việc làm, bạn sẽ chuyển sang nhận Grundsicherung für erwerbsfähige Hilfsbedürftige (Hỗ trợ cơ bản cho người có khả năng lao động). Đối với thanh niên dưới 25 tuổi, quy định rất nghiêm ngặt. Bạn chỉ được hỗ trợ tiền nhà riêng khi có lý do đặc biệt khó khăn (Härtefall). Nếu từ chối một công việc được coi là „zumutbar“ ("phù hợp"), bạn có thể bị cắt giảm Bürgergeld (tiền trợ cấp). Chúng tôi – Gewerkschaftsjugend (Thanh niên Công đoàn) – đặc biệt phản đối việc buộc thanh niên phải chấp nhận cả những công việc trả lương thấp hơn thỏa ước tập thể hoặc không phù hợp với trình độ chuyên môn của mình.

Mitbestimmung in Betrieb und Berufsschule (Quyền đồng quyết trong doanh nghiệp và trường nghề)

Nếu bạn gặp vấn đề hay khó khăn trong quá trình học nghề, bạn không bị bỏ rơi một mình. Trong nhiều doanh nghiệp có Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở) và thường có Jugend- und Auszubildendenvertretung (Đại diện Thanh niên và Người học nghề). Ngoài ra, còn có các Vertrauensleute (đại diện công đoàn) luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn. Tại Berufsschule (trường nghề), bạn có thể liên hệ với Schüler*innenvertretung (Ban Đại diện Học sinh) của bạn. Tại các Bildungsträger (trung tâm đào tạo) có Interessenvertretung (đại diện bảo vệ quyền lợi) của người học. Người khuyết tật cũng có thể liên hệ với Schwerbehindertenvertretung (Đại diện Người khuyết tật nặng).

Die Jugend- und Auszubildendenvertretung (JAV) (Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV))

Một trong những nhiệm vụ chính của Jugend- und Auszubildendenvertretung (JAV) (Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV)) là kiểm tra xem Ausbildungsinhalte (nội dung chương trình đào tạo) có được thực hiện đúng quy định hay không. Cùng với Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở), Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) đại diện và bảo vệ quyền lợi của bạn – đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực sau:

- **Chất lượng Berufsausbildung (đào tạo nghề),**
- **Bảo vệ và duy trì các Ausbildungsplätze (chỗ đào tạo),**
- **Việc Übernahme (tiếp nhận) làm chính thức sau khi hoàn thành đào tạo.**

Bạn có thể liên hệ với Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) của mình khi có bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến những vấn đề trên.

Quyền thành lập và bầu Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) được quy định trong Betriebsverfassungsgesetz (BetrVG) (Luật Tổ chức Doanh nghiệp – (BetrVG)). Tại Điều 60 Đoạn 1 viết:

§ „Trong các doanh nghiệp thường xuyên có ít nhất 5 người lao động chưa đủ 18 tuổi (thanh thiếu niên) hoặc đang tham gia đào tạo nghề, phải bầu Jugend- und Auszubildendenvertretungen (Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề).“

Voraussetzung (Điều kiện) thành lập Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) là doanh nghiệp phải có Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở). Hầu hết các quyền của Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) đều phụ thuộc vào Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở (Betriebsrat) và quyền hạn của họ. Nếu bạn làm việc trong một doanh nghiệp không có Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở) lẫn Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV), bạn nên trao đổi với các đồng nghiệp về việc thành lập Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở) Gewerkschaft (Công đoàn) địa phương sẽ sẵn sàng tư vấn và hỗ trợ các bạn trong quá trình này.

Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) được bầu bởi những người học nghề có hợp đồng lao động với **Ausbildenden** (doanh nghiệp đào tạo). Quy định tại khu vực công ví dụ cơ quan nhà nước, hành chính ... có thể khác một chút so với khu vực tư nhân. Thành viên trong Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) có quyền được **Übernahme** (tiếp nhận làm việc) chính thức không thời hạn sau khi hoàn thành đào tạo và được hưởng bảo vệ đặc biệt Kündigung (khởi sa thải) (Điều 78a BetrVG và 15 KSchG). Chu kỳ bầu Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) diễn ra 2 năm một lần, từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 11. Kỳ bầu cử Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) tiếp theo sẽ bắt đầu từ 1 tháng 10 năm 2026.



Mitbestimmung (Quyền đồng quyết) của Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) tại trường nghề và trong doanh nghiệp còn tùy thuộc vào quy định của từng Bundesland (bang). Ví dụ, tại Hamburg, Luật Trường học (Điều 78a) quy định rõ việc hợp tác như sau:

Thông qua các thỏa thuận, sự hợp tác giữa doanh nghiệp và trường nghề phải được thúc đẩy nhằm nâng cao chất lượng Berufsausbildung (đào tạo nghề). Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV) có quyền tham gia ý kiến theo luật trong các lĩnh vực sau:

- Phát triển Ausbildungsinhalte (nội dung đào tạo) và nâng cao Ausbildungsqualität (chất lượng đào tạo),
- Làm cho kiến thức từ doanh nghiệp và trường nghề trở nên hữu ích cho nhau,
- Phối hợp Ausbildungsinhalte (nội dung đào tạo) giữa doanh nghiệp và trường nghề, tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục,
- Tư vấn cho Ban Giám hiệu nhà trường, ví dụ về định hướng, tổ chức đào tạo và các dự án đầu tư lớn,
- Thỏa thuận các hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp và trường nghề,
- Phát triển các chứng chỉ bổ sung và chương trình hỗ trợ cho một số nhóm học sinh,
- Thiết kế hình thức tổ chức Berufsschulunterricht (giảng dạy) tại trường nghề.

Der Betriebs- oder Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Hội đồng nhân sự)

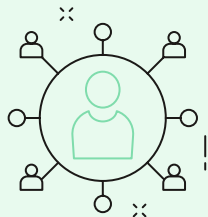
Betriebs- bzw. Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Đại diện Nhân viên) là tổ chức đại diện cho quyền lợi của Beschäftigte (người lao động) trong doanh nghiệp hoặc trong các cơ quan hành chính nhà nước. Họ được bầu lại mỗi 4 năm một lần và có nhiệm vụ giám sát việc thực thi các luật, quy định, Tarifverträge (thỏa ước tập thể) và các quy định bảo vệ khác nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động và người học nghề. Họ đại diện cho lợi ích của người lao động trước Arbeitgeber*in (người sử dụng lao động). Ngoài ra Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở) có quyền ký kết Betriebsvereinbarungen (thỏa thuận doanh nghiệp) với người sử dụng lao động, trong đó quy định rõ ràng và bắt buộc các vấn đề quan trọng cho toàn bộ người lao động trong doanh nghiệp. Để bầu được Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở) doanh nghiệp phải có ít nhất 5 người lao động có quyền bầu cử.

Quyền hạn của Betriebs- und Personalrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Hội đồng nhân sự) bao gồm việc Mitbestimmung (tham gia quyết định) về ví dụ: Mehrarbeit (làm thêm giờ), Kurzarbeit (làm việc ngắn giờ), đồng phục lao động, bảo vệ dữ liệu và làm việc số hoặc thiết kế căng-tin và các cơ sở xã hội khác trong doanh nghiệp. Họ cũng có quyền tham gia quyết định trong việc tuyển dụng người học nghề.

Hơn nữa, họ có quyền tham gia vào các biện pháp đào tạo và nâng cao trình độ trong doanh nghiệp – bao gồm cả việc tổ chức đào tạo nghề tại doanh nghiệp và việc chỉ định Ausbilder*in (người hướng dẫn đào tạo). Tóm lại, Betriebs- und Personalräte (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Đại diện Nhân viên) có thể đạt được rất nhiều điều. Vì vậy, nếu bạn gặp vấn đề hoặc thấy có bất cập trong quá trình đào tạo, hãy thông báo cho họ và cùng hợp tác để cải thiện.

Die Schüler*innen-vertretung (SV) (Ban Đại diện Học sinh (SV))

(Schüler*innenvertretung (SV) (Ban Đại diện Học sinh) (SV)) đại diện cho quyền lợi của Berufsschüler*innen (học sinh trường nghề) trước giáo viên, Ban Giám hiệu nhà trường và trong Schulkonferenz (Hội đồng Nhà trường). Trong Schulkonferenz (Hội đồng Nhà trường), tất cả các quyết định liên quan đến cuộc sống học đường đều được đưa ra. Ví dụ, Ban Đại diện Học sinh (SV) có thể nêu vấn đề về việc nghỉ học đột xuất hoặc đưa ra đề xuất để cải thiện chất lượng giảng dạy. Mặc dù quyền tham gia ý kiến tại trường học thường chưa thực sự lớn, nhưng Ban Đại diện Học sinh (SV) vẫn thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng:



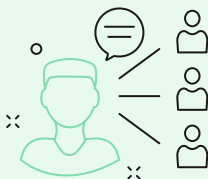
- Đưa ra và tích cực bảo vệ ý tưởng, đề xuất của học sinh về việc cải thiện môi trường trường học (ví dụ: sân trường) hoặc cuộc sống học đường hàng ngày,
- Thúc đẩy, hỗ trợ và tổ chức các sự kiện, dự án, nhóm hoạt động ...,
- Hỗ trợ học sinh giải quyết các xung đột trong trường (vấn đề với giáo viên, biện pháp kỷ luật, đình chỉ học ...).
- Tại một số Bundesländer (bang), Ban Đại diện Học sinh (SV) còn có quyền tham gia quyết định về việc mua sắm sách giáo khoa và định hướng nội dung của nhà trường (ví dụ: chương trình trường học).

Để lớp trưởng / lớp phó có thể đại diện tốt cho quyền lợi của bạn, việc thảo luận định kỳ trong lớp là rất hữu ích. Tại các buổi họp lớp, các bạn có thể cùng nhau thảo luận về những vấn đề phát sinh tại Berufsschule (trường nghề) và thu thập lập luận chung để tìm giải pháp. Vì chất lượng đào tạo nghề cũng phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của Berufsschule (trường nghề) Ban Thanh niên của Liên đoàn Công đoàn Đức (DGB-Jugend) đã biên soạn một tài liệu hỗ trợ dành riêng cho Schüler*innenvertretungen (Ban Đại diện Học sinh). Bạn có thể tìm tài liệu này tại:

→ jugend.dgb.de/schule

Die Interessenvertretung (IV) bei Bildungsträgern (Đại diện Bảo vệ Quyền lợi (IV) tại các Trung tâm Đào tạo)

Nếu bạn không học nghề tại doanh nghiệp mà học tại một Bildungsträger (trung tâm đào tạo), thì bạn không thể thành lập Đại diện Thanh thiếu niên và Người học nghề (JAV). Tuy nhiên, bạn có thể thành lập một tổ chức gọi là außerbetriebliche Interessenvertretung – IV – (Đại diện Bảo vệ Quyền lợi ngoài doanh nghiệp (IV)). Các quy định cụ thể về hoạt động của Đại diện Bảo vệ Quyền lợi (IV) thường không được quy định chi tiết và phần lớn phụ thuộc vào thiện chí của Bildungsträger (trung tâm đào tạo). Nhưng điều đó không có nghĩa là bạn phải im lặng chịu đựng. Nếu bạn muốn thành lập Đại diện Bảo vệ Quyền lợi (IV) tại Bildungsträger (trung tâm đào tạo) của mình, hãy liên hệ với Gewerkschaft (công đoàn). Cùng với các bạn học nghề khác, bạn hoàn toàn có thể thúc đẩy việc thành lập Đại diện Bảo vệ Quyền lợi (IV). Tổ chức này sau đó có thể đấu tranh cho chất lượng đào tạo tốt hơn. Đây là việc rất đáng làm!



Die Schwerbehinderten-vertretung (Đại diện Người khuyết tật nặng)

Schwerbehindertenvertretung (Đại diện Người khuyết tật nặng) là tổ chức đại diện cho quyền lợi đặc biệt của người lao động khuyết tật nặng và người học nghề khuyết tật. Họ hỗ trợ, tư vấn và đứng về phía những người này để bảo vệ quyền lợi của họ.

Die Vertrauensleute der Gewerkschaft (Đại diện tin cậy của Công đoàn)

Vertrauensleute (Đại diện tin cậy của Công đoàn) là những Arbeitnehmer*innen (người lao động) được các thành viên Gewerkschaft (công đoàn) trong doanh nghiệp bầu ra. Nhờ đó, họ trở thành đại diện của Gewerkschaften (công đoàn) tại doanh nghiệp hoặc tại các cơ quan nhà nước. Họ là cầu nối giữa công đoàn và người lao động. Nhiệm vụ chính của họ bao gồm viết giữ liên lạc thường xuyên với đồng nghiệp, hỗ trợ, đứng về phía Kolleg*innen (đồng nghiệp), thúc đẩy trao đổi, thảo luận và hình thành ý kiến chung và mang những vấn đề thực tế của Beschäftigten (người lao động) đến với Gewerkschaft (công đoàn), để Gewerkschaft (công đoàn) có thể đấu tranh và bảo vệ quyền lợi cụ thể cho mọi người.

Chúng tôi là Ban Thanh niên của Liên đoàn Công đoàn Đức (DGB-Jugend). Mạng lưới của bạn trong thời gian học nghề

Là Gewerkschaftsjugend (tổ chức thanh niên của công đoàn), chúng tôi đấu tranh cho một chương trình đào tạo nghề tốt, các điều kiện lao động công bằng và một xã hội công bằng hơn. Chúng tôi thông tin cho bạn về tất cả những vấn đề liên quan đến chương trình đào tạo nghề của bạn. Chúng tôi tư vấn cho bạn về các vấn đề lao động và xã hội. Chúng tôi hỗ trợ và đồng hành cùng bạn để bảo vệ quyền lợi của mình. Và chúng tôi nỗ lực để làm cho công tác Berufsausbildung (đào tạo nghề) trở nên hiện đại và tốt hơn. Tất cả những điều này chúng tôi rất mong muốn thực hiện cùng với bạn. Bạn có thể hoạt động tích cực cùng chúng tôi. Bởi vì càng có nhiều Gewerkschafter*innen (người tham gia công đoàn), chúng tôi càng có thể đạt được nhiều thành tựu hơn.

Bạn có muốn tham gia cùng chúng tôi không? Chúng tôi rất mong được chào đón bạn! Hãy liên hệ hoặc nhắn tin cho chúng tôi bất cứ lúc nào:

- jugend.dgb.de/ausbildung
- instagram.com/dgbjugend
- facebook.com/jugend.im.dgb
- tiktok.com/@dgbjugend

Có thắc mắc? Gặp vấn đề? Stress trong quá trình học nghề hoặc ở Berufsschule (trường nghề)?

Dr. Azubi luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu – không rườm rà, ẩn danh và hoàn toàn miễn phí. Trong diễn đàn tư vấn chuyên dành cho người học nghề, bạn có thể đặt câu hỏi cho Chuyên gia tư vấn dành cho người học nghề (Dr. Azubi) và sẽ nhận được câu trả lời trong vòng 48 giờ (trừ cuối tuần). Đồng thời, bạn cũng có thể đọc câu hỏi của các bạn học nghề khác và xem câu trả lời tương ứng:

- dr-azubi.de

Nguyên tắc: Gewerkschaft (Công đoàn)

Bạn đã tò mò muốn tìm hiểu thêm? Vậy có lẽ cuốn brochure „Prinzip: Gewerkschaft“ („Nguyên tắc: Công đoàn“) sẽ phù hợp với bạn Trong đó có tất cả những thông tin quan trọng về giá trị của chúng tôi, lịch sử, các chủ đề tương lai, Tarifverträge (thỏa ước tập thể) và Streiks (đình công). Bạn có thể xem tại:



↓ jugend.dgb.de/-/HJI



Dafür machen wir uns stark (Những vấn đề chúng tôi đang đấu tranh)

1/ **Đào tạo nghề cho mọi người!** Chúng tôi đã đấu tranh thành công để có Ausbildungsgarantie (Bảo đảm Đào tạo nghề). (Tuy nhiên, các quy định hiện tại vẫn chưa đủ. Chúng tôi cần nhiều vị trí betriebliche Ausbildungsplätze (đào tạo nghề hơn tại doanh nghiệp)! Vì vậy, Ausbildungsgarantie (Bảo đảm Đào tạo nghề) phải được bổ sung bằng Ausbildungsumlage (Quỹ đóng góp đào tạo nghề), trong đó tất cả các doanh nghiệp đều phải đóng góp, và những doanh nghiệp thực sự đào tạo sẽ được hoàn trả chi phí đào tạo.

2/ **Không được nói lỏng Jugendarbeitsschutzgesetz (Luật Bảo vệ Thanh thiếu niên trong Lao động)!** Chúng tôi kiên quyết phản đối các kế hoạch của giới doanh nghiệp và một số chính trị gia nhằm làm suy yếu Jugendarbeitsschutzgesetz (Luật Bảo vệ Thanh thiếu niên trong Lao động). Thay vào đó, chúng tôi đòi hỏi phải bảo vệ và mở rộng luật này.

3/ **Nâng cấp chương trình đào tạo nghề!** Chúng tôi đấu tranh cho một Berufsausbildung (chương trình đào tạo nghề) hiện đại. Đào tạo phải giúp thanh niên sẵn sàng cho thế giới làm việc số, áp dụng phương pháp giảng dạy và học tập đương đại, đồng thời đảm bảo điều kiện đào tạo chất lượng cao.

- 4 / **Làm cho đào tạo nghề tốt hơn!** Chúng tôi cam kết đấu tranh để chương trình đào tạo không gây quá tải và không làm tổn hại đến sức khỏe. Điều này áp dụng cho cả doanh nghiệp và Berufsschule (trường nghề).
- 5 / **Übernahme (Tiếp nhận làm việc) chính thức cho mọi người!** Chúng tôi đòi hỏi Übernahme (việc tiếp nhận) không thời hạn sau khi hoàn thành đào tạo. Trong trường hợp không tiếp nhận, Arbeitgeber*innen (người sử dụng lao động) phải thông báo cho người học nghề ít nhất 3 tháng trước khi kết thúc đào tạo. Chỉ như vậy mới đảm bảo được mức độ an toàn kế hoạch tối thiểu.
- 6 / **Vé tàu điện (Azubi-Ticket) cho mọi người!** Chúng tôi đòi hỏi ngay lập tức một Vé Deutschland-Ticket giá rẻ đáng kể cho tất cả người học nghề trên toàn nước Đức. Về dài hạn, chúng tôi hướng tới giao thông công cộng miễn phí.
- 7 / **Quyền bảo vệ và đào tạo tốt cũng cho sinh viên học kép!** Chúng tôi đòi hỏi Berufsbildungsgesetzes (Luật Đào tạo Nghề (BBiG)) cũng phải áp dụng cho giai đoạn thực hành tại doanh nghiệp của duales Studium (chương trình học kép), để sinh viên dual được bảo vệ pháp lý đầy đủ.
- 8 / **Xây dựng Berufsschulen (trường nghề) hiện đại!** Các Berufsschulen (trường nghề) phải theo kịp sự phát triển kỹ thuật của doanh nghiệp và cung cấp giảng dạy lý thuyết cập nhật. Để làm được điều này cần đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng (đặc biệt là kỹ thuật) của Berufsschulen (trường nghề) và các khóa Weiterbildungsmöglichkeiten (đào tạo nâng cao) được trả lương tốt cho đội ngũ giáo viên.

9 / **Tiêu chuẩn chất lượng rõ ràng cho thực tập!** Das Praktikum (Thực tập) phải được định nghĩa rõ ràng là quan hệ học tập, có thời hạn cụ thể. Thực tập không được loại trừ khỏi Mindestlohn (mức lương tối thiểu), và thực tập không lương phải bị xóa bỏ.

10 / **Solidarität (Tình đoàn kết) luôn là cần thiết!** Chúng tôi cam kết vì một sự chung sống đoàn kết trong doanh nghiệp và xã hội, đồng thời kiên quyết chống lại mọi hình thức Diskriminierung (phân biệt đối xử) và loại trừ. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và cực hữu không có chỗ đứng trong chúng tôi.



Deine DGB-Gewerkschaften (Các công đoàn thành viên DGB của bạn)

DGB là Liên đoàn Công đoàn Đức, tập hợp 8 công đoàn thành viên đại diện cho các ngành nghề và lĩnh vực khác nhau. Tổng cộng, các công đoàn này đại diện cho gần 6 triệu người lao động. Bạn sẽ trở thành thành viên của Gewerkschaft (công đoàn), phụ trách ngành nghề / lĩnh vực bạn đang làm việc.

junge



Industriegewerkschaft Bauen-Agrar-Umwelt (Công đoàn Công nghiệp Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường)

Công đoàn Công nghiệp Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường - IG BAU (Industriegewerkschaft Bauen-Agrar-Umwelt) (IG BAU) đại diện cho người lao động trong ngành xây dựng, công nghiệp vật liệu xây dựng, xử lý chất thải, nông - lâm nghiệp, làm vườn và vệ sinh công nghiệp. Ngoài ra còn bao gồm một phần ngành thủ công, ví dụ: thợ lợp mái, thợ sơn, thợ sơn mài. → igbau.de/Junge-BAU

Industriegewerkschaft Bergbau, Chemie, Energie (Công đoàn Công nghiệp Khai thác mỏ, Hóa chất, Năng lượng)

Công đoàn Công nghiệp Khai thác mỏ, Hóa chất, Năng lượng IGBCE (Industriegewerkschaft Bergbau, Chemie, Energie) (IGBCE) đại diện cho người lao động trong các ngành khai thác mỏ, hóa chất, năng lượng, giấy, cao su, gốm sứ, da và thủy tinh.

→ jugend.igbce.de





Eisenbahn- und Verkehrsgewerkschaft (Công đoàn Đường sắt và Giao thông Vận tải)

Công đoàn Đường sắt và Giao thông Vận tải (EVG) Eisenbahn- und Verkehrsgewerkschaft (EVG) tổ chức một số nhóm nghề trong lĩnh vực giao thông vận tải. Trong đó có Deutsche Bahn (Đường sắt Đức), cũng như các hệ thống cáp treo và phà. → evg-online.org/jugend

Gewerkschaft Erziehung und Wissenschaft (Công đoàn Giáo dục và Khoa học)

Gewerkschaft (Công đoàn) Giáo dục và Khoa học (GEW) (Gewerkschaft Erziehung und Wissenschaft) (GEW là công đoàn đại diện cho các nghề nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục, giáo dục xã hội và khoa học tại trường học, đại học và các cơ sở giáo dục khác. → gew.de



Industriegewerkschaft Metall (Công đoàn Công nghiệp Kim loại)

Công đoàn Công nghiệp Kim loại (IG Metall) (Industriegewerkschaft Metall) tổ chức người lao động trong ngành công nghiệp kim loại và điện, thép, nghề sửa chữa ô tô, công nghiệp dệt may cũng như lĩnh vực gỗ và nhựa.

→ igmetall-jugend.de



Gewerkschaft Nahrung-Genuss-Gaststätten (Công đoàn Thực phẩm - Đồ uống - Nhà hàng)

Công đoàn Thực phẩm - Đồ uống - Nhà hàng (NGG) (Gewerkschaft Nahrung-Genuss-Gaststätten) (NGG) đại diện cho quyền lợi của người lao động trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, công nghiệp thực phẩm, đồ uống và công nghiệp thuốc lá. → junge.ngg.net



Gewerkschaft der Polizei (Công đoàn Cảnh sát)

Công đoàn Cảnh sát (GdP) (Gewerkschaft der Polizei) (GdP) đại diện cho người lao động trong lực lượng cảnh sát, hải quan và hệ thống thi hành án. → gdpg.de

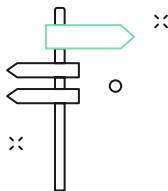
Vereinte Dienstleistungsgewerkschaft (Công đoàn Dịch vụ Tổng nhất)

Gewerkschaft (Công đoàn) Dịch vụ Tổng nhất (ver.di) Vereinte Dienstleistungsgewerkschaft (ver.di) là công đoàn lớn đại diện cho tất cả các ngành nghề dịch vụ: công chức nhà nước, ngân hàng, thương mại, y tế và chăm sóc, khoa học, công tác xã hội, truyền thông, viễn thông, bưu chính, logistics và giao thông vận tải (hàng hải, hàng không, giao thông công cộng).

→ verdi-jugend.de



Kontakte (Liên hệ)



DGB-Bezirke (Các Văn phòng Khu vực DGB)

DGB

DGB Bundesvorstand, Abteilung Jugend und Jugendpolitik
(Ban điều hành liên bang DGB, Phòng Thanh niên và Chính sách Thanh niên)

Nina Krüger, Bundesjugendsekretärin

(Nina Krüger, Thư ký Thanh niên Liên bang)

Keithstraße 1, 10787 Berlin

Điện thoại: 030.24060371, E-Mail: jugend@dgb.de

DGB Bezirk Baden-Württemberg

(DGB Khu vực Baden-Württemberg)

Sandy Schüler, Bezirksjugendsekretärin

(Sandy Schüler, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Willi-Bleicher-Straße 20, 70174 Stuttgart

Điện thoại: 0711.2028248, E-Mail: jugend-bw@dgb.de

DGB Bezirk Bayern, Abt. Jugend & Bildung

(DGB Khu vực Bayern, Bộ phận Thanh niên & Giáo dục)

Anna Gmeiner, Bezirksjugendsekretärin

(Anna Gmeiner, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Neumarkter Straße 22, 81673 München

Điện thoại: 089.51700225, E-Mail: info@dgb-jugend-bayern.de

DGB Bezirk Berlin-Brandenburg

(DGB Khu vực Berlin-Brandenburg)

Elena Peckhaus, Bezirksjugendsekretärin

(Elena Peckhaus, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Keithstraße 1, 10787 Berlin

Điện thoại: 030.21240313, E-Mail: bbr.jugend@dgb.de

DGB Bezirk Hessen-Thüringen (DGB Khu vực Hessen-Thüringen)

Charlotte Rosa Dick, Bezirksjugendsekretärin

(Charlotte Rosa Dick, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Wilhelm-Leuschner-Straße 69 – 77, 60329 Frankfurt am Main

Điện thoại: 069.27300557, E-Mail: jugend-hessen@dgb.de

DGB Bezirk Niedersachsen-Bremen-Sachsen-Anhalt

(DGB Khu vực Niedersachsen-Bremen-Sachsen-Anhalt)

Kimberly Haarstik, Bezirksjugendsekretärin

(Kimberly Haarstik, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Otto-Brenner-Straße 1, 30159 Hannover

Điện thoại: 0511.1260161, E-Mail: dgb-jugend.info@dgb.de

DGB Bezirk Nord (DGB Khu vực Nord)

Wiebke Oetken, Bezirksjugendsekretärin

(Wiebke Oetken, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Besenbinderhof 60, 20097 Hamburg

Điện thoại: 040.607766137 und 36, E-Mail: jugend.nord@dgb.de

DGB Bezirk NRW (DGB Khu vực NRW)

Andreas Jansen, Bezirksjugendsekretär

(Andreas Jansen, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Friedrich-Ebert-Straße 34 – 38, 40210 Düsseldorf

Điện thoại: 0211.3683156, E-Mail: info@dgb-jugend-nrw.de

DGB Bezirk Rheinland-Pfalz/Saarland

(DGB Khu vực Rheinland-Pfalz/Saarland)

Caja Stübenrath, Bezirksjugendsekretärin

(Caja Stübenrath, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Kaiserstraße 26 – 30, 55116 Mainz

Điện thoại: 06131.281637, E-Mail: caja.stuebenrath@dgb.de

DGB Bezirk Sachsen (DGB Khu vực Sachsen)

Vincent Seeberger, Bezirksjugendsekretär

(Vincent Seeberger, Thư ký Thanh niên Khu vực)

Schützenplatz 14, 01067 Dresden

Điện thoại: 0351.8633103

E-Mail: vincent.seeberger@dgb.de và sachsen-jugend@dgb.de

Mitgliedsgewerkschaften (Các công đoàn thành viên)

IG BAU Bundesvorstand (Ban Chấp hành Liên bang IG BAU)

Claudia Praetorius, Bundesjugendsekretärin (Claudia Praetorius,

Thư ký Thanh niên Liên bang)

Olof-Palme-Straße 19, 60439 Frankfurt am Main

E-Mail: jungebau@igbau.de

IGBCE Hauptverwaltung (Ban Chấp hành Trung ương IGBCE)

Alexander Nolte, Bundesjugendsekretär
(Alexander Nolte, Thư ký Thanh niên Liên bang)
Königsworther Platz 6, 30167 Hannover
E-Mail: abt.jugend@igbce.de

EVG Eisenbahn- und Verkehrsgewerkschaft

(Công đoàn Đường sắt và Giao thông Vận tải- EVG)

Referat Jugendpolitik (Phòng Chính sách Thanh niên)
Reinhardtstraße 23, 10117 Berlin
E-Mail: jugend@evg-online.org

Gewerkschaft Erziehung und Wissenschaft

(Công đoàn Giáo dục và Khoa học (GEW))

Hauptvorstand (Ban Chấp hành Trung ương)
Johanna Thumm, Referentin Junge GEW
(Johanna Thumm, Chuyên viên Thanh niên GEW)
Reifenberger Straße 21, 60489 Frankfurt am Main
E-Mail: johanna.thumm@gew.de

IG Metall Vorstand (Ban Chấp hành IG Metall)

Ressort Junge IG Metall und Studierende
(Bộ phận Thanh niên IG Metall và Sinh viên)
Wilhelm-Leuschner-Straße 79, 60329 Frankfurt am Main
E-Mail: jugend@igmetall.de

Gewerkschaft NGG

(Công đoàn Thực phẩm – Đồ uống – Nhà hàng (NGG))

Volkmar Wolf, Bundesjugendsekretär
(Volkmar Wolf, Thư ký Thanh niên Liên bang)
Haubachstraße 76, 22765 Hamburg
E-Mail: hv.jugend@ngg.net

JUNGE GRUPPE in der Gewerkschaft der Polizei (GdP)
(Nhóm Thanh niên trong Công đoàn Cảnh sát (GdP))

Patrice Thurow, Bundesjugendsekretär

(Patrice Thurow, Thư ký Thanh niên Liên bang)

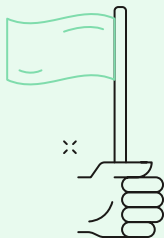
Stromstraße 4, 10555 Berlin

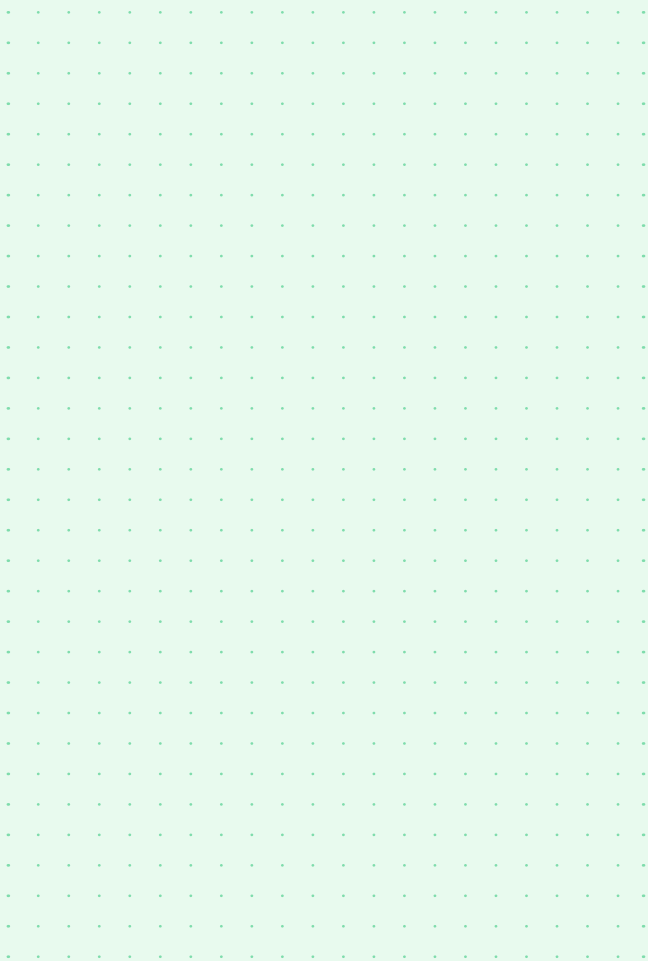
E-Mail: jungegruppe@gdp.de

ver.di Jugend (Thanh niên ver.di)

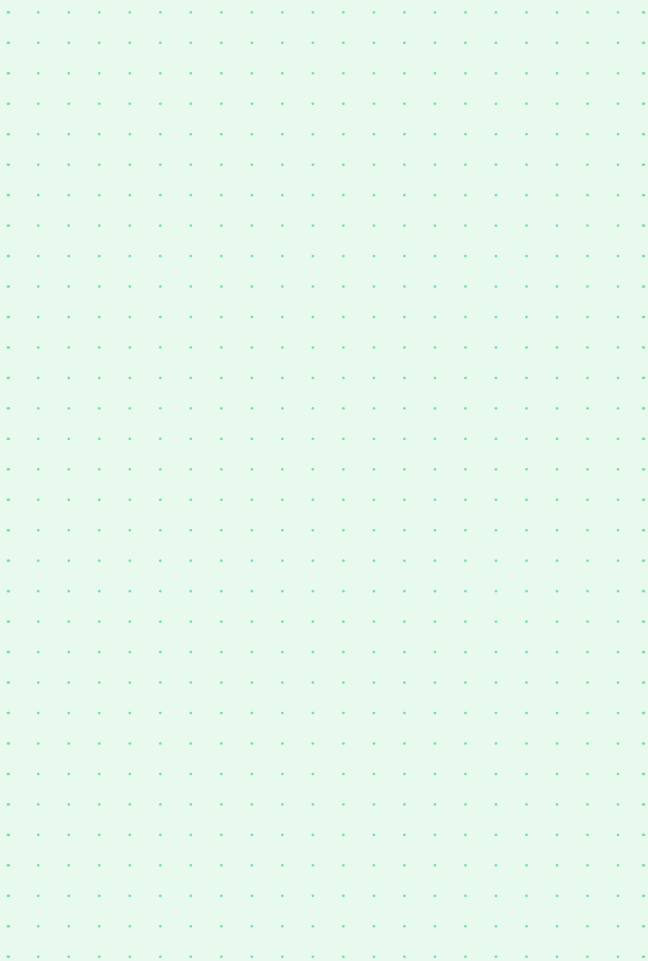
Paula-Thiede-Ufer 10, 10179 Berlin

E-Mail: jugend@verdi.de









Stichwortverzeichnis (Danh mục từ khóa)

A

Abitur (Tốt nghiệp THPT) → [S. 92](#)
Abschlussprüfung (Kỳ thi tốt nghiệp)

→ [S. 62](#)

Akkordarbeit (Làm việc theo năng suất) → [S. 52](#), [S. 78](#)

Akkordlohn → (Tiền lương theo năng suất) [S. 52](#)

Allgemeine Hochschulreife (siehe Abitur) (Tốt nghiệp THPT) (Xem Tốt nghiệp THPT) → [S. 92](#)

Arbeitgeber*in (Người sử dụng lao động) → [S. 08](#)

Arbeitgeber*innenverbände (Hiệp hội Người sử dụng lao động) → [S. 09](#)

Arbeitnehmer*in (Người lao động) → [S. 08](#)

Arbeitslosengeld (Tiền thất nghiệp) → [S. 73](#), [S. 95](#)

Arbeitsschutz (An toàn lao động) → [S. 50](#)

Arbeitsschutzgesetz (ArbSchG) (Luật An toàn Lao động (ArbSchG)) → [S. 13](#), [S. 50](#)

Arbeitsschutzkleidung (Trang phục bảo hộ lao động) → [S. 50](#)

Arbeitsstättenverordnung (Quy định về nơi làm việc) → [S. 51](#)

Arbeits- und Sozialstreitigkeiten (Tranh chấp lao động và xã hội) → [S. 72](#)

Arbeitszeit (Thời gian làm việc) → [S. 52](#)

Arbeitszeit für Jugendliche (Thời gian làm việc dành cho thanh thiếu niên) → [S. 53](#)

Arbeitszeit für volljährige Auszubildende (Người học nghề đã thành niên) → [S. 54](#)

Arbeitszeitgesetz (ArbZG) (Luật Thời gian làm việc (ArbZG)) → [S. 54](#)

Ärztliche Untersuchung (Khám sức khỏe) → [S. 32](#)

Aufhebungsvertrag (Hợp đồng chấm dứt thỏa thuận) → [S. 73](#)

Ausbildende → (Người đào tạo) [S. 08](#)

Ausbilder*in (Người hướng dẫn đào tạo) → [S. 08](#)

Ausbildung im dualen System (Hệ thống đào tạo kép) → [S. 06](#)

Ausbildungsfremde Tätigkeiten (Công việc không thuộc nội dung đào tạo) → [S. 46](#)

Ausbildungsgarantie (Bảo đảm Đào tạo nghề) → **S. 06**
Ausbildungsinhalte (Nội dung đào tạo) → **S. 43**
Ausbildungsmittel (Phương tiện đào tạo) → **S. 49**
Ausbildungsnachweis (Giấy chứng nhận hoàn thành đào tạo nghề) (siehe Berichtsheft) (Xem Sổ báo cáo thực tập)
Ausbildungsordnung (Quy định đào tạo nghề) → **S. 43**
Ausbildungsplan (Kế hoạch đào tạo) → **S. 44**
Ausbildungsqualität (Chất lượng đào tạo) → **S. 40**
Ausbildungsqualität im Betrieb (Chất lượng đào tạo nghề tại doanh nghiệp) → **S. 41**
Ausbildungsqualität in der Berufsschule (Chất lượng đào tạo tại trường nghề) → **S. 42**
Ausbildungsrahmenplan (Kế hoạch khung đào tạo) → **S. 43–44, S. 48**
Ausbildungsvergütung (Tiền lương đào tạo) → **S. 24, S. 25**
Ausbildungsvertrag (Hợp đồng đào tạo) → **S. 19**
Ausbildungszeugnis (giấy chứng nhận đào tạo) → **S. 86**
Auszubildende*r (Người học nghề) → **S. 08**
Außerbetriebliche Ausbildung (Đào tạo ngoài doanh nghiệp) → **S. 06**

B

BAföG für Schüler*innen ((BAföG) dành cho học sinh) → **S. 75**
Bankkonto (Tài khoản ngân hàng) → **S. 27**

Berichtsheft (Sổ báo cáo thực tập) → **S. 45**
Berufliche Weiterbildung (Đào tạo nâng cao nghề nghiệp) → **S. 94**
Berufsausbildung (Chương trình đào tạo nghề) → **S. 43**
Berufsausbildungsbeihilfe (BAB) (Hỗ trợ tài chính cho đào tạo nghề (BAB)) → **S. 75**
Berufsberatung (Tư vấn nghề nghiệp) → **S. 07**
Berufsbildungsgesetz (BBiG) (Luật Đào tạo Nghề (BBiG)) → **S. 13**
Berufsschule (Trường nghề) → **S. 42, S. 59**
Beschäftigte (Người lao động) → **S. 08**
Betrieblicher Ausbildungsplan (siehe Ausbildungsplan) (kế hoạch đào tạo tại doanh nghiệp) (xem kế hoạch đào tạo)
Betriebsrat (Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở) → **S. 100**
Betriebsvereinbarung (thỏa thuận doanh nghiệp) → **S. 100**
Betriebsverfassungsgesetz (BetrVG) (Luật Tổ chức Doanh nghiệp (BetrVG)) → **S. 13**
Bewerbung (Đơn xin việc) → **S. 91**
Bildungsträger (Trung tâm đào tạo) → **S. 06, S. 103**
Bildungsurlaub (Nghỉ phép đào tạo) → **S. 65**
Brutto → (Tiền lương gộp) **S. 30**
Bundesausbildungsförderungsgesetz (BAföG) (siehe BAföG für Schüler*innen) (Tiền khuyến khích giáo dục của CHLB Đức (BAföG)) (Xem xin tiền khuyến khích giáo dục của CHLB Đức (BAföG) dành cho học sinh)

D

Dienstvereinbarung (thỏa thuận giữa doanh nghiệp và công đoàn cơ sở)

→ S. 54

Diskriminierung (Phân biệt đối xử)

→ S. 34

Duales System (siehe Ausbildung im dualen System) (Hệ thống kép) (Xem Đào tạo nghề theo hệ thống kép)

Dr. Azubi (Chuyên gia tư vấn dành cho người học nghề) → S. 106

E

Erholungsurlaub (siehe Urlaub) (Nghỉ phép năm) (Xem ngày nghỉ phép)

Erstuntersuchung (siehe Ärztliche Untersuchung) (Khám lần đầu) (Xem khám sức khỏe)

Elterngeld (Tiền trợ cấp nuôi con)

→ S. 78-80

Elternzeit (Thời gian nghỉ nuôi con)

→ S. 78-80

F

Fachabitur (Bằng dự bị đại học ứng dụng) → S. 93

Fachhochschule (Học viện Khoa học Ứng dụng) → S. 92-93

Fahrzeiten (Thời gian bận di chuyển) → S. 54

Fehlzeiten (Vắng mặt) → S. 61

Finanzielle Hilfen während der (Hỗ trợ tài chính) Ausbildung (Học nghề) → S. 75

Freistellung für Berufsschule (Nghỉ học tại trường nghề) → S. 59

Freistellung für Prüfung (siehe Prüfung) (Giấy xin nghỉ để tham gia kỳ thi) (xem kỳ thi)

G

Gesetzespyramide (Kim tự tháp pháp luật) → S. 11

Gewerkschaften (Công đoàn)

→ S. 09

Grundsicherung (Tiền hỗ trợ cơ bản)

→ S. 80, S. 95

Günstigkeitsprinzip (Nguyên tắc có lợi) → S. 11

H

Haftpflichtversicherung (Bảo hiểm trách nhiệm dân sự) → S. 29

I

Insolvenz (Phá sản) → S. 82

Interessenvertretung (IV) bei (Đại diện quyền lợi tại doanh nghiệp)

Bildungsträgern (Trung tâm đào tạo) → S. 103

J

Jugend- und Auszubildendenvertretung (JAV) → S. 97 (Đại diện Thanh niên và Người học nghề) (JAV)

Jugendarbeitsschutzgesetz (JArbSchG) → S. 13 (Luật Bảo hộ Lao động cho Thanh thiếu niên (JArbschG))

K

Kindergeld (Tiền trợ cấp con cái)

→ S. 77-79

Krankenkasse (Công ty bảo hiểm y tế) → S. 28

Krankenversicherung (Bảo hiểm y tế) → S. 28

Kündigung (Sa thải) → S. 70-72

Kurzarbeit (Làm việc ngắn giờ) → S. 81

L

Lohn- bzw. Gehaltsabrechnung (Bảng lương) → S. 30

Lohnsteuerbescheinigung (Giấy xác nhận lương) → S. 30

M

Mehrarbeit (Tăng ca) → S. 55

Mindestlohn (Mức lương tối thiểu) → S. 18

Mindestausbildungsvergütung (Mức lương đào tạo tối thiểu) → S. 26

Minusstunden (Giờ âm / Giờ thiếu) → S. 56

Mitbestimmung (Tham gia ý kiến / Đồng quyết) → S. 96

Mobbing (Bắt nạt, khủng bố tinh thần) → S. 34

Mobilitätzuschuss (Trợ cấp di chuyển) → S. 08

Mutterschutzgesetz (MuSchG) (Luật Bảo vệ Bà mẹ - (MuSchG)) → S. 78

N

Nachhauseschicken (Không có việc làm) → S. 56

Nebenjob (Việc làm thêm) → S. 77

Netto (Tiền lương thực nhận) → S. 30

P

Pause (siehe Ruhepausen) (Nghỉ giải lao) (Xem Thời gian nghỉ giải lao)
Personalrat (Hội đồng nhân sự)

→ S. 100

Personalvertretungsgesetz (PersVG) → S. 13 (Luật Đại diện Nhân sự) (PersVG)

Pflegeversicherung (siehe Sozialabgaben) (Bảo hiểm chăm sóc) (Xem Đóng góp bảo hiểm xã hội)

Praktikum (Thực tập) → S. 18

Probezeit (Thời gian thử việc) → S. 32

Prüfung (Kỳ thi) → S. 62

R

Rangprinzip (Nguyên tắc thứ bậc) → S. 11

Rechtsschutz im Fall einer Kündigung (Bảo vệ quyền lợi pháp lý khi bị sa thải) → S. 72

Rentenversicherung (siehe Sozialabgaben) (Bảo hiểm hưu trí) (Xem Đóng góp bảo hiểm xã hội)
Ruhepausen (Thời gian nghỉ giải lao) → S. 57

S

Schlichtungsausschuss (auch Schlichtungsstelle) (Hội đồng Hòa giải) (Xem Cơ quan Hòa giải) → [S. 72](#)
Schüler*innenvertretung (SV) (Ban Đại diện Học sinh) → [S. 101](#)
Schwangerschaft (Thời gian mang thai) → [S. 78](#)
Schwerbehindertenvertretung (Đại diện Người khuyết tật nặng) → [S. 104](#)
Sexuelle Belästigung (Quấy rối tình dục) → [S. 34](#)
Solidarität (Tinh thần đoàn kết) → [S. 108–110](#)
Sozialabgaben (Đóng góp bảo hiểm xã hội) → [S. 30](#)
Sozialversicherung (siehe Sozialabgaben) (Bảo hiểm xã hội) (Xem Đóng góp bảo hiểm xã hội)
Sozialversicherungsnummer (Số bảo hiểm xã hội) → [S. 28](#)
Sozialversicherungssystem (Hệ thống bảo hiểm xã hội) (siehe Sozialabgaben) (Xem Đóng góp bảo hiểm xã hội)
Steuer (Thuế) → [S. 30](#)
Steuerliche Identifikationsnummer (IdNr) (Số nhận dạng thuế) (IdNr.) → [S. 27](#)
Streik (Đình công) → [S. 25](#)
Streikrecht (Quyền đình công) → [S. 12](#)
Studium (Học đại học) → [S. 92](#)

T

Tarifautonomie (Quyền tự chủ thỏa ước tập thể) → [S. 24](#)

Tarifverträge (Thỏa ước tập thể) → [S. 24](#)

Tarifvertragsparteien (Các bên tham gia thỏa ước tập thể) → [S. 24](#)
Teilzeitausbildung (Đào tạo bán thời gian) → [S. 23](#)

U

Übernahme (Tiếp nhận làm việc chính thức) → [S. 90](#)
Überstunden (Giờ làm thêm) → [S. 55](#)
Unfallversicherung (siehe Sozialabgaben) (Bảo hiểm tai nạn lao động) (Xem Đóng góp bảo hiểm xã hội)
Unterhalt (Hỗ trợ) → [S. 75](#)
Urlaub (Nghỉ phép) → [S. 64](#)

V

Vergütung (siehe Ausbildungsvergütung und Mindestausbildungsvergütung) (Tiền lương) (Xem tiền lương đào tạo và Mức lương đào tạo tối thiểu)
Verkürzung der Ausbildung (Rút ngắn thời gian đào tạo) → [S. 22](#)
Vertrauensleute (Đại diện tin cậy của Công đoàn) → [S. 104](#)
vollzeitschulische Ausbildung (Đào tạo toàn thời gian) → [S. 06](#)

W

Warnstreik (Đình công) → [S. 25](#)
Wegezeit (siehe Fahrzeiten) (Thời gian di chuyển) (Xem Thời gian di chuyển) → [S. 14](#)

Weiterbildung (siehe Berufliche Weiterbildung) (Nâng cao nghề nghiệp) (Xem Đào tạo nâng cao nghề nghiệp)

Wohngeld (Tiền trợ cấp nhà ở)

→ S. 76

Z

Zeugnissprache (Ngôn ngữ giấy chứng nhận) → S. 88

Zweiter Bildungsweg (siehe Studium) (Con đường học tập thứ hai) (Xem học đại học)

Impressum (Ấn phẩm)

V.i.tr.d.P. (Người chịu trách nhiệm nội dung theo luật báo chí) Nina Krüger,
DGB-Bundesjugendsekretärin (Nina Krüger, Thư ký Thanh niên Liên bang DGB)

Herausgeber (Nhà xuất bản)

DGB-Bundesvorstand (Ban điều hành liên bang DGB),
Keithstraße 1, 10787 Berlin

Konzept und Text (Ý tưởng và nội dung)

DGB-Bundesvorstand in Zusammenarbeit mit (Ban điều hành liên bang
DGB hợp tác với) goldenbogen. politische kommunikation (goldenbogen.
Truyền thông Chính trị); Überarbeitung und sprachliche Vereinfachung:
Holger Heiland (Chỉnh sửa và đơn giản hóa ngôn ngữ: Holger Heiland)

Rechtliche Prüfung und Beratung (Kiểm tra và tư vấn pháp lý)

RA Stefan Senkel (Luật sư Stefan Senkel)

Gestaltung (Thiết kế)

4S Design

Fotos(Hình ảnh)

Tiêu đề (Titel): mirsad sarajlic/istockphoto.com, tr. 03: Frank Thon, tr. 05: go2/
photocase.de, tr. 10: FG Trade Latin/istockphoto.com, tr. 15: Portra/istockphoto.
com, tr. 16: FG Trade/istockphoto.com, tr. 29: butenkow/istockphoto.com,
tr. 37: oatawa/istockphoto.com, tr. 38: Grapelimages/istockphoto.com, tr. 48:
artimedvedev/istockphoto.com, tr. 58: SolStock/istockphoto.com, tr. 74:
VladTeodor/istockphoto.com, tr. 83: PeopleImages/istockphoto.com, tr. 84:
Berk Ucak/istockphoto.com, tr. 94: AnnaStills/istockphoto.com

Druck (In ấn)

DCM Druck Center Meckenheim GmbH

7. Auflage Juli 2026 (Phiên bản thứ 7 Tháng 7 năm 2026)

Die Veröffentlichung stellt keine Meinungsäußerung des BMBFSFJ dar. (Việc
xuất bản này không thể hiện quan điểm của BMBFSFJ) Die Verantwortung
für den Inhalt der Veröffentlichung liegt bei der Autorin/dem Autor. (Trách
nhiệm về nội dung của ấn phẩm thuộc về tác giả.)

Gefördert vom:
(Được tài trợ bởi:)

Im Rahmen des:
(Trong khuôn khổ của:)



Bundesministerium
für Bildung, Familie, Senioren,
Frauen und Jugend



Kinder- und
Jugendplan
des Bundes

STÄRKEN, WAS DIE ZUKUNFT TRÄGT.

Deine Vorteile als Gewerkschaftsmitglied (thành viên công đoàn)(Lợi ích của bạn khi là thành viên công đoàn)

1/ **Được tư vấn chuyên sâu**

Khi gặp vấn đề trong quá trình học nghề hoặc học kép (duales Studium), chúng tôi luôn ở bên bạn. Là thành viên, bạn còn được kiểm tra giấy chứng nhận hoàn thành đào tạo hoàn toàn miễn phí. Ngoài ra, chúng tôi thường xuyên cung cấp cho bạn tất cả thông tin quan trọng về thể giới việc làm.

2/ **Có tiếng nói chính trị mạnh mẽ**

Làm việc và thu nhập phải được phân chia công bằng, người yếu thế cần được bảo vệ. Đó là lý do chúng tôi – Gewerkschaftsjugend – (Thanh niên Công đoàn) đấu tranh. Sức mạnh của chúng tôi chính là số lượng thành viên – hiện gần 6 triệu người. Càng đông thành viên, chúng tôi càng tạo ra được nhiều thay đổi.

3/ **Mạng lưới rộng lớn**

Với chúng tôi, bạn có rất nhiều cơ hội gặp gỡ, kết nối, cùng nhau hoạt động và đạt được thành tựu. Và tất nhiên, chúng tôi cũng biết cách ăn mừng những chiến thắng một cách xứng đáng.

4/ **Cùng nhau hành động**

Nguyên tắc của Gewerkschaft (công đoàn) dựa trên tình đoàn kết. Cùng nhau chúng ta có thể làm được nhiều hơn. Chúng tôi đấu tranh cho một chương trình đào tạo nghề tốt hơn và một xã hội công bằng hơn, nơi mọi người đều có cuộc sống tốt đẹp. Bạn có thể đưa ra ý kiến và đóng góp chủ đề của mình. Gewerkschaftsjugend (Thanh niên Công đoàn) cũng tạo ra nhiều hoạt động để cùng nhau trải nghiệm và tận hưởng niềm vui.



- 5 / Được bảo vệ pháp lý**
Là Gewerkschaftsmitglied (thành viên công đoàn), bạn được Arbeits- und Sozialrechtsschutz (bảo vệ pháp lý miễn phí trong mọi tranh chấp lao động). Ngoài ra, bạn còn được bảo vệ tốt trong các vấn đề với Kranken- und Rentenversicherung (bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm tai nạn lao động (Berufsgenossenschaft) nhờ dịch vụ Sozialrechtsschutz (bảo vệ quyền lợi xã hội) của chúng tôi.
- 6 / Được bảo vệ bởi Thỏa ước tập thể**
Chỉ khi là Gewerkschaftsmitglied (thành viên công đoàn), bạn mới có quyền pháp lý hưởng đầy đủ tất cả các quyền lợi từ các Tarifverträgen (thỏa ước tập thể) mà chúng tôi đã đàm phán.
- 7 / Sẵn sàng đình công**
Khi đàm phán Tarifverhandlungen (thỏa ước tập thể) gặp khó khăn, chúng tôi hỗ trợ thành viên. Ví dụ: chi trả tiền Streikgeld (hỗ trợ đình công).
- 8 / Phát triển trong học tập vui vẻ**
Chúng tôi có rất nhiều chương trình giáo dục thanh niên chất lượng cao – seminar, gặp gỡ quốc tế, trường hè, workshop và nhiều hoạt động khác. Bạn có thể nâng cao kỹ năng cho công việc hoặc đơn giản là theo đuổi những điều mình đam mê – hoàn toàn tự nguyện, dân chủ và thường miễn phí.
- 9 / Bảo hiểm tai nạn ngoài giờ làm việc**
Nếu bạn bị tai nạn trong thời gian rảnh và phải nhập viện điều trị, bạn sẽ nhận được tiền trợ cấp ngày nằm viện. Trong trường hợp nghiêm trọng nhất, bạn còn được bồi thường thương tật vĩnh viễn hoặc bồi thường tử vong.
- 10 / Nhiều ưu đãi đặc biệt**
Nhiều công đoàn DGB-Gewerkschaften (thành viên DGB) có các ưu đãi đặc biệt dành riêng cho thành viên, ví dụ: giảm giá du lịch, mua xe ô tô, bảo hiểm xe hơi, cước điện thoại di động. Bạn có thể tìm hiểu chi tiết tại DGB-Mitgliedsgewerkschaft (công đoàn DGB) mà bạn tham gia.

Aufnahmeschein in eine Gewerkschaft des DGB (nhập Công đoàn thuộc DGB) (Đơn gia nhập Công đoàn thuộc DGB)

- ☐ IG Metall Jugend
- ☐ Junge GEW
- ☐ jungeNGG
- ☐ IGBCE-Jugend
- ☐ Junge Gruppe (GdP)
- ☐ ver.di Jugend
- ☐ EVG-Jugend
- ☐ Junge BAU

Vor- und Nachname (Tên và Họ)

Geburtsdatum (Ngày tháng năm sinh) Geschlecht: (Giới tính)

Straße und Hausnummer (Tên đường, số nhà)

Postleitzahl und Ort: (Mã bưu chính và thành phố)

E-Mail-Adresse (privat): (Địa chỉ email) (Cá nhân)

Telefonnummer (privat): (Số điện thoại) (Cá nhân)

Arbeitgeber*in: (Người sử dụng lao động)

Beruf: (Nghề nghiệp)

- Employment status
- ☐ Studierende*r
(Sinh viên)
- ☐ Auszubildende*r
(Người học nghề)
- ☐ Arbeiter*in
(Công nhân)
- ☐ Dual Studierende*r
(Sinh viên kép)
- ☐ Sonstiges
(Điều khoản khác)
- ☐ Beamtin/Beamter
(Công chức)
- ☐ Angestellte*r
(Nhân viên)

Bitte auch die zweite Seite des Formulars ausfüllen (bitte wenden).
(Vui lòng điền vào trang thứ hai của biểu mẫu (vui lòng lật trang)).

Tôi đồng ý rằng đơn gia nhập này sẽ được DGB chuyển đến Gewerkschaft (công đoàn) có thẩm quyền (xem thông tin ở trên) mà không lưu trữ dữ liệu.

Ngày / Chữ ký của người nộp đơn

Tôi đồng ý rằng các thông tin tôi cung cấp, bao gồm cả những thay đổi và bổ sung (nếu có), có thể được xử lý và sử dụng ở mức cần thiết để thực hiện tất cả các nhiệm vụ liên quan đến tư cách thành viên, đặc biệt là quản lý danh sách hội viên, cung cấp thông tin cho hội viên cũng như khấu trừ hội phí, kể cả thông qua việc trao đổi dữ liệu bằng phương tiện lưu trữ với sự hỗ trợ của máy tính (xử lý tự động).

Ngày / Chữ ký của người nộp đơn

Tôi ủy quyền cho Gewerkschaft (công đoàn) có thẩm quyền thu khoản hội phí theo điều lệ khi đến hạn từ tài khoản đã nêu của tôi bằng hình thức ghi nợ trực tiếp (Lastschrift). Đồng thời, tôi chỉ thị cho tổ chức tín dụng của mình thực hiện thanh toán các khoản ghi nợ do Gewerkschaft (công đoàn) nêu trên trích từ tài khoản của tôi. Lưu ý: Tôi có thể yêu cầu hoàn trả số tiền đã bị ghi nợ trong vòng 8 tuần, kể từ ngày ghi nợ. Các điều kiện đã thỏa thuận với tổ chức tín dụng của chúng tôi sẽ được áp dụng.

Thu nhập brutto (trước khi trừ thuế và các khoản khấu trừ) hàng tháng /
Nhóm lương theo thỏa ước

Ngân hàng

BIC/SWIFT

IBAN

Ngày / Chữ ký của người nộp đơn



**Deutscher Gewerkschaftsbund
Bundesvorstand
Abteilung Jugend und Jugendpolitik
Keithstraße 1 – 3
10787 Berlin**

Nộp trực tiếp hoặc
gửi qua bưu điện



SOLIDARITÄT
GEHT
IMMER!